

15 THÁNG 9 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười ba

NHƯ PHONG — VÕ PHIẾN — NGUYỄN MẠNH CÔN
cảm nghĩ nhân Chủ tịch Bắc Việt Hồ Chí Minh từ trần

• PHẠM VIỆT CHÂU *trăm Việt trên vùng định mệnh*
Mã-lai, tường hợp một phòng tuyến vỡ • KIM ĐỊNH

ba đợt văn minh • NGUYỄN KHẮC TIẾN TÙNG *nửa*
phần thế giới bên kia : Cộng-hòa Nhân dân Ba-lan •

CUNG GIỮ NGUYỄN *toán số với cần khôn* • NGUYỄN

ĐỨC CUNG *vấn đề thời ký Tây phương* • HOÀNG

NGỌC CHÂU *chị Bèo* • TƯỜNG LINH *luân hồi* • LÊ

ĐÌNH PHẠM PHÚ *vẽ ru tỉnh Quảng* • HOÀNG LỘC

vì làm người lưu vong • LÊ BÁ LĂNG *thư từ D.M.Z*

• DẶNG TẤN TỚI *một buổi lang thang trong xóm*

vắng • ĐỊNH NGUYỄN *tình hồng* • TRẦN DZA LƯ

cám ơn em • HẰNG VŨ *những giọt máu hồng* •

TRÀNG THIÊN — HOÀNG NGHỊ *vụ Kouznetsov* •

TỪ TRÌ *thời sự thế*

giới • MINH QUÂN

khóc Mộng Trung •

305





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 305 ngày 15 - 9 - 1969

NHƯ PHONG — VÕ PHIẾN — NGUYỄN MẠNH CÔN cảm nghĩ nhân Chủ tịch Bắc-Việt Hồ-Chí-Minh, lãnh tụ Cộng-sản V.N., từ trần	5
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Mã-lai, trường hợp một phòng tuyến vỡ (II)	11
KIM ĐỊNH ba đợt văn minh	17
NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG nửa phần thế giới bên kia : Cộng- hòa Nhân-dân Ba-lan, từ một nước đa chủng thành một quốc gia thuần chủng dưới chế độ Cộng-sản.	23
CUNG GIỮ NGUYỄN toán số với cần khôn : tìm thêm một điểm tựa	27
NGUYỄN ĐỨC CUNG vấn đề thời kỳ Tây-phương	33
HOÀNG NGỌC CHÂU chị Bèo (truyện)	37
TƯỜNG LINH luân hồi (thơ)	45
LÊ-ĐÌNH PHẠM-PHÚ về ru tình Quảng (thơ)	46
HOÀNG LỘC vì làm người lưu vong (thơ)	47
LÊ-BÁ LĂNG thư từ D.M.Z. (truyện)	49
ĐẶNG TẤN TỐI một buổi chiều lang thang trong xóm vắng (thơ)	58
ĐÌNH NGUYỄN tình hồng (thơ)	58
TRẦN-DZA-LỮ cảm ơn em (thơ)	59
HẰNG VŨ những giọt máu hồng (truyện)	60
TRĂNG THIÊN — HOÀNG NGHỊ vụ Kouznetsov	69
TỪ TRÌ thời sự thế giới	77

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi : 60 \$

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— Nghề viết văn của Nguyễn Hiến Lê do nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 222 trang xuất bản lần thứ nhất năm 1955 gồm 3 phần: Nghề viết văn hiện nay ở nước ta, viết một tác phẩm và xuất bản tác phẩm đó. Giá 120 đ.

— Chợt nghe lòng băng khuâng truyện dài của Thanh Việt Thanh do Hồng Lĩnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 115 trang, bìa do họa sĩ Nguyễn Kha và phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật. Giá 100 đ.

— Quê hương như một thánh tích tập thơ của Hoàng Bảo Việt do

Văn Uyển xuất bản và gửi tặng. Sách dày 142 trang là tập thơ thứ 3 của tác giả, gồm ngót 40 bài thơ từ 1963 đến 1968. Giá nhất định 40 đ.

— Phía mặt trời mọc tập truyện của Chu vương Miện do Thái độ xuất bản tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 6 truyện, lấy chất liệu ở lịch sử và huyền sử. Bản đặc biệt. Giá 110 đ.

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên đến phút chót Tòa soạn đã phải đề lại kỳ tới bài: Khóc Mộng Trung của Bà Minh Quân và các mục: Thời sự văn nghệ, Thời sự khoa học...

Xin trân trọng cáo lỗi cùng Bà Minh Quân, Ô.Ô. Tràng Thiên, Tử Diệp và quý vị độc giả.

Tòa soạn BÁCH KHOA

Rượu bổ
QUINQUINA

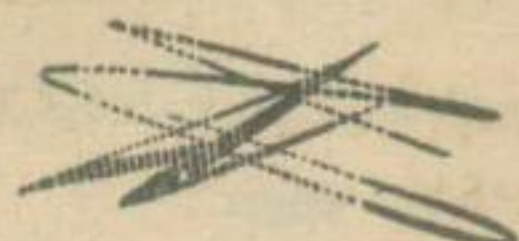


Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE



khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.6YT

CẢM NGHĨ, NHÂN CHỦ TỊCH BẮC - VIỆT

HỒ-CHÍ-MINH, LÃNH TỤ CÔNG-SẢN V.N. TỪ TRẦN

của NHƯ-PHONG, VÕ-PHIẾN, NGUYỄN MẠNH CÔN

Hồ-Chí-Minh

với chiến-tranh và hòa-bình

Như-Phong

Hồ Chí Minh và phong trào cộng sản ở Việt Nam

Trong các lãnh tụ của Đảng Lao Động, người đầu tiên viết sách ca tụng công đức của Hồ Chí Minh là Trường Chinh. Họ Hồ được Trường Chinh gọi là «Người Sáng Lập Rèn Luyện Và Lãnh Đạo Đảng Ta» (1). Nhưng trong tập sách nhỏ này, người cựu Tổng Bí Thư của Đảng Cộng Sản Đông Dương và Đảng Lao Động Việt Nam sau đó, đã không hề chứng minh rằng họ Hồ là người đã truyền bá chủ nghĩa cộng sản và tổ chức phong trào cộng sản ở Việt Nam và ở Đông Dương. Cho tới nay, tất cả các tài liệu khác do Đảng Lao Động xuất bản, nhất là cuốn «Lịch sử Ba mươi năm Tranh đấu của Đảng ta», đều chỉ nói rất mơ hồ về vai trò của Hồ Chí Minh trong lịch sử phong trào cộng sản ở Việt Nam và Đông Dương. (2)

Xuất ngoại từ năm 22 tuổi (3) tức là vào năm 1912 — nếu quả thật Hồ sinh năm 1890 — Hồ Chí Minh cho đến 1944 không hề trở về nước lần nào. Trong 32 năm trường ở nước ngoài, thoát đầu

họ Hồ hoạt động với tư cách đảng viên đảng Xã hội Pháp, rồi đảng viên đảng Cộng sản Pháp. Từ năm 1925, Hồ Chí Minh chính thức trở nên một cán bộ của Quốc tế Cộng sản (Comintern) do Liên Xô cầm đầu và họ Hồ làm việc trong phái đoàn Borodine tại Quảng Châu cho tới 1927. Trong thời gian này, họ Hồ cùng với những người cách mạng Việt Nam lưu vong tại Trung-Hoa lập nên «Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội» (tháng 6-1925). Do đề nghị của họ Hồ, Quốc tế Cộng sản cấp phương tiện cho một số người của Hội về tổ chức trong nước. Nhưng ngay tại trong nước, những đồng chí của họ Hồ đã phải tranh thủ quần chúng với các tổ chức cách mạng khác, nhất là với các tổ chức của những người Cộng sản Việt Nam đã hoạt động trước họ hoặc

(1) Trường Chinh, bản in lần thứ ba, Sự Thật xuất bản, Hà Nội 19... .

(2) Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao Động xuất bản, Hà Nội 1960.

(3) Nam Mộc, «Hồ chủ tịch của chúng ta», bản in lần thứ ba, Sự Thật xuất bản, Hà Nội 1955

đồng thời với họ. Đó là những người Việt Nam trong khi lưu vong ở Trung Hoa đã gia nhập Đảng Cộng Sản Trung quốc và được đảng này cho trở về Việt Nam gây dựng phong trào. Những người này lập nên ba tổ chức cộng sản khác nhau, đó là: *Đông Dương Cộng Sản Đảng*, *An Nam Cộng Sản Đảng* và *Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn*. Cuối năm 1929, lợi dụng sự phân hóa trầm trọng của đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc tế Cộng sản do Liên Xô cầm đầu đã dùng Hồ Chí Minh để tách rời phong trào cộng sản Việt Nam ra khỏi vòng lệ thuộc Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tháng Giêng 1930 Hồ Chí Minh hoàn thành sứ mạng này tại Hội nghị HongKong, hợp nhất ba tổ chức cộng sản nói trên cùng với Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, lập thành Đảng Cộng Sản Đông Dương. Tháng 4-1931, tại Hội nghị Toàn thể lần thứ mười một họp tại Mạc-tư-khoa, Quốc tế Cộng sản công nhận Đảng Cộng-sản Đông Dương là một chi bộ quốc gia và cấp cho một khoản tiền trợ cấp hàng tháng là 5.000 francs, tương đương với khoảng 1.250 Mỹ kim (1).

Trở về nước năm 1944, Hồ Chí Minh chưa có địa vị rõ rệt gì trong Đảng. Ngày 2 tháng 9-1945, khi xuất hiện lần đầu tiên tại Hà Nội để đọc bản Tuyên-ngôn Độc-lập, Hồ Chí Minh mới có danh vị là Chủ tịch Chính phủ Lâm thời. Ngày 6 tháng 3-1946 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh được Quốc hội của ông ta bầu làm Chủ tịch nước VNDCCH. Địa vị trong Đảng của Hồ Chí Minh chỉ được xác nhận lần đầu tiên sau Đại Hội lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương họp « tại một địa điểm ở Việt Bắc từ ngày 11 đến 19 tháng 2-1951 ». Tại Đại hội này, Đảng Cộng sản Đông Dương đổi tên thành

Đảng Lao Động Việt Nam và Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương (2).

Hiển nhiên là từ 1950 trở về trước, Hồ Chí Minh chỉ là một cán bộ và là cán bộ rất trung thành và rất đặc lực của Quốc tế Cộng sản, do đảng Cộng sản Nga cầm đầu. Trong thời kỳ ở nước ngoài, Hồ Chí Minh chỉ đóng vai trò trung gian giữa Quốc tế Cộng sản với phong trào Cộng sản trong nước. Trở về Bắc Việt từ 1944 cho đến đầu năm 1951, Hồ Chí Minh đóng vai trò một phái viên rất được tin nhiệm của Quốc tế Cộng sản làm việc bên cạnh Đảng Cộng sản Đông Dương. Với tư cách đó, Hồ Chí Minh là người độc nhất có thẩm quyền để tiếp nhận các chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, chuyển đạt các yêu cầu của Đảng lên Quốc tế Cộng sản điều giải các mâu thuẫn trong nội bộ đảng để gìn giữ sự nhất trí của phong trào dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Liên-xô.

Hồ-Chí-Minh qua hai cuộc chiến

Trong 25 năm qua bộ máy tuyên truyền của cộng sản chỉ sùng bái Hồ Chí Minh với tư cách là một người hành động thiên tài chứ không phải là nhà lý thuyết. Tất cả các chỉ thị của Đảng và của Nhà Nước cộng sản đưa ra từ trước, tới nay, nhân ngày 19 tháng 5, gọi là ngày sinh nhật Hồ Chí Minh, đều chỉ nhắc nhở cán bộ và đảng viên phải hướng dẫn toàn dân « học tập và thực hành đạo

(1) Gerard Walter, *Histoire du Parti Communiste Français*, trang 75, do Milton Sacks dẫn trong cuốn *Marxism in Southeast Asia*, Stanford University Press, bản in 1965.

(2) Nhân Dân, số 1, ngày 11-3-1951, dẫn trong « Cuộc Kháng chiến Thần thánh », tập 3, Sự Thật xuất bản, Hà Nội tháng 10.1959.

đức của Hồ Chủ tịch: Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư » (1). Không như Stalin, Mao Trạch Đông hoặc Tito, Hồ Chí Minh không để lại một chút dấu tích gì có thể gọi là « tư tưởng của Hồ ». Đối với vấn đề chiến tranh và hòa bình, sự thể cũng đúng như vậy. Sau tám năm Chiến tranh Đông Dương và sau chín năm tiến hành Chiến tranh xâm lược miền Nam, Hồ Chí Minh không để lại một bản luận cương nào bày tỏ tư tưởng của mình đặt cho toàn Đảng lấy đó làm cơ sở ấn định sách lược chiến tranh và hòa bình.

Trải qua cả hai cuộc chiến, mỗi năm Hồ Chí Minh chỉ đưa ra một lời « kêu gọi » toàn quân và toàn dân hãy chiến đấu hăng say hơn nữa, hãy hy sinh nhiều hơn nữa, hãy kiên trì vượt mọi gian khổ cho đến khi chiến thắng hoàn toàn. Trong những lời kêu gọi thường lệ hàng năm đó, Hồ Chí Minh mỗi năm càng tỏ ra hiểu chiến hơn năm trước, lạc quan và tin tưởng hơn năm trước. Việc cộng sản chịu chấm dứt cuộc chiến tranh Đông-Dương vào tháng 7-1954 cũng như việc phát động chiến tranh xâm lược miền Nam từ 1960, tuyệt nhiên không phải là hoàn toàn do quyết định của cá nhân Hồ Chí Minh. Tất cả các dữ kiện và các tài liệu, nhất là những tài liệu do phía cộng sản công bố, đều minh chứng rằng việc hòa hay chiến cũng như mọi quyết định quan trọng khác đều do sự thoả hiệp của các nhóm chỉ phối quyền lực trong Bộ Chính trị và trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau khi đã nhận được mệnh lệnh, hoặc được sự tán trợ của Quốc tế Cộng sản. Chính Hồ Chí Minh đã đưa ra lời xác nhận rằng cộng sản chịu ngưng cuộc Chiến tranh Đông

Dương năm 1954 là do áp lực của Liên-xô với sự đồng ý của Trung Cộng, mặc dầu quân Pháp vừa bị thảm bại trong trận đánh quyết định tại Điện Biên Phủ. Trong « Lời Kêu Gọi sau khi Hiệp định đình chiến ở Đông Dương đã ký kết ở Genève » công bố ngày 22-7-1954, Hồ Chí Minh nói :

« Do sự cố gắng của đại biểu Liên-xô tại Hội nghị Berlin, mà có cuộc đàm phán giữa ta và Pháp ở Hội nghị Genève. Ở hội nghị Genève, do sự đấu tranh của đoàn đại biểu ta và sự giúp đỡ của hai đoàn đại biểu Liên-xô và Trung Quốc, ta đã thu được thắng lợi lớn... » (2)

Trước đó, từ ngày 3 đến 5 tháng 7, tại một địa điểm nói là ở biên giới Hoa-Việt, Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và thảo luận rất kỹ với Chu Ân Lai để bàn về « vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương và góp phần làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng » (3).

Trong những năm và những tháng cuối cùng của đời mình, Hồ Chí Minh đã được chứng kiến những mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn lên giữa

(1) Trường Chinh, sách đã kể trên

(2) Hồ Chí Minh « Con đường hoà bình », gồm những bài trả lời các cuộc phỏng vấn và những lời kêu gọi từ tháng 11-1953 đến tháng 8-1954; Sự Thật xuất bản; in lần thứ hai, Hà Nội 1955.—Hội nghị Berlin đầu năm 1954 giữa Mỹ, Anh, Pháp và Nga, mở ra chưa đầy một năm sau khi Stalin chết; Liên Xô lúc đó bắt buộc phải theo đuổi một chính sách hoà hoãn hơn, đáng có thời giờ giải quyết các mâu thuẫn nội bộ gây ra do vấn đề kế vị Stalin. Quốc tế cộng sản lúc đó chưa phân hóa và đảng cộng sản Nga vẫn giữ trọn quyền điều khiển.

(3) Cuộc Kháng chiến Thần thánh, tập 4 Sự Thật xuất bản, Hà Nội tháng 3-1960 trang 385.

Liên Xô và Trung Cộng. Cuộc chiến tranh thứ hai này của Hồ Chí Minh chưa được phép ngưng mà bản thân họ Hồ thì đã chết giữa hai luồng áp lực

Hậu quả tất nhiên của việc sùng bái cá nhân.

Xuân Diệu đã được thưởng cấp đặc biệt khen thưởng khi anh ta viết như sau đề chấp hành chỉ thị của Đảng phải thần thánh hóa Hồ Chí Minh : « Đối với các thi sĩ, cụ Hồ là một nguồn thơ vô tận. Bao nhiêu thi sĩ say mê với cái tên Hồ Chí Minh... Và khi thơ đã làm xong, đứng báo xong họ nhìn nhau mà tự cười, cái cười thú nhận sự bất lực chung. » (1),

Xuân Diệu đã nhắc đến những câu như :

« Hồ Chí Minh ! Chỉ Người là có thể

Lái con thuyền Tò Quốc đến vinh quang »

Đúng như vậy, từ bao nhiêu năm qua, bộ máy tuyên truyền của Đảng và nhà nước cộng sản, với sự khuếch đại của các đảng và tổ chức anh em của họ trên khắp thế giới, đã thành công đến độ làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng của họ tin chắc rằng chỉ có những điều do Hồ Chí Minh nói ra mới là chân lý tuyệt đối, và vì vậy mới được mọi khuynh hướng trong toàn Đảng tuân theo. Cái chết của Hồ Chí Minh tạo nên một khoảng trống trong cơ cấu lãnh đạo Đảng và nhà nước mà một « tập thể gồm những người bạn chí thiết » của họ Hồ dù có tận tình đoàn kết đến đâu đi nữa cũng không thể nào thay thế được. Mặt khác, tất cả những « Lời kêu gọi » của họ Hồ từ trước đến nay, nhất là lời kêu gọi gần đây hơn cả, thúc giục toàn Đảng, toàn quân và toàn dân phải « tiếp tục chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hay là hơn nữa » cho đến khi đạt được « thắng lợi hoàn toàn, tất cả những lời kêu gọi đó còn có giá trị trong một

thời gian tới đây như là những giáo điều.

Giả thử vấn đề kế vị Hồ Chí Minh được giải quyết tạm thời do một thỏa hiệp giai đoạn giữa các nhóm chi phối quyền lực trong Bộ Chính trị và trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tập thể lãnh đạo mới này cũng bắt buộc phải nhắc lại đúng từng câu từng chữ những điều Hồ Chí Minh đã nói về việc xây dựng miền Bắc và xâm lược miền Nam. Trong khi đó, cuộc đấu tranh quyền lực sẽ diễn ra từ bóng tối ra công khai cho tới lúc Đảng và nhà nước cộng sản có được một chủ nhân ông mới. Ông chủ mới này cũng chỉ có thể lái đi dần dần những điều mà Hồ Chí Minh vạch ra trước kia khi nào ông chủ mới đó hội đủ ít nhất hai điều kiện không có không được sau đây :

— 1) củng cố được địa vị và quyền lực đủ vững chắc bằng cách loại trừ tất cả các đối thủ của mình ra khỏi bộ máy lãnh đạo của Đảng, của quân đội và của các cơ quan hành chính.

— 2/ được sự chấp thuận đồng thời của cả Liên Xô lẫn Trung Cộng để noi theo một đường lối mới, trong đó có cả vấn đề thôn tính miền Nam bằng đường lối chiến tranh hoặc là tạm ngưng chiến để chờ đợi thôn tính miền Nam bằng đường lối khác. (2)

(1) Nhân Dân với Hồ Chủ tịch, Sự Thật xuất bản, in lần thứ ba, Hà Nội 1955, trang 51.

(2) Stalin, Chiến lược và chiến thuật, bài nói chuyện tại trường đại học Sverlov, tháng 4-1924 với đầu đề Chủ nghĩa Lenin : « Giai cấp cách mạng phải căn cứ vào kinh nghiệm cay đắng của mình mà rút ra bài học rằng không biết tấn công cho đúng và hoai lui cho đúng thì không thể nào thắng lợi được. Mục đích của chiến lược này là tranh thủ thời gian làm tan rã kẻ địch, sửa soạn lực lượng của ta để tấn công kẻ địch sau này ». Kiểu mẫu áp dụng chiến lược này là việc Liên-xô ký Hiệp ước Brest-Litov riêng rẽ với Đức tháng 3.1918 và chịu nhượng bộ Đức để rút ra khỏi cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất đang trở về thanh toán nội bộ. Công thức Brest-Litov sau đó còn được gọi là « biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến ».

Trong thời kỳ quá độ này, các nhóm hiện đang chi phối quyền lực tại Hà Nội phải cố gắng hết sức để có thể duy trì nhịp độ và cường độ các cuộc tấn công của cộng quân trên chiến trường miền Nam tương đương với thời kỳ « lập chiến công chúc thọ Hồ Chủ-tịch » trong tháng 5 vừa qua. Đồng thời, Hà Nội cũng phải tiếp tục cuộc đàm phán kéo dài tại Ba-lê.

Một sự giảm sút cường độ tác chiến của cộng quân trên chiến trường miền Nam trong thời gian tới đây sẽ bị cán bộ, bộ đội và quần chúng của cộng sản ở miền Nam coi như phản ảnh của tình trạng sa sút của miền Bắc cả về tinh thần và vật chất sau cái chết của Hồ Chí Minh. Tình trạng sa sút của miền Bắc nếu được biểu lộ như vậy sẽ có thể mau chóng đưa phong trào « giải phóng miền Nam » đến chỗ tan rã. Mặt khác, nếu phe cộng sản đơn phương cắt đứt hòa đàm Ba-lê một

cách đột ngột thì hành động này chứng minh rằng Hồ Chí Minh đích thực là một phần tử chủ hòa trong khi những kẻ kế vị ông ta gồm những phần tử cuồng chiến hiếu sát, và rằng đã từ mấy chục năm qua họ Hồ đã là nạn nhân của những phần tử này, đã bị áp chế và bị bắt buộc phải nói lên những điều trái với ý muốn của mình.

Như vậy trong những ngày tới đây, nếu tại miền Nam, cộng quân có hành động liều lĩnh đến tuyệt vọng nào đó để gọi là « biến đau thương thành hành động cách mạng », hoặc là tại hoà đàm Ba-lê nếu phe cộng sản có viện ra những lý do nào đó để kéo dài thời gian ngưng họp, đừng có thời giờ giải quyết phần nào những khó khăn nội bộ, những điều đó nếu có xảy ra cũng không làm cho chúng ta ngạc nhiên.

N.P.

Võ-Phiến

Ông Hồ-Chí-Minh sống một cuộc đời hoạt động tận tụy. Tuy nhiên, nếu không có ông ấy và đảng Cộng sản trong cuộc đấu tranh giành lại chủ quyền, chắc chắn đất nước ta đã không phải chia cắt, nền độc lập đã không mãi bị đe dọa, và dân tộc đã không bị điều linh chết chóc quá đỗi như thế này. Trước sự thành công của bao nhiêu quốc gia Á Phi khác đã thoát ách thống trị từ sau cuộc đệ nhị thế chiến đến nay, dĩ nhiên không thể cắt nghĩa sự thất bại của Việt-Nam bằng lý do thiếu khôn ngoan và can đảm của dân tộc ta.

Ông ấy chết giữa một giai đoạn khó khăn của Bắc Việt : giữa cuộc đối đầu dờ dang với cường quốc mạnh nhất của phe bên này, giữa cuộc tranh chấp gay gắt với hai cường quốc lớn nhất phe bên kia, giữa một thời phân vân ly tán của khối cộng sản, giữa lúc mà sự mâu thuẫn các thể hệ gây khủng hoảng cho cuộc sống xã-hội khắp nơi... Để đối phó với tình thế ấy, cần có một uy tín vượt lên trên các phe phái, xu hướng chống đối nhau. Uy tín, chứ không phải tài năng mà đủ, không ai dám quả quyết rằng trong lớp người sau sẽ không có tài năng nào sánh bằng lớp người trước. Tuy nhiên có thể chắc rằng sẽ không có ai có được cái lợi thế của ông ấy : cái huyền-thoại do công cuộc tuyên truyền tích cực trong ba mươi năm trời gây nên. Đó là một thất lợi đặc biệt quan trọng trong một chế độ cai trị luôn luôn đòi hỏi ở dân chúng sự cố gắng hy sinh tột bậc, do đó đòi hỏi một sự phục tùng, một tin tưởng nghiêm túc chất mê tín đối với giới lãnh đạo.

Nguyễn-Mạnh-Côn

KHÍ THIÊNG KHI ĐÃ VỀ THẦN?

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ trần. Tôi nghĩ ông buồn mà chết. Không phải vì công cuộc chiếu cố miền Nam thất bại, mặc dù tôi quả quyết rằng nó thất bại, dù mới trên phương diện quân sự không thôi. Mặc dù, theo tôi nghĩ, cuộc đấu tranh chính trị của cộng sản rồi ra cũng thất bại, vì một lý lẽ đơn giản nhưng sáng tỏ là, trong vòng 15 năm nay, người cộng sản có toàn quyền sinh sát ngoài Bắc, mà cũng không làm được gì đáng gọi là cách mạng, và tương xứng với không biết bao nhiêu hy sinh, cố gắng của đồng bào ngoài đó.

Một cuộc đấu tranh chính trị gay go bao giờ cũng đem thắng lợi về cho phe đảng nào thực hiện được những công trình đổi mới đời sống, mà người ta thường khao khát, ước ao như những công trình cách mạng. Trong miền Nam có một số người hướng về miền Bắc chỉ vì chính quyền VNCH được đặt trên căn bản dân chủ tư sản dù sao cũng đã cũ kỹ, trong khi những người cộng sản hứa hẹn cách mạng thật nhiều, và thật dễ dàng.

Vậy cuộc chiến đấu của những người cộng sản Việt-nam trong hiện tại, và trong một tương lai gần, chỉ có thể thất bại. Một lãnh tụ tầm thường có thể buồn mà chết. Nhưng Chủ tịch Hồ-Chí-Minh không phải là một lãnh tụ tầm thường. Từ những ngà tâu khồ trong tù ngục, không được đứng chỉ được ngồi trong một cái hang đá tỉnh Quảng Tây đến những ngày quanh vịnh của Tổng-khởi-nghĩa, con người Cụ Hồ-Chí-Minh không hề đổi thay : một phen thất bại trong Nam, nếu vì bất cứ một lý do thông thường nào, không đủ để rung chuyển một tâm hồn sắt đá.

Nhưng cuộc chiến tranh trong Nam đã đem đến một yếu-ố bất ngờ, và chính yếu tố đó làm chết một bậc kỳ tài. Chết vì bất lực, vì thấy cái tài của mình trở nên vô dụng. Vì biện-chứng-pháp duy-vật không theo kịp bộ môn TIN-TỨC HỌC, mà người đương thời gọi là luận-lý-học-trong-phần-tỷ-giây.

oOo

Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là người tài giỏi, đó là một sự thật ở trên mọi sự ngờ vực của mọi người. Cách đây 50 năm ông theo chủ nghĩa cộng sản, người ta đều hiểu ông không phải là con người giản dị, theo cộng sản chỉ để tiến thân, để chống Pháp đế quốc hay để cướp chính quyền. Người ta có thể nói Hồ-Chí-Minh là một

(Xem tiếp trang 80)

TRÁM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

M Ầ - L A I

trường-hợp một phòng tuyên võ

(Xin xem BK TĐ từ số 304)

Vận-dộng Trung-hoa-hóa Mã-lai

Đề duy-trì đa-số Mã-gốc cho Liên-bang ư ? Nếu đó là điều thành thực thì hành-động rút chân của Tân-gia-ba ra khỏi Liên-bang phải được coi như một bước lùi chiến-thuật của người Tàu. Không cần vội vã, cái đích tối hậu rồi cũng sẽ tới khi mà chính phần còn lại của Liên-bang cũng bị người Trung-Hoa tràn ngập một cách hợp pháp cũng như bất hợp pháp.

Nhìn lại những chặng đường lịch-sử đã qua, người Tàu đã xuất hiện ở Mã cũng như ở các quốc-gia khác trong vùng Đông-Nam-Á từ nhiều thế-kỷ trước. Nhưng những đợt Hoa-kiểu tích chuyện thường-trú ở đất Mã thì mới trong vòng vài chục năm nay.

Vào giữa thế-kỷ 19, các toán tiền đạo gồm giới thương-mại, khai mỏ đã vượt biển xuống vùng biển Malacca trước. Khi đã thấy hứa địa, họ liền cho người về mộ phu tạo thành phong-trào đi phu Nam-dương (Nan Yang) rộng lớn. Trong thời Anh-thuộc, người Anh không những đã không có biện pháp hạn chế

người Tàu nhập cư mà ngược lại còn khuyến khích thêm để có nhiều nhân công khai thác đồn điền, hầm mỏ. Mãi đến năm 1930, vì khủng hoảng kinh-tế, Anh mới cấm bớt ngoại kiều nhập nội. Tuy nhiên, lệnh cấm đoán đã có một khe hở, đó là sự áp dụng chỉ dành riêng cho Nam-giới mà thôi. Người Tàu đã khai thác khe hở này bằng cách đưa phụ nữ Trung-hoa sang.

Nguyên trước 1930, số phụ nữ Hoa-kiểu ở Mã-lai chỉ bằng phân nửa số nam giới, vì vậy nhiều thanh-niên Hoa phải lấy vợ Mã. Tuy vẫn áp dụng theo luật lệ cổ-truyền là những đứa con lai sẽ được Hoa-hóa đến tận chân tơ kẽ tóc, nhưng lên hệ đảng ngoại cũng không phải là không còn chút ít trong những thế hệ trẻ. Hơn nữa, số phụ nữ Mã cũng không có quá thừa để mà cung ứng nổi cho chỗ trống quan-trọng (hàng triệu) ấy. Vì vậy, nhân có sự hạn chế thanh niên, người Tàu bèn nhập cảnh phụ nữ. Tổ chức các gia-đình Tàu nhờ đó mà trở nên thăng bằng hơn.

Năm 1940, thành phần dân-số các Tiểu-bang Mã và Thuộc-địa Eo-biển

được kiểm kê gồm 440/0 Trung-Hoa, 420/0 Mã, 130/0 Ấn. Người Tàu nghiêm nhiên đã trở nên sắc dân đa số của toàn vùng và rõ ràng là một mối đe dọa nghiêm trọng cho đời sống người bản xứ.

Tuy vậy, phải đợi tới năm 1942, khi Nhật chiếm Mã-Lai, thì tinh-thần dân-tộc nơi người Mã mới có dịp bùng lên. Người Mã đã đón tiếp quân Nhật một cách cởi mở. Họ trông đợi người Nhật giúp họ khu-trục người Tàu ra khỏi xứ. Còn người Tàu thì di nhiên đứng hẳn về phía Đồng-Minh chống lại Nhật. Họ dùng Đảng Cộng-sản (1) làm nòng cốt, nhận khí giới của Anh và tổ-chức du-kích chiến trong bán đảo.

Khi Nhật đầu hàng, quân Anh ở Ấn độ đã tới Mã trễ hai tuần. Lợi dụng thời-gian vô chủ, người Tàu đã tức tốc lập các tòa-án nhân-dân khắp nơi xử *những kẻ hợp tác với Nhật*. Phải-ưng lại, người Mã cũng tổ-chức các oan võ trang khủng bố người Tàu và hô hào dân chúng dùng dây với khẩu hiệu *đất Mã của người Mã*. Chiến tranh chủng tộc đã bén ngòi, nhưng chưa kịp bùng trướng thì quân Anh đã trở lại và đã dùng biện pháp mạnh để tái lập trật tự.

Khi đã đặt vững chân trở lại Mã-lai, người Anh liền thành lập Liên-Hiệp Mã-lai. Người Mã đã phản đối mãnh liệt điều khoản mở rộng cửa cho Hoa-kiểu nào vô thành công-dân thiệt-tho (ngoại kiều chỉ cần cư ngụ tại Mã từ 5 đến 15 năm là đủ điều-kiện trở nên công-dân Liên-hiệp Mã lai). Một tuần lễ tho tang đã được tổ chức và tiếp theo sau là phong-trào bất hợp tác cũng được khơi dậy khắp nơi.

Về phía người Tàu, dù đã nắm được

ưu-thế về kinh-tế, họ vẫn còn nuôi tham vọng nắm được ưu thế về chính-trị sau này. Tuy cùng ý-chí tiến tới đoạt chính quyền nhưng phương cách thực hiện thì lại bị chia ra làm hai phe. Phe hữu-khuynh hướng về Tân-gia-Ba với mưu-đồ Trung-Hoa-hóa thương cảng này một cách hòa bình trước đã rồi sẽ áp dụng chiến-thuật vết dầu loang sau. Phe tả khuynh gồm các lãnh-tụ Cộng-sản Kháng chiến vẫn chủ-trương đấu-tranh cướp chính-quyền bằng võ-lực theo truyền thống cộng-sản.

Hai phe tả, hữu có vẻ chống đối nhau trên mặt chiến-thuật, nhưng trong bề sâu thẳm của sách lược khuy-nh-đảo Đông-Nam-Á họ đã thay nhau tiến thoái nhịp nhàng để tránh bị tiêu-diệt.

Cánh Cộng-sản đã ra quân trước vì có sẵn tổ-chức trong tay. Ngay sau Thế chiến, trên nguyên-ắc, Cộng-đảng đã bị giải-tán (1-2-1945), vũ khí, đạn dược phải nộp cho nhà cầm quyền và mỗi du-kích quân trở về đời sống dân sự sẽ được hưởng 350 Mỹ-kim. Cộng-đảng đưa ra những phần-tử du-kích không quan-trọng để lãnh tiền (hừng 6.000 người) và nộp những vũ khí cũ, xấu (chừng 5.000 đủ loại), còn thành-phần cốt cán vẫn được

(1) Đảng Cộng-sản là một chính-đảng kỳ cựu nhất ở Mã-lai. Nguyên sau thời kỳ Cách-mạng tư-sản ở Hoa-lục, Quốc-dân-đảng có tổ-chức được một phân bộ ở Mã-lai. Nhưng tới 1927, song hành với sự hoạt động mạnh của Công sản Trung-hoa, một số phần tử trong hội-đồng cách-mạng của Quốc-dân-đảng phân-bộ Mã-lai đã đứng ra thành lập đảng Cộng-sản Mã-lai. Lúc đầu Cộng đảng Mã chỉ được coi như một chi-bộ địa phương của Cộng-đảng Trung-hoa, mãi tới năm 1931 Nga sô mới chú-ý đến và tới 1933 Viễn-Đông-vụ Đệ-tam-Quốc ế mới công nhận và trợ giúp.

giữ lại, vũ khí tốt thì được chôn giấu.

Họ giữ thế nằm vùng để chờ thể chế mới cho Mã-lai do người Anh đưa ra. Nếu Mã-lai trở nên một nước Dân-chủ Cộng-hòa, giai-cấp phong-kiến Mã chung quanh vương-tộc tại các tiểu-bang tan rã, thì người Trung-hoa sẽ nhào ra nắm chính-quyền bằng lá phiếu, vì họ đa-số. Còn nếu tình-trạng không thay đổi họ sẽ dùng võ-lực chống lại cả người Anh lẫn phong-kiến Mã để đoạt quyền chính trị.

Hai năm 46-47 là thời kỳ bồi dưỡng bộ đội bí-mật và tranh đấu công khai dưới hình-thức tổ-chức nghiệp-đoàn Hoa-kiều để chờ đợi. Ngày 1-2-1948, người Anh công-bố việc thành lập Liên-bang Mã-lai. Các Tiểu-vương của 9 tiểu-bang vẫn trị vì các tiểu-bang của mình (hai tiểu-bang thuộc-địa cũ là Penang và Malacca không có tiểu-vương). Tân-gia-ba vẫn là đất thuộc địa riêng ngoài Liên-bang. Tình-thế đã ngã ngũ. Đại-hội Cộng-đảng ngay sau đó đã quyết định khởi sự võ-trang chiến đấu. Những hành-động khủng-bố, đốt phá xảy ra khắp nơi đã làm cho chính-quyền Anh phải ban bố tình-trạng khẩn cấp khắp Liên-bang ngày 8-6-1948.

Tổ-chức Cộng-quân gồm hai bộ phận: Quân và Chính. Bộ-đội Cộng-sản tự xưng Giải-phóng-quân chiến-đấu lẫn lút trong rừng rậm và luôn luôn bị quân Anh và 28 ngàn cảnh-binh Mã săn đuổi (1). Còn bộ phận chính-trị được gọi là phong trào Dân-Vận (Dân-chúng Vận-động) - Min Chong Yuen Tong) mũi dáo nơi tuyến đầu của Đảng, có nhiệm vụ vận-động quần chúng hỗ trợ

cho Giải-phóng-quân và tiến tới thành-lập chính-quyền địa phương

Trong thế chiến-tranh Phiến-loạn kiểu Cộng-sản, mũi dáo chính-trị thọc tới đâu thì cán dáo quân-sự mới đẩy theo tới đó. Trường hợp Mã-lai rõ ràng là cuộc khởi loạn có tính-cách đấu tranh chủng tộc (2) mà dân miền núi cũng như miền quê ở đồng bằng hầu hết đều là người Mã (đa số người Trung-hoa tụ tập ở thành-thị) nên mũi dáo chính-trị đã gặp phải sức cản *bất-hợp-tác* làm cho chùn lại. Không đặt được cơ sở trong dân-chúng thì hoạt-động quân-sự (du-kích) không thể bành-trướng. Giải-phóng-quân cứ quanh quẩn trong rừng rậm và bị tiêu mòn dần.

Khi chính người Tàu đã nhìn thấy sự thất bại tất nhiên của lá bài Cộng-sản trong cái thế *Cá sông vùng vẫy trong nước mặn*, thì họ lập tức nghĩ ngay tới lá bài khác để thay vào. Năm 1952 nhân có bầu cử các hội-đồng thành-phố, họ liền biến Hiệp-hội Mã-lai Gốc Hoa (Malayan Chinese Association), nguyên là một hội được lập từ 1949 với chủ-trương hoạt-động xã-hội, thành một chính đảng và liên minh với Tổ-chức Quốc-gia Mã-lai Thống-nhất (UMNO) của Tengku Abdul Rahman trong việc ứng cử.

Sở dĩ có sự liên minh ấy là vì những phần-tử Trung-hoa thiên hữu vẫn nhắm vào việc kiểm soát Tân-gia-Ba trước, còn tại Liên-bang Mã-lai thì chỉ cần nắm

(1) Người Anh đã thất bại trong sự sử-dụng cảnh binh Hoa-kiều vào việc tiêu-trừ Cộng-sản. Trong số 10 ngàn cảnh sát Hoa-kiều thì hơn 6 ngàn bỏ trốn sang Tân-Gia-Ba, hàng ngàn khác trốn về Hoa-Lục, một số vào rừng theo du-kích-quân.

(2) Cộng-đảng gồm 95% là Trung-hoa, vài phần trăm Ấn, còn người Mã-Lai thì quá ít không đáng kể.

chắc ưu-thế về kinh-tế, quyền chính-trị tạm nhường cho người Mã nhưng cũng cần kèm sát cạnh kẻ cầm quyền—đi với đối-tượng đề chế-ngự đối-tượng ! Hiệp-hội Mã-lai Gốc Hoa đã vung tiền ra cho Đảng Liên-minh vận động tranh cử nên đã đạt thắng lợi lớn trước Đảng Độc-lập Mã-lai (Independence of Malaya Party) (1) trong các cuộc bầu cử địa phương 1952-1953. Và trước cuộc bầu cử Quốc-hội 1955, Liên-minh (khi ấy có thêm Đảng Mã Lai Gốc Ấn — Malay Indian Congress—gia nhập) đã toàn thắng với 51/52 ghế. Từ đó, Liên Minh trở nên Đảng cầm quyền và đã giữ vững vị-thế suốt 14 năm trải qua thời kỳ Liên-bang Mã-lai độc lập chuyển sang Mã-lai-Á ngày nay.

Tình-trạng bề ngoài của Mã-Lai-Á vẫn là : Người Tàu nắm kinh-tế, người Mã nắm chính-trị. Thực ra, ưu-thế về kinh-tế của người Tàu là điều không cần luận bàn, nhưng ưu-thế về chính-trị của người Mã chỉ là một thứ ưu-thế bề ngoài hết sức tương-đối. Vì đường lối quốc-gia cũng chính là đường lối của Liên-Minh, một đường lối trước khi đưa ra đã phải được sự chấp thuận của thành-phần Hiệp-hội Mã-Lai Gốc Hoa trong nội bộ Đảng. Ấy là chưa kể đến sự lũng đoạn bên trong mà một vài quan sát viên Tây-Phương đã quả quyết một số lãnh-tụ Gốc Mã của Đảng đã bị các đồng-chí lãnh tụ Gốc Hoa mua đứt !

Trong thời-kỳ gần đây, nhóm Gốc Hoa thiên tả lại bắt đầu tính chuyện thay chân nhóm thiên hữu trên chính-trường. Đảng Hoạt-Động Dân-chủ (Democratic Action Party) là một cơ-quan quy-tụ những bộ mặt mới của người Tàu. Cuộc bầu cử 1969 cho thấy kết quả xuống dốc của Đảng Liên-minh. Liên Minh chỉ còn một đa-số hết sức mong manh : 78/144 ghế. Các dân biểu Gốc Hoa trong Liên Minh đã tự ý rút lui khỏi chính-phủ đề mặc cho Tổ-chức Quốc-gia Mã-lai Thống-nhất lúng túng trong sự khủng hoảng nội các.

Đảng Hoạt-Động Dân-chủ đòi hỏi chỗ đứng trong chính-phủ. Những phần tử cấp uẩn trong TCQGMLTN thì lại đòi thủ-tướng Abdul Rahman hãy từ chức để Đảng có thể thành lập một chính-phủ toàn người Mã và loại bỏ

(1) Nguyên Dato Onn bin Ja' alar là lãnh tụ của Tổ-chức Quốc-gia Mã-Lai Thống nhất từ ngày thành-lập (1-1946). Ông có ý-định lập một tổ chức không phân biệt chủng tộc, nhưng những diễn biến tự nhiên đã đưa ông tới chỗ thuần túy Mã Lai. Ông đã bỏ đảng cũ đứng ra lập đảng mới, tức đảng Độc-lập Mã-Lai với mưu tính thu hút cả người Tàu và Ấn nhưng ông thất bại liên tiếp trong các cuộc bầu cử và về sau đảng ông bị tiêu tan vì người Tàu và người Mã không chịu ngồi chung với nhau dưới hình thức hòa đồng ông vạch ra. Về sau họ đã chấp nhận kiểu Liên Minh của Abdul Rahman nghĩa là liên minh trong những quyền lợi chung nhưng chủng tộc nào vẫn giữ nguyên đoàn thể của chủng tộc ấy trong Liên Minh.

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

người Trung Hoa ra khỏi các địa vị trọng yếu trong chính-quyền.

Tranh chấp chủng tộc vẫn ngấm ngấm, nay được dịp phát hiện Hàng vạn người Trung-hoa và Mã-lai đã ủa ra đường phố Kuala Lumpur, Penang, Selangor... chém giết nhau. Trung tâm thủ-đô cháy ngút trời. Các cửa tiệm, xe cộ, cơ sở chính-phủ bị đập phá, thiêu-hủy. Chính-phủ đã phải dùng cảnh-sát và quân-đội can thiệp mạnh-mẽ. Báo chí bị tạm đình bản và các thành phố lớn

bị giới nghiêm 24/24. Chỉ trong vài ngày vào trung-tuần tháng 5-1969, thủ đô Kuala Lumpur đã có hàng ngàn người thương vong.

Hiện nay, tình-trạng xáo trộn đã được giải-quết tạm thời. Hiệp-hội Mã-lai Gốc hoa đã chịu trở lại tham gia chính phủ. Nhưng thảm cảnh mới chỉ chớm bắt đầu, chắc chắn trong tương-lai sẽ còn nhiều đổ vỡ !

PHẠM VIỆT CHÂU

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93 741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE

PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

PNB

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Ba đợt văn minh

L.T.S. Tác giả bài này, **L.M. Lương-Kim-Định**, là giáo sư về Triết học Đông phương tại Đại học Văn-khoa Saigon từ 1960 và tại Đại học Vạn-Hạnh từ 1967.

Dưới bút hiệu **Kim Định**, ông đã cho xuất bản 8 tác phẩm về Triết Đông: Cửa Khổng, Triết lý giáo dục, Nhân bản, Căn bản Triết lý trong Văn hóa Việt-nam, Chữ Thời, Định hướng văn học, Vũ trụ nhân linh, Những dị biệt giữa hai nền Triết lý Đông Tây.

Bài sau đây trích từ một tác phẩm sắp xuất bản mang tên là Việt lý tổ nguyên trong đó tác giả muốn khai trương một đường lối mới tìm về nguồn gốc văn minh văn hóa dân tộc. Được hỏi về đường lối này, tác giả «Việt lý tổ nguyên» trả lời : «Lối các cụ là tin theo sách và Tàu, lối tân học theo sát khảo cổ và bác học. Lối mới là huyền sử tìm đọc xuyên qua khảo cổ chữ nghĩa để tìm ra những gì ẩn ẩn hiện hiện nhưng lại rất căn bản và theo sát hồn dân tộc nên gọi được là tổ theo một nghĩa riêng của chữ đó là «bản lai cố hữu». Tôi tin rằng đó mới là tinh-hoa văn-hóa dân-tộc và xứng đáng làm móng nền, làm hồn linh của quốc học cần phải thiết lập Một trong những hậu quả của cuộc truy tầm là tìm ra sự đóng góp của tổ tiên vào việc hình thành Nho giáo. Như vậy Nho học không phải chỉ là của Tàu nhưng là của cả Việt nữa Một chủ trương còn mới mẻ như vậy tất nhiên không thể dấn tả trong một hai chương mà Bách-Khoa sẽ giới thiệu với độc giả. Vậy nên sau này vị nào thấy có điều chưa thỏa đáng, xin chờ đọc cả quyển sẽ xuất bản sau này, gồm trên hai chục chương.»

Có người cho rằng các cụ xưa thêu dệt khi mót nối tổ tiên Việt vào họ Thần-Nông ! Đó không phải là thêu dệt mà tất nhiên phải như thế, bởi vì Bách-Việt với Tam Miêu là hai ngành lớn của Viêm tộc. Viêm tộc là dòng dõi Thần-Nông vì Thần-Nông đây không nên hiểu là một nhân vật nhưng là một đợt văn-minh đã đi vào nghề nông. Thần-Nông lấy hiệu là Viêm-đế. Chữ Viêm kép bởi hai chữ hỏa nên Thần-Nông cũng là thần lửa, vì có thể do hai lý do sau : một là để duy trì kỷ niệm phát minh ra lửa (Toại nhờn) hai nữa là dùng lửa

đốt rẫy phá hoang để cấy lúa. Vì một hoặc cả hai lý do mà từ đây về sau nông nghiệp và lửa gắn liền với Viêm tộc trong rất nhiều danh hiệu như Xích-quỉ (quẻ li), Thái Hạo, Đế Minh v.v... Vì thế con cháu Thần-Nông hay những người làm nghề nông đầu tiên gọi là Viêm tộc. Và khi sử viết rằng cháu ba đời vua Thần-Nông là Đế-Minh thì chỉ có ý nói tới mối liên-hệ nông nghiệp đó. Có lẽ người xưa đã muốn ghi mối liên-hệ này vào dạng tự chữ Việt và Miêu vì chữ Việt 𣎵 ban đầu viết với bộ Mễ 米

là gạo còn chữ Miêu 苗 là bộ thảo với chữ điền nói lên rõ tính chất nông nghiệp, nên trong Kinh Thư gọi họ là "Hữu-Miêu" nghĩa là dân có ruộng. Vì mối liên hệ văn minh nông nghiệp này nên việc gì xảy tới cho Thần-Nông, cho Hữu-Miêu, thì cũng âm vang sang Bách-Việt. Vì cả hai đều là con cháu Thần-Nông cùng là Viêm tộc tức cùng sống trên một cảnh vực (Chú 2) cùng chung một nền văn hóa nông-nghiệp mà sự kiện lịch sử lớn lao hơn hết trong nền văn-hóa này là việc chống lại nền văn hóa du mục của Hoa-tộc tuy đến sau nhưng lại mạnh hơn. Nhưng mạnh hơn về võ lực mà lại yếu hơn về tinh thần nên cuối cùng nổi bên đóng góp một khía cạnh để tạo ra nền Nho giáo nguyên thủy. Vậy hỏi Viêm tộc đã đóng góp được những gì trong quãng thời gian không thể hạn định mà người sau quen chỉ thị bằng tam hoàng là :

Phục-Hi hiệu Thái Hạo.

Thần-Nông hiệu Viêm đế

Nữ-Oa mẫu nghi thiên hạ của Viêm Đông.

Trước hết có *Toại-Nhân* chỉ giai đoạn phát minh ra lửa, trong thời du mục của Viêm tộc. *Phục-Hi* chỉ giai đoạn bước từ săn hái đi vào du mục và có thể là canh mục, *Thần-Nông* là giai đoạn bước hẳn vào nông-nghiệp, còn *Nữ-Oa* nói lên tính chất thị tộc "âm-thịnh" của giai đoạn này. Những sự việc đó xảy ra vào năm nào hiện nay các nhà khoa học đang cố thiết lập một hệ thống niên kỷ mới thay cho niên kỷ cũ bị coi là có nhiều sai lầm. Niên kỷ mới thường có khuynh hướng rút vắn thời gian lại : Thí dụ *Phục-Hi* theo niên kỷ cũ là năm 4482 còn nay các nhà học giả hạ xuống năm 2852 ; chúng ta có thể nhận định mấy điểm như sau:

Hệ thống niên kỷ mới thiết định cách khoa học thì thực ta chưa có, nên những niên kỷ đưa ra mới là giả thuyết làm việc dựa vào những niên kỷ vững chắc các thời sau mà tính ngược lên nhưng ngược lên đến đâu thì khó mà qui định. Vì thế ta cần tùy nghi phán đoán và có thể nói như Granet rằng : «Niên kỷ» cũ thì vẫn có thể dùng như dữ-kiện của huyền sử, có sai chạy mấy thế kỷ cũng không hại đến nền văn-hóa. Vì nền văn hóa bao gồm cả thời khuyết sử, nhất là khuyết sử khi phải tìm lại bản gốc. Bởi vậy về phương diện huyền sử thì niên kỷ cũ có ý nghĩa hơn. Vì đây không là nhân vật lịch sử mà là những giai đoạn tiến hóa như ba chữ *Thiên-Địa-Nhân* đi với Tam Hoàng nói rõ điều đó. Nhịp tiến người thái-cổ rất lâu và chậm so với nhịp tiến thời nay. Nó chỉ thị những giai đoạn từ cổ thạch đến tân thạch, từ săn hái sang du mục (*Phục-Hi*) rồi tiến tới Nông nghiệp (*Thần-Nông*) đoạn tiến sang đồ đồng (*Si-Vưu Hoàng-Đế*). Bởi đó giai đoạn trước *Hoàng-Đế* tất phải kéo dài hàng bao ngàn năm, rút lại vẫn quá chắc không hợp vì cổ thạch kéo dài tới 500 000 năm, còn tân thạch cũng đã xuất hiện có cả từ trăm ngàn năm. *Homo sapiens* gọi là *Cromagnon* xuất hiện trước đây trên ba chục ngàn năm, *Homo sinanthropes* lối 500.000 năm. Vì thế trong việc đi tìm nguồn nên ghi cả hai hệ thống niên kỷ cả lưu truyền cũng như "khoa-học".

Theo lưu truyền thì *Phục-Hi* xuất hiện vào lối năm 4480-4369. *Thần-Nông* từ 3320 đến 3080. Huyền sử nước ta cũng đặt họ *Hồng-Bàng* vào giai đoạn đầu này tức là năm 2879, *Hoàng Đế* năm 2697 như thế là *Hồng Bàng* có trước *Hoàng-Đế* 182 năm tức ba con giáp ($3 \times 60 = 180$). Nội con số 3 đó

khiến chúng ta không được hiểu cách xác thiết kiểu lịch-sử, nhưng phải hiểu theo lối huyền sử, kiểu 18 đời Hùng-Vương. Bởi chưng con số 3 là số tròn tiên nhiên. Có lẽ vì đó mà Đế-Minh cháu ba đời vua Thần-Nông, và không hiểu con số ba này liên hệ tới đồ gốm tam biên, cũng như tam hoàng, tam tài đến đâu. Dầu sao thì niên kỷ Hồng-Bàng 2879 muốn nói lên rằng nước Việt đã được khai quốc trước đời Hoàng-Đế, tức trước khi Hoa tộc tràn vào lối ba con giáp, tức là đã hiện diện ngay từ đời Tam Hoàng, và đặt nền móng cho văn-hóa, rồi mãi sau Hoa tộc mới lếch thếch kéo tới.

Vậy giai đoạn Tam Hoàng đã đóng góp được những gì? Câu trả lời có thể tìm ở một đoạn Kinh-Dịch mà các học giả quen gọi là bản tóm lịch sử lâu nhất về tiến trình văn-hóa của Trung-Hoa cổ đại, đó là tiết hai trọng hệ từ hạ truyện. Theo bản văn này thì Phục-Hi làm được ba việc nền tảng như sau :

— Thứ nhất là đặt ra bát quái, tức móng nền Kinh-Dịch.

— Thứ đến là phát minh ra phép « kết thẳng » để làm chài lưới và cũng là đặt viên đá đầu tiên cho việc thành lập văn tự sau này.

— Thứ ba là phát minh ra cây bừa. « Cỗ giả Bào-Hi thị chi vương thiên hạ dã » :

ngưỡng tắc quan tượng ư thiên.

phủ tắc pháp ư địa

Quan điều thú chi văn

Dữ địa chi nghi.

Cận thủ chư thân,

Viễn thủ chư vật.

Ư thị thủy tác bát quái,

Di thông thần minh chi đức.

Di loại vạn vật chi tình.

Tác kết thẳng nhi vi võng cồ, di điều di ngư.

Cái thủ chư Li

Bào-Hi thị một. Thần Nông thị tác.

Trác mộc vi tị, nhữ mộc vi lỗi

Lộ lậu chi lợi di giáo thiên hạ. Cái thủ chư ích.

«Cỗ thời thị tộc Bào Hi trị thiên hạ ngẩng lên xem tượng trời, cúi xuống xét hình đất. Quan sát từng dáng điệu của thú (đất) và chim (trời) để thích nghi vào mọi miền. Gần thì suy trực tiếp nơi mình, xa thì gián tiếp từ sự vật đặt thông với linh đức của thần minh, để có thể phân loại tính tình của vạn vật đặt mà điều lý. Kết nút giây để làm lưới, làm giỏ đặt đi săn và đánh cá. Khi Bào Hi thị qua thì đến Thần Nông thị đeo gỗ làm lưới (cây) uốn gỗ làm cây: dậy cho thiên hạ biết nguồn lợi của sự cày bừa. Tất cả đều lấy hứng từ quẻ Ích».

Sau Phục-Hi và Thần-Nông thì Dịch-Kinh chép về Hoàng-Đế và Nghiêu-Thuấn rằng : « Nhờ ở việc chủ tâm vào đá tiến hóa biến thông nên không làm cho dân phải chán ghét. Buông xống áo quần (không sẵn lên để đi lao tác) mà thiên hạ trị được. Tất cả đều lấy hứng từ hai quẻ Kiền và Khôn ».

« Hoàng-Đế Nghiêu Thuấn thông kỳ biên, sử dân bất quyện: Thủy y thường thiên hạ trị, cái thủ chư Kiền Khôn ». Sau đó hệ từ kể ra các phát minh của Hoàng-Đế Nghiêu Thuấn như sau :

1) Thuyền chèo.

2) Phục trâu, cưỡi ngựa

3) Làm cửa nặng và đánh hiệu canh

đề phòng trộm đạo (trọng môn kích thích)

4) Làm chày và cối (xử cừu)

5) Cung tên (Hồ thi)

6) Thay hàng hốc bằng nhà (cung thất)

7) Lập ra quaa quách để chôn táng thay lối chôn lấp bằng que củi ở ngoài đồng.

8) Lập ra chữ thay phép kết thẳng.

Đó là đại đề nội dung của đoạn văn gọi là văn-minh sử. Cần chú ý mấy điểm sau : Trước hết là nền tảng văn-

minh nông-nghiệp đã được đặt móng ở thời Tam Hoàng : Thần Nông cày bừa. Phục-Hi đặt ra bát quái và phép kết thẳng, kết thẳng để làm lưới, và cũng là để làm văn tự, vì thế nên nói tất cả lấy hướng từ quẻ Li. Li là lửa chỉ văn - minh. Nói lấy từ quẻ Li cũng là nói đã đặt viên đá đầu tiên cho nền văn-minh nông-nghiệp, hay là lấy của Viêm tộc. Nước ta chú ý đến quẻ Li là vì họ hàng từ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

KIM-ĐÌNH

CHÚ THÍCH

1 — Có truyền thuyết cho rằng tên hiệu Si-Vưu 蚩尤 chính trước là Trung Quang. 中光 nhưng Hiên-Viên đã đổi đi bằng thêm chữ Sơn lên đầu và còn chán lại nên Trung hóa ra Si (ngốc) còn chữ Quang bớt nét đi cho ra Vưu là oán hờn, theo thuyết đó thì vua Nguyễn-Huệ đã lấy hiệu là Quang-Trung để nhớ lại một vị tổ xa xưa và lấy cờ của Si-Vưu nền đỏ có miếng tròn màu vàng ở giữa. Đó cũng là một giả thuyết có thể ghi để hướng dẫn sự nghiên cứu. Bởi vì Si-Vưu cũng là một lá cờ. Thời Chiến quốc Phạm-Lãi là một nhà mưu sĩ nước Việt cũng đã lấy tên là Si-Di có liên hệ với Si-Vưu.

Vậy có thể vua Quang Trung cũng đã làm như thế, nhưng cách tích cực hơn. Quang-Trung cũng là một người tự dân mà lên, nên đại diện cho Viêm-tộc. Vì thế mới có ý đòi lại một ít đất của Viêm tộc là hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây gọi là Lưỡng Quảng mà chính ra là Lưỡng-Việt. Cũng như Tây giang nay chính ra là Việt-giang.

Tên Si-Vưu là Trung Quang cũng có lý. Chúng ta biết lửa được phát minh ra từ thời kỳ gọi là Toại nhơn. Đây là một bước tiến vĩ đại nên các vua sau toàn lấy danh hiệu liên hệ với lửa : Phục-Hi lấy hiệu là Thái-Hạo = sáng lắm. Cháu ba đời kêu là Đế-Minh có nghĩa là Chúa sáng. Tất cả dòng tộc kêu là Viêm tộc, chữ Viêm là hai lửa chồng lên nhau sáng lắm = Thái-Hạo, và Quang-Minh. Còn Trung là nói lên di sản tổ tiên là Kinh Dịch. Kinh Dịch thành bởi âm và dương mà lý tưởng là hòa hợp âm dương tức hai yếu tố trái ngược gọi là Trung. Chính chữ Trung trong Trung-Dụng phải hiểu là nguyên-lý hòa giải hai yếu tố trái ngược và nhờ đấy mới dội tia sáng minh triết (trung) ra tất cả chung quanh. Lá cờ có miếng tròn vàng chỉ Trung (Hoàng cực màu vàng) tia sáng ra chung quanh là màu đỏ chỉ quẻ Li là phương Nam, là văn-minh. Vậy nếu quả thật Hoa-tộc đã đổi tên Trung Quang ra Si-Vưu thì đó là một lối ăn cắp xe về tháo số cũ, gắn bảng số mới cho phi tang bằng cách chà chủ cũ tức làm cho Trung Quang trở nên Si-Vưu để con cháu không nhìn nhận ra ông tổ nữa. Phép chà đó như sau :

Đặt trên đầu chữ Trung một tấm ngang rồi đè bằng trái núi, còn chân thì xỏ gông. Tôn Ngộ Không cũng bị đè dưới núi ngũ hành kiểu này 500 năm không dậy nổi, thì con cháu Trung Quang cũng trải qua 5000 năm lịch sử không nhận ra tổ gốc của mình nữa, các cụ xưa viết .

Đọc Ngu thư ghét đảng tứ hung.

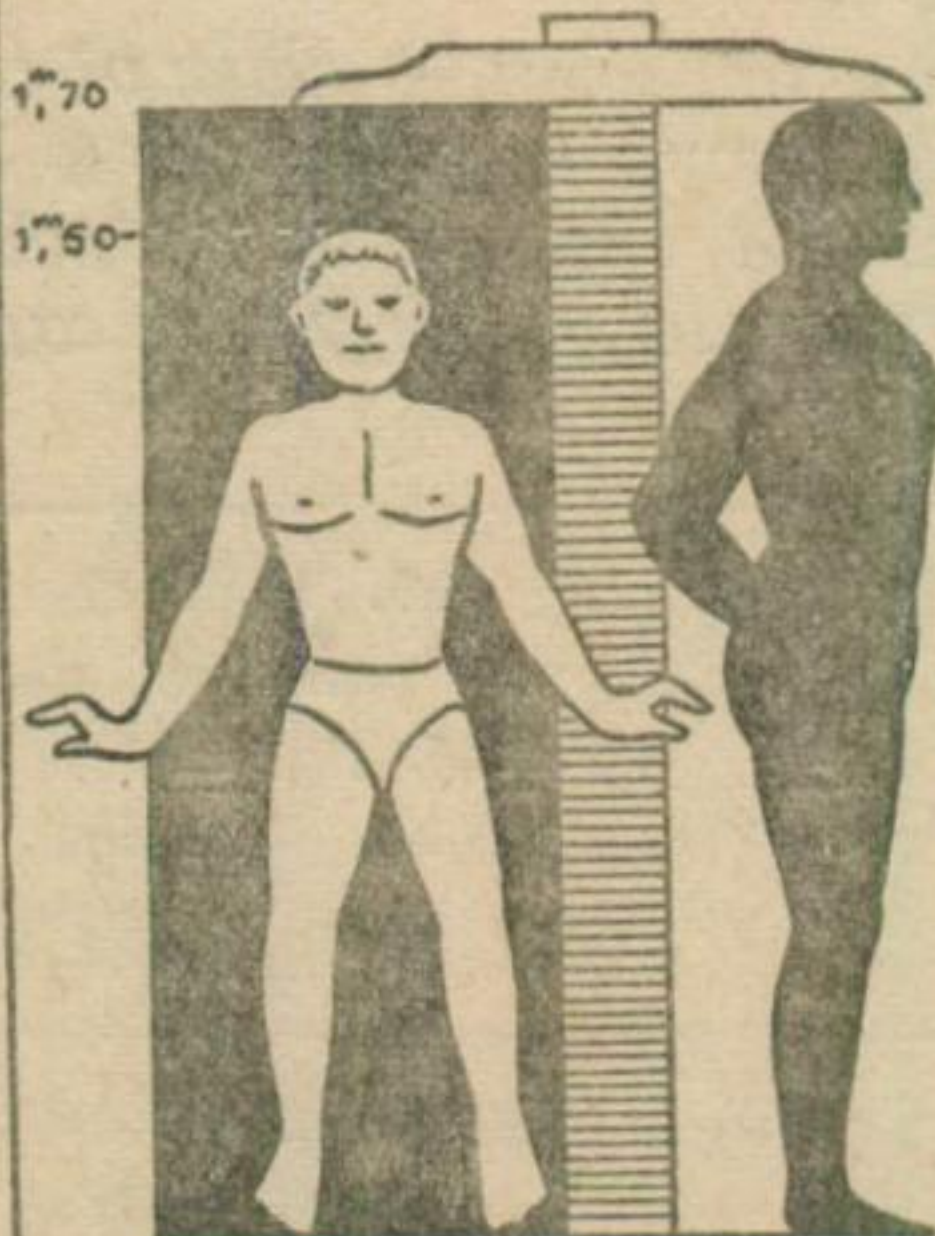
Coi Tống Sử ghét bày ngũ quỷ.

Còn tân học nay không ai nghiên cứu về Việt Nho mà chỉ còn dăm ba người chú ý tới chữ Hán. Vì thế những suy tư trên tuy mới là giả thuyết nhưng cũng cần ghi lại vì hậu quả có thực.

2 — Miền đất chiếm cứ của Tam Miêu có thể qui định phần nào xuyên qua sử liệu của Tả truyện (Chiêu nguyên niên) hay Chiêu quốc sách (quyển 14) phía tả là hồ Bành Lãi (Bà Dương hồ) phía phải là Động-Đình-hồ và Vân Sơn ở mạn Nam; còn Bắc là núi Hành Sơn có thể xem thêm Kinh Thư Legge.p.39. Như thế Tam Miêu là lân bang với Bách Việt nếu không phải là quê hương Bách-Việt.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

S6 KN 78 MBYT/QCPD

đã phát hành

TƯ TƯỞNG số 4

*Sô đặc biệt : « Những vấn đề Giáo
dục Việt Nam và Giáo dục Quốc tế »*

do giáo sư Dương Thiệu Tống
phụ trách

NHẠC PHẠM DUY

HÁT VÀO ĐỜI

*một bàn tay * xuân hành * tìm nhau * chiều về trên sông
* tiếng bước trên đường khuya * viễn du * lữ hành
quần bên đường * nhạc tuổi vàng * nước mắt rơi *
đường chiều lá rụng * tôi còn yêu tôi cứ yêu * xuân ca *
tạ ơn đời.*

*... Phạm Duy, ca khúc Phạm Duy, như thế, thật đã sống đến
tận cùng cái hạnh phúc sáng láng của cả tình yêu đau khổ lẫn
cái chết, đúng như Pasternak từng viết : nghệ sĩ là kẻ suy nghiệm
không một mối về cái chết, đề từ đó sáng tạo ra sự sống.*

trích lời Bạt HÁT VÀO ĐỜI

HÁT VÀO ĐỜI nhạc của Phạm Duy, gồm 14 bài, ấn
loát bằng offset, in trên giấy màu ngà, giá 110 đ do nhà
AN TIÊM xuất bản và phát hành.

Cộng-hòa Nhân-dân BA-LAN

từ 1 nước đa chủng thành một quốc gia
thuần chủng dưới chế độ Cộng sản

● NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

Như bất kỳ ở một nước Cộng-sản nào, ngày quốc-khánh Balan vào cuối tháng 7 vừa qua (1) cũng là một dịp bộ máy tuyên truyền Balan làm việc và sức mạnh quân sự được dịp phô-trương. Những binh-chủng và vũ-khí tối-tân nhất do Nga-sô cung-cấp diễn qua khán-đài danh-dự, có các quốc-khách như Chủ-tịch Liên-sô Podgorny, Tổng-bí-thư Cộng-đảng Nga Breschnew, Chủ-tịch Tiệp-khắc Svoboda, đệ-nhất bí-thư đảng Cộng-sản Tiệp-Khắc Husak v.v. Việt-Nam cũng được nhắc đến khi xướng-ngôn viên giới-thiệu những dàn hỏa-tiến lớn đang diễn qua khán-đài : «... Và đây là những hỏa-tiến dùng để chống xâm-lược Mỹ ở chiến-trường Việt-Nam».

Trên 25 năm trước chính Balan còn là Đồng-minh của Mỹ, Anh (và dĩ nhiên của cả Nga) trong cuộc chiến-đấu chung chống lại Hitler. Chính Hitler đã chằm-ngồi Thế chiến thứ hai khi xua quân vào chiếm Balan. Dân-tộc này qua lịch-sử phải từng-trải bao lần vong quốc (2) và dưới ách đô-hộ của Đức-quốc-xã càng chịu nhiều cay-đắng hơn. Đức-quốc đã tuyên - bố chính-thức và công - khai :

Người Balan chỉ đáng làm nô-lệ cho người Đức và do đó chỉ được đối xử như nô-lệ.

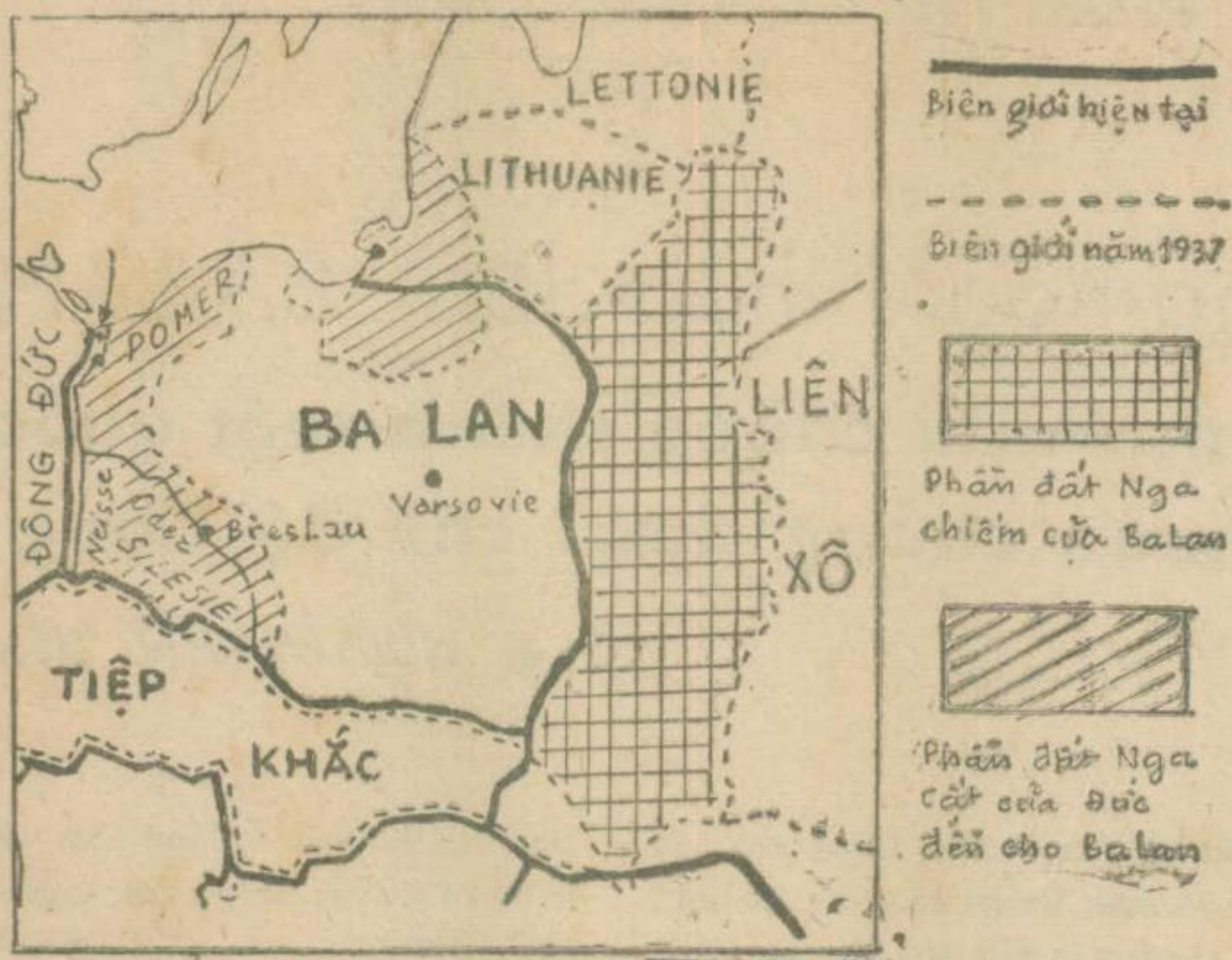
Trên lãnh-thổ Balan Đức-quốc-xã đã thiết-lập nhiều trại tập-trung vĩ đại như Auschwitz, Lublin, ở đó 3 triệu người Balan gốc Do-Thái bị giết tập thể một cách vô nhân-đạo

Chính tại Lublin một «Ủy ban giải phóng Balan» đã được thành lập năm 1944 trong khi quân đội Sô-viết tiến vào Balan. Khởi căn nói, ai cũng biết Ủy-ban này thân Nga và được Nga bảo-trợ (3). Ủy ban đã phải chấp nhận thực trạng và sát nhập lãnh-thổ phía đông Balan trước kia vào các Cộng-hòa Sô-

(1) 22.7.19 9

(2) Lịch-sử Balan sẽ được trình-bày chi-tiết hơn trong một khuôn-khổ khác.

(3) Tại Luân-Đôn cũng có một chính-phủ Balan lưu-vong được Tây phương thừa nhận, nhưng khi quân đội Nga chiếm được Balan năm 1944 các cường-quốc Tây-phương rút lại sự thừa nhận chính phủ này và thừa nhận chính phủ do Ủy ban thân Nga thành-lập với điều kiện sẽ có bầu-cử tự do tại balan như Hội-nghị Yalta quy-định.



viết Ukraine, Bạch-Nga và Lituanie. Lý do khiến họ công-nhận cũng vì phần đất Đông Balan tiếp giáp Nga được cư ngụ bởi thành phần dân chúng đa số thuộc các sắc tộc Slave trong khi chỉ một số nhỏ là thuộc giòng Balan, mà số dân Balan này từ năm 1920 trở đi càng ngày càng giảm bớt. Thành ra dù có bị mớ cho « nước anh em » Liên-sô phần đã rộng 184.000 cây số vuông đó cũng không hề gì. Đề đến bù Stalin đã « tặng » lại Balan những phần đất phía Tây thuộc địa phận Đức (như Đông Phổ, Schlesien) nhưng thuộc chủ-quyền Balan mấy trăm năm về trước, thêm vào đó phần đất phía Đông của vùng Pommern và Brandenburg những nơi chưa có dân Balan cư-ngụ bao giờ. Diện-tích lãnh-thổ mới do Stalin « tặng » Balan lên tới 104 coo cây số vuông.

Dân Balan bỏ đất cũ do Nga chiếm và di cư về phía Tây, nơi mới được chia phần. Thành ra có một cuộc di-cư vĩ đại của trên 7 triệu người Balan từ Đông sang Tây tức là sang những vùng Pommern, Brandenburg, Đông-Phổ, Schlesien và đồng thời gây nên một cuộc chạy trốn hoặc di-chuyển của dân Đức cũng từ Đông sang Tây, từ những vùng vừa kề sang phía Tây nước Đức. Dân Đức ở thời-kỳ này bị Balan ngược-đãi nhiều khi đến độ tàn bạo không chịu nổi, số nạn-nhân chết lên đến hàng trăm ngàn đã khiến Anh và Hoa Kỳ lên tiếng phản đối. Hiện nay những người Đức bị xua đuổi đó sống ở Tây-Đức hợp thành một nhóm áp lực và vẫn đòi hỏi, chờ đợi một ngày về quê cũ. (1)

(1) Chính-phủ Đức cũng có một Bộ đặc biệt lo vấn-đề Dân tị nạn

Như trên đã nói nhân-viên của ủy-ban giải-phóng Balan (thành-lập năm 1944) không lấy làm thắc-mắc nhiều về chuyện Nga chiếm đất phía đông Balan, vì ở đó dân Balan chỉ là thiểu số, trái lại còn chịu nhận cơ-hội này để lập nên một nước Balan thuần-nhất hơn. Trước Thế chiến thứ 2 Balan là một xứ gồm nhiều chủng-tộc sống trên cùng một lãnh - thổ. Những chủng-tộc này chiếm tới 1/3 toàn thể dân số gồm người Do-Thái, Đức, Ukraine và Bạch Nga. Người Do-Thái đã bị Hitler sát hại tập-thể hoặc chạy thoát ra ngoài Balan. Người Đức, sau chiến-tranh, hoặc di-cư hoặc bị xu đuổi sang bên này đường ranh-giới Oder-Neisse. Người Ukraine và Bạch-Nga nhập vào với Liên-Bang Sô-Viết. Ở Balan chỉ còn lại dân Balan. Từ một quốc-gia đa-chủng, Balan trở thành một quốc gia đơn-chủng, thuần-nhất.

Về phía Nga sự biến-hình căn-bản này không gây nên một sự chống đối nào cả vì tham-vọng lãnh-thổ của Nga được thỏa mãn : chiếm phần đất phía Đông Balan, tìm cách đến lại Balan bằng phần đất Đức nằm về phía Đông ranh giới tạo thành bởi các sông Oder-Neisse, Nga chỉ có lợi không thiệt thòi gì lại còn hóa ra " rộng lượng " ! Hơn nữa điều quan-trọng với Nga là sao cho ở Balan bắt rễ được một chế-độ Cộng-sản vững vàng, thì chính sự biến-hình của Balan từ một quốc - gia nhiều sắc tộc thành một quốc-gia đơn chủng đã giúp Cộng-hòa Nhân-dân Balan thành một khối thống nhất hơn dưới một chính-quyền Cộng-sản.

Các cường-quốc Tây-phương chưa ý thức rõ-rệt sự biến-hình căn bản này kể từ khi quốc gia Balan được tái lập năm 1944. Tại Hội-nghị Yalta, Mỹ và Anh vẫn chỉ ghi nhận tạm thời biên giới mới

của Balan kéo dài tới đường ranh Oder-Neisse còn quyết-định sau cùng vẫn dành cho một hội-nghị hòa-bình sẽ được tổ-chức.

Đối với các cường-quốc Tây-phương, vùng Balan chiếm của Đức và sáp-nhập vào lãnh-thổ mình vẫn chỉ được coi là phần đất "được đặt dưới quyền quản-trị của Balan".

Tây-phương hy-vọng sẽ ảnh-hưởng được vào chính-sách của chính-phủ (của Ủy-ban giải-phóng) Balan bằng cách đưa những chính-khách lưu-vong thân Tây-Phương trước kia về tham-dự chính-phủ. Cuối năm 1945 chính phủ Balan được mở rộng có sự tham-dự của Mikolajczyk, lãnh-tụ đảng Nông-dân, người đã từng làm Thủ-tướng chính-phủ lưu-vong tại Luân-đôn. Chẳng bao lâu có sự mâu-thuân giữa đảng Nông-dân và chính-phủ cầm quyền. Tây-phương không trưởng - thành trước chiến-thuật liên-hiệp của Cộng-sản và những chánh-khách thân Tây-phương của Balan chẳng bao lâu cũng phải rời xứ-sở. Nhưng dưới chính-phủ nào đi nữa thì dân-chúng Balan cũng dần dần sẵn-sàng chấp-nhận ranh-giới mới dù họ là Cộng-sản hay không Cộng-sản ! Chính Hội đồng các Giám-mục Công-giáo Balan cũng đứng về phe với chế-độ Cộng-sản trong vấn-đề ranh-giới và ngay những tổ-chức chống Cộng lưu-vong của Balan tại các nước Tây-phương cũng tán-thành việc giữ nguyên ranh-giới hiện tại. Nghĩa là những phần lãnh-thổ của Đức trước kia hiện dưới quyền quản-trị hành-chánh của Balan, ở đó dân Balan đã di-cư đến sinh - cơ lập- nghiệp từ một phần tư thế-kỷ nay phải thuộc về Balan vĩnh-viễn. Với quan điểm đồng nhất hoàn-toàn đó giữa các khuynh hướng chính-trị, Balan, trong nước cũng như ngoài nước, Cộng-sản cũng như

không Cộng-sản, hy-vọng của những người Đức trở thành viên-vọng. Viên vọng một ngày nào đó họ sẽ trở về quê cũ chung sống trong một nước Balan gồm nhiều chủng-tộc và được hưởng quyền lợi quy-chế của một dân-tộc thiểu-số như thiểu-số Đức ở Lô-ma-ni và Tiệp-khắc hiện nay.

Sự thực điều này không thể nào thực hiện được nữa, kể ngay từ chế-độ chính trị Balan đã đổi thay không sao còn thích-hợp cho thiểu số Đức sẽ trở về. Thêm vào đó, ta phải hiểu ước-vọng của dân Balan là không muốn di-cư một lần nữa khi đã sinh-cơ lập-nghiệp ở vùng đất thuộc Đức trước kia, tại đó ngày mới tới con nhỏ còn bồng trên tay, nay đã thành những thanh niên, thiếu-nữ trưởng-thành. Đối với trẻ-nề trẻ này thì miền Đông-Phổ, Pommern và Brandenburg là đất Balan, là nơi chôn nhau cắt rốn đầy những kỷ-niệm thiếu-thời. Họ không muốn ai đến xua đuổi họ đi và nghĩ rằng cha mẹ mình cũng có quyền lưu-ngụ vì đã đổ mồ hôi ra để xây-dựng phần đất từ khi họ mới sinh ra hoặc còn là những đứa bé vô-tư.

Tại Đức ngoài Hiệp-hội của những người bị di-cư và lớp bảo-thủ già nua, đã có những tiếng nói hợp lý-trí hơn, thông-cảm hơn với nguyện-vọng của dân-chúng Ba Lan. Thế-hệ trẻ, dù cha mẹ sinh-trưởng ở những vùng thuộc quyền Balan, hiện tại cũng không có những lưu-luyến gì sâu đậm với những phần đất quá-khứ đó nữa. Họ nhìn nhận thực-trạng và chấp-nhận quê-hương mới vẫn trong cùng một tổ-quốc Đức. Về phía chính-quyền Đông-đức sau thời kỳ chiến-tranh lạnh dưới trào Thủ-tướng Adenauer chính-sách đối với Ba lan cũng đã có vẻ chuyển mình. Phó Thủ-tướng kiêm Ngoại-trưởng Willy Brandt tuyên-bố với tư-cách chánh-thức — Cộng-hòa Liên-bang Đức (Tây

Đức) tôn-trọng ranh-giới hiện nay của Ba-Lan cho đến khi một hiệp-ước hòa-bình được ký-kết. TKlaus Schuetz, thị-trưởng Thủ-tướng thành-phố Bá-linh, trong cuộc viếng thăm Balan cũng tuyên-bố hiểu sự đòi hỏi bảo-đảm về an-ninh của Ba-lan là hợp-lý và đề-nghị tiến tới việc ký-kết một hiệp-ước an-ninh tổng-quát (giữa các nước Âu-Châu) bao gồm cả sự bảo-đảm an-ninh cho thành-phố Bá-linh.

Dò hoàn-cảnh về ranh-giới ta thấy một vấn-đề đối ngoại quan-trọng của Ba-lan là vấn-đề những lãnh-thổ nằm ở phía đông các sông Oder-Neisse. Vấn-đề này liên-quan đến Đức, đúng ra là với Tây-Đức, vì Đông-Đức trong khối Cộng-sản đã đồng quan-điểm với Balan, công-nhận ranh-giới Oder-Neisse như dự-luận trên thế-giới cũng tán-thành việc công-nhận này. Đáp lại, Gomulka, lãnh-tụ Đảng của Balan, hỗ-trợ Đông-Đức trong chủ-trương có sự tồn tại của hai nước Đức và coi Đông-Đức là nước trái độ bảo-đảm nền an-ninh Balan, là tiền-đồn chống « bọn phát xít phục thù Tây-Đức ». Tháng 5-1969 vừa qua Gomulka bất ngờ lên-tiếng đề-nghị với Bonn điều-định vấn đề ranh giới Balan. Trong bài diễn văn kỷ-niệm thành lập Công-hòa Nhân-dân Balan ngày 22-7-69 Gomulka tuyên bố đến nay Tây-Đức chưa chính-thức trả lời. Qua sự chờ đợi của Balan các giới quan-sát nhận thấy Balan đã rất sẵn sàng điều-định và thái-độ đã uyển-chuyển nhiều hơn trước.

Thành ra sau chiến-tranh thế-giới thứ hai tuy Balan đã lấy lại được nền độc lập nhưng vấn đề chính-thức công nhận Balan trên phương diện pháp-lý bởi các nước liên-hệ chưa hề có, mặc dù ranh giới này đã được coi như một thực-tại khó lòng xóa bỏ, ranh giới đã giúp Balan thành một Quốc-gia đơn-chủng, thuần-nhất.

NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

Toán số với càn khôn

Tìm thêm điểm tựa

Điểm thành-công sau này của tư-tưởng toán-học là dựng lên được thuyết về liên tục. Không quan-niệm được một liên-tục (*continuum*) thì phát-minh những số, kể cả phân-số và số vô-tỉ, cũng là công trình mong manh. Nếu từ trí óc, người có thể sáng-tạo ra một vũ-trụ gồm những vật, thì người đã thay đổi tất cả quan-niệm chân-lý khách quan. Nhưng bày ra được những số, không phải bày ra những vật. Số chỉ có tánh-cách biểu-tượng. Khi đưa ra một lớp số mới, người chẳng phát minh những vật mới tương-ứng, mà chỉ thêm được một số biểu-tượng hay ký-hiệu để dùng. Nguyên số, phân-số hay số vô-tỉ cũng như nhau trong phạm-vi công dụng. Số không phải là sự miêu-tả hay hình dung những vật cụ-thể hay sự-việc. Số nói lên những hệ-thức, những tương-quan. Nói rộng thế-giới số chỉ là tạo thêm những biểu-tượng thích-ứng hơn, có khả-năng diễn-đạt những hệ-thức cấp bậc cao hơn. Số mới, mà các toán-gia không ngớt phát-minh tùy theo nhu cầu mỗi ngày mỗi phức-tạp, không chỉ biểu-thị cho tương-quan, mà cho cả tương-quan giữa những tương-quan, hay tương-quan giữa tương-quan của tương-quan, vân vân... Điều này chẳng mâu-thuẫn với đặc-tính của nguyên-số, mà làm rõ và xác nhận đặc-tính ấy. Để lấp chỗ trống giữa

các nguyên-số với sự kiện của thế-giới vật-lý chất chứa trong một liên-tục không-gian-thời-gian, tư - tưởng về toán phải tìm dụng-cụ mới. Nếu số là một vật, một thể-tính thì vấn đề không giải-quyết được. Nhưng số chỉ là một ngữ tượng-trưng, một ký-hiệu, thì phải khai-triển theo quy-mô vững chắc từ-ngữ, hình-thể cú-pháp của ngữ ấy. Đây không phải là một sự thay đổi về bản-tính hay yếu-tính của số, mà chỉ thay đổi nghĩa-lý của nó. Một triết-lý toán phải chứng minh cho việc thay đổi ấy không dẫn đến sự hàm-hồ hay nghịch lý, dù cho lượng số không dùng nguyên-số hay tỷ-lệ giữa nguyên-số để diễn-tả cũng có thể hiểu được, cũng có thể nói lên được với những biểu-tượng mới.

Học-thuyết của phái Pythagore, tuy đã bị vượt qua, cũng là một giai-đoạn quan-trọng trong cuộc tiến-hóa tinh-thần con người. Quan-niệm về số của họ đã ảnh-hưởng nhiều đến triết-thuyết Platon. Sau thời Phục-Hưng, tánh cách quan-trọng của số được Copernic và Képler xét lại, và ngày nay, nhiều ý của triết-lý Pythagore đã sống lại dưới hình thức khác trong trọng-lượng nguyên-tử bằng nguyên-số của Aston, số nguyên-tử của Moseley, thuyết lượng-tử của Planck, hay giả-thuyết Einstein cho rằng những sự-kIỆN vật-lý, cũng như sức hấp-dẫn

chứng tỏ những đặc tính của không-gian-thời-gian.

Trong thời Pythagore dựng lên triết-lý về số, không phải tất cả học-giả đều tán-thành. Gần bên Crotona là nơi Pythagore lập trung-tâm nghiên-cứu và hành-đạo đầu tiên của mình, tại Elée, cũng có một nhóm thông-thái nghiên-cứu về vũ-trụ không chỉ lo riêng về hình tròn và tam-giác. Phái Elée (cũng được gọi Eleates hay Eleatics) đối nghị h với phái Pythagore. Giữa đôi bên thường có những cuộc thảo-luận hay đấu-khẩu hào hứng và hăng-say. Khí-giới độc địa nhất thường được dùng đến là nguy-biến. Người phát-ngôn cho phái Elée là Zenon, một biện-sĩ cự-phách, hay dùng nghịch-thuyết, là một đề hợp luận-lý nhưng ngược đời trái với lẽ phải thông thường. Zenon lúc bấy giờ bị ý-niệm vô-cực ám ảnh. Zenon nghĩ khoa-học (trong nghĩa hiểu biết) không thể nắm được sự thật nếu bỏ qua những khêu gọi về vô-cực của thiên nhiên. Zenon đưa ra một vấn đề liên-quan đến chuyển-động và trình-bày một nghịch-thuyết lừng danh. Làm sao một điểm chuyển-động — bây giờ ta gọi là động-tử — có thể đi qua một số vị-trí vô-cùng trong một thời gian hữu hạn? Nếu Achille (vị anh hùng trong truyện Iliade) chạy đua với rùa, và chỉ cho rùa đi trước một bộ, thì Achille dù chạy mau đến đâu, thì o luận-ý chặt chẽ của Hy-lạp không sao chạy kịp. Rùa, theo Zenon biện-chứng, bao giờ cũng ở trước, dù cho trước có một ly. Chẳng ai với sự nhận xét thông thường lại cho rùa có thể thua được. Nhưng làm sao dùng luận-lý để chứng minh? (Với sự hiểu biết hiện thời, nhất là sau khi George Cantor đã dựng lên thuyết hiện-đại về vô-cực, vào

năm 1883, ta có thể nói gắp rằng những luận-điều của Zenon chỉ có giá-trị nếu thời-gian và không-gian hữu hạn là một số hữu-hạn khoản và điểm. Ta có thể thoát nghịch-lý được bằng cách: 1) từ chối sự hiện-hữu của thời-gian và không gian, 2) không chấp nhận không gian và thời-gian chỉ gồm những điểm và khoản, hay 3) cho rằng nếu thời gian và không gian gồm những khoản và điểm, số của chúng vô cùng. Zenon và nhiều người theo Zenon lựa chọn cách thứ nhất, nhiều người khác như Bergson chọn cách thứ hai. Nghịch-lý của Zenon đã giũ vào những sự ngộ-nhận về bản-chất những vi-phân và hệ-thức giữa không-gian và thời-gian mà toán-gia hiện-đại đã làm sáng tỏ. Nhưng Zenon đã chứng minh rằng lối chia vô cùng thành những đơn-vị vi-phân, như đời xưa quan-niệm, không hợp với kinh-nghiệm. Sự khác biệt được giải-quyết đầy đủ khi thế-kỷ 19 phân-biệt được nhiều loại vô-cực không tương-đồng với nhau). Toán-gia ngày nay có cách là tránh vấn-đề Người Hy-lạp xưa cũng thế.

Một toán-gia Hy-lạp, Eudoxe, đã phát-minh thuyết hình-học về tỷ-lệ, tiếp sau khi số vô-tỉ được tìm ra. Trước đó, thuyết số-học chỉ là thuyết tỷ-lệ. Theo đó, tỷ-lệ của a và b bằng tỷ-lệ giữa c và d , nếu a lần d bằng b lần c ($a \times d = b \times c$.) Định-nghĩa đó không áp dụng cho số hữu-tỉ được nếu không có thuyết số-học về vô-tỉ. Eudoxe đã bày ra hay đã cải-thiện phương-pháp khảnh-kiệt mà sau này được Archimède khai thác. Phương-pháp ấy là một bước tiền-phong dẫn đến toán tích-phân. Ta trở lại ví dụ diện-tích hình tròn. Có thể vẽ trong hình tròn hình lục-giác đều cạnh hay hình đa-giác hằng triệu cạnh. Diện-tích

đa-giác này với số cạnh bao nhiêu chẳng nữa cũng tỷ-lệ theo bình-phương đường kính của vòng tròn. Đa giác càng nhiều cạnh thì sẽ gần bằng hình tròn hơn chừng ấy. Có thể chứng minh nếu cho đa-giác đủ số cạnh, diện-tích đa-giác khác với diện-tích hình tròn, bằng một diện-tích chưa đạt được, diện-tích sai-biệt này có nhỏ đến đâu nữa. Nói một cách khác, nếu lượng-số lớn nhất trong hai lượng số được chia đôi, và phân nửa này lại chia đôi, và cứ như thế mãi, ta sẽ có một lượng số nhỏ hơn lượng-số nhỏ trong hai lượng-số trước tiên. Nếu a lớn hơn b , sẽ có một nguyên số n mà gấp đôi n lần b sẽ lớn hơn a . Phương pháp khảm-kiệt ấy có thể đưa đến một kết-quả đúng, ví dụ như khi Archimède đưa parabol lên bình-phương, có khi kết-quả chỉ gần đúng như bình-phương của hình vuông. Còn vấn-đề hình vuông của hình tròn là định giá-trị chu-vi đối với đường kính, ta đã trở lại con số π (3,1416...)

Trong thời Eudoxe đối chọi với phái Elée về vô-cực, thì đời sống Hy-lạp đã bị xáo trộn vì những chiến-tranh xâm-lăng của Alexandre. Khi nạn đao-binh đã qua, một trung-tâm văn-hóa Hy-lạp được dựng lên ở kinh-thành Alexandrie tại Ai-cập. Euclide sống nơi thành-phố này (khoảng 300 năm trước Tây lịch). Lúc đang còn trẻ, Euclide đã nổi tiếng về hình-học. Sách *Elements* của Euclide để lại là một công-trình vĩ-đại của trí-tuệ Hy-lạp. Sách có 13 cuốn hay chương, miêu-tả và chứng-minh một phần lớn sự hiểu-biết của loài người về đường, điểm, vòng và cổ-thể. Kết quả rục rở ấy nhờ một luận-lý sắc bén dựa trên mười tiên đề giản-dị gồm năm định-đề (Từ một điểm ngoài một đường thẳng ta

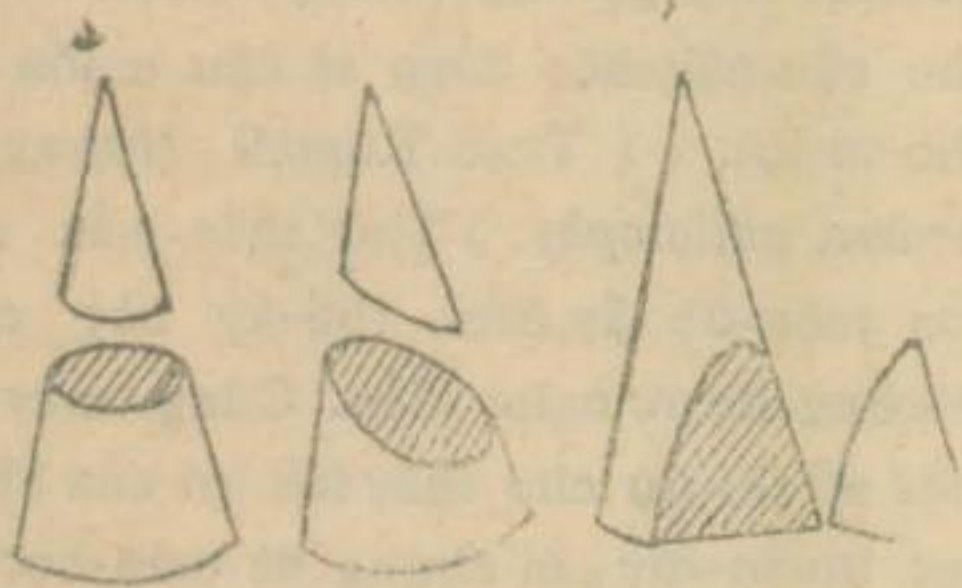
được một đường song song với đườn-
ấy và chỉ một mà thôi, vân vân) và năm công lý (Hai lượng cùng bằng một lượng thứ ba thì bằng nhau, vân vân) mà học-sinh toán nào cũng biết thuộc lòng. Nhưng sách của Euclide, như thế-kỷ chúng ta mới nhận thấy, phản-ánh biên-giới tất-nhiên của tư-tưởng Hy-lạp. Phương pháp dùng hoàn-toàn diễn-dịch, và không thể dùng phương-pháp ấy để chứng-minh những phỏng-đoán nguyên-khởi. Những thỉnh-đề được xem là hiển-nhiên không cãi được, nhưng đến thế-kỷ 19, hình-học phi-Euclide cho thấy các phỏng-đoán có thể sai một phần. Tuy nhiên, hình-học Euclide vẫn còn giữ tác-dụng của nó, vì chúng ta vẫn sống trong vũ-trụ ba chiều riêng của chúng ta.

Euclide khinh thường lối thực dụng của toán số như Platon chủ-trương. Người ta thuật lại chuyện một môn-đệ nghe Euclide giảng dạy bèn hỏi thầy học hình-học có ích lợi gì cho anh ta không. Euclide liền gọi một nô-lệ và bảo : « Lấy cho cậu này một đồng vì cậu muốn học cho có lợi. » (Theo Russell *History of modern philosophy*.) Thử thắc-mắc như của môn-đệ ấy đến thế-kỷ này cũng thường được nghe đến. Cũng may có một số thí-dụ cho thấy ích lợi của khoa-học thuần-túy nói chung và toán-học nói riêng thường được tìm ra một lúc nào đó với những ứng-dụng thiết-thực để giảm bớt hoài-nghi và khinh khi của một hạng người. Đến thế-kỷ 17, Galilée mới nhận thấy những vật phóng đi theo Parabol, Képler nhận thấy quỹ-đạo các hành tinh theo đường bầu-dục. Công-trình của người Hy-Lạp dựng lên chỉ vì thích suy nghĩ, thích tìm sự chính-xác của lý-luận, đối phó với mọi thách-đố trừu-

tượng, cũng dùng đến được trong thiên-văn hay trong binh pháp.

Sau Euclide, có hai toán-gia, cũng người Hy-Lạp tìm ra nhiều kết-quả mới và công-thức khác. Apollonius và Archimède nghiên cứu toán theo kỹ-luật chặt chẽ Platon đã định cho hình-học. Vì suy nghĩ theo duy-niệm, theo trừu-tượng hoàn-toàn, Platon dùng bài hình-học, cho rằng bằng chứng về hình-học có thể tìm với thước vạch và compas mà thôi.

Apollonius góp một phần trong sự tiến-bộ toán-học nhờ sách về thể nón, toán-gia ấy tìm ra rằng một số đường cong là do một mặt phẳng giao-tiếp với một thể nón phía nào đó. Cắt song song với chân thành hình tròn, cắt xiêng thành bầu dục, v.v. Một lần nữa, toán-học thuần-túy không đến nỗi vô ích khi chứng minh được rằng lồi cắt thể nón làm ra những đường mà đạn súng, hay vệ-tinh, nguyệt-câu, địa-cầu đi theo vì ảnh hưởng hấp dẫn chung quanh hành-tinh hay tinh tú.



Archimède sáng tạo nhiều hơn. Theo giới chuyên-môn, Archimède là một trong ba toán-gia — chỉ toán-gia thôi, không nói nhà vật-lý vĩ-đại của lịch-sử nhân-loại, hai bậc kia là Newton và Gauss. Đối với đương-thời, Archimède là người cấp-tiến, tuy không sử dụng được như ngày nay đại-số hay ký-hiệu nào để ghi những số lớn. Vừa là một nhà vật-lý và kỹ-sư, Archimède ham thích hơn hết hình-học thuần-túy, và

xem việc mình tìm ra tỉ-lệ thể-tích trụ với thể-tích cầu nội - tiếp như là thành - công lớn nhất. Giản-đồ trụ và cầu được chạm trên lăng của Archimède năm 212 trước Tây-lịch. Người thường biết đến Archimède qua những giai-thoại. Lãnh-chúa Hiéron ở Syracuse, nghi ngờ kim-hoàn có thể ăn gian số vàng lãnh-chúa trao cho để làm vương-miền, yêu cầu Archimède tìm cách thể nào biết sự thật. Archimède đã tìm ra giải-đáp trong khi tắm và sung sướng quá, chạy ra đường phố vừa la *Eurêka* (Ta đã tìm ra). Người qua đường không san sẻ nỗi vui sướng của Archimède, mà lại cúi mặt và lánh xa. Nhà bác học đã quên mặc áo. Chuyện ấy là thí-dụ cổ-diễn cho sự lơ-đăng của những nhà thông-thái, nhưng cũng có thể nghĩ rằng chuyện được bịa ra để nói lên sự sợ hãi của người đời đối với chân chân-lý, mà sự thật trần truồng, mấy ai dám ngó ngay.

Lại có chuyện Archimède được mời đếm đàn bò của nhật-thần Hypérion. "Nếu nhà ngươi mẫn cán và khôn ngoan hãy đếm thử đàn bò của mặt trời đi, có lần đã xuống ăn cỏ nơi đảo Sicile." Archimède làm việc có vẻ nghiêm chỉnh, phân định số của bò cái, bò đực, màu sắc của từng nhóm. Vì vấn-đề hơi phi phủng, Archimède chỉ có hai giải-đáp: một là số bò 5.916.837.175.686 con, hai là chỉ đếm với một trị-số có đến 206.545 con số mà chẳng có ai sống lâu để tính cho được. Nơi đây người ta có thể đoán được khôi-hài của nhà bác-học.

Khi Archimède nghiên-cứu nguyên-lý của đòn bẩy ông đã thốt câu bất hủ: Cho tôi một điểm tựa, tôi sẽ nạy thế-gian lên. Câu ấy nên hiểu trong nghĩa bóng của nó Sức mạnh của người chỉ

nhờ nơi phương-thế, phương-lược. Khắc-phục được những khó khăn của sự hiểu-biết chỉ khi nào có phương-pháp tri-thức vững chắc. Plutarque và nhiều sử-gia thuật lại rằng Archimède đã phát-minh những máy bắn đá và những hàm sắt khổng-lồ để cản tàu. Những khí-giói kỳ lạ ấy đã ngăn chặn trong ba năm liền các chiến-thuyền La-mã vây hãm vịnh Syracuse. Một tướng La-mã đã gọi Archimède là « một quái-vật huyền-thoại có hằng trăm cánh tay dùng tàu của chúng ta như những chén để mức nước bề. » Nhưng Syracuse với phương-thế mới đã thua tướng La-mã. Lợi dụng lúc quân-lính Syracuse say sưa nhân dịp lễ tế-thần, lính La-mã tràn vào cướp phá thành-phố. Một quân-nhân La-mã bắt gặp một cụ già 75 tuổi đang ngồi nơi sân cát lấy cây vẽ hình, chém đầu ngay. Cụ già bạc hạnh là Archimède. Đối với nhà bác-học đến bậc tuổi ấy, đời sống chẳng cần thết gì lắm, nhưng nếu kéo dài thêm được ít lâu, có thể giúp cho một vài người La-mã tìm sự hiểu biết và sáng-tạo điều gì đáng giá hơn sức mạnh võ-phu và tồn tại lâu dài hơn những đế-quốc César hay Alexandre xây dựng trên xương máu.

Trong thời-gian võ-lực La-mã thắng, một số trí-thức Hy-lạp cổ tiếp tục con đường nghiên-cứu Archimède đã vạch ra. Trong số có một nữ toán-gia Hypatia dạy ở Alexandrie, bị một đám người cuồng tin theo Thiên-chúa-giáo giết.

Gibbon (*The decline and fall of the Roman Empire*) có một đoạn thuật về cái chết oan uổng của Hypatia. Hypatia, con gái của toán-gia Théon, được thụ huấn về môn-học của thân-phụ. Những chú-giải của nàng làm sáng tỏ hình-học của Apollonius và Diophantus. Tại Athènes và Alexandrie, nàng công-khai giảng dạy triết-lý của Platon và Aristote. Đang thời rất đẹp và rất giỏi, nhan sắc lộng lẫy như trí-tuệ rực-rỡ, nàng từ chối mọi người theo gạ hỏi và chỉ lo truyền-bá học hỏi cho môn-đệ. Những nhân-vật có tên tuổi nhờ tài-năng hay chức-vị ao ước được đến thăm nữ triết gia. Cyril, người cầm đầu thế-quyền và giáo-quyền, vì tôn-giáo mình, thích sát hại những người Do-Thái và tà-đạo. Cyril thấy một cách bực mình và ganh tị số xe ngựa và nô-lệ tấp-nập trước cửa trường của Hypatia. Như một tin đồn thất thiệt trong đám tín-đồ Thiên-chúa giáo cho Hypatia là một mầm chia rẽ, một hôm trong mùa Phục-sinh, nàng đã bị một đám dân lôi từ trên xe xuống, lột tất cả y-phục, kéo đến nhà thờ và bị bọn cuồng-tin làm thịt. Với vỏ sò, chúng cạo thịt ra khỏi xương và vắt tất cả cho lửa thiêu ! Việc sát hại dã-man nàng Hypatia đã làm hoen ố lâu đời nhân-phẩm và tôn-giáo của Cyril.

Kỳ tới: Một đêm dài ngàn năm
(Còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng - Có sinh tố C - Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

KRISHNAMURTI

ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH

Commentaries on Living

AN TIÊM

một trái bom nổ giữa khối óc — giữa lương tâm —
ở giữa thực tại — giữa tất cả dòng hiện sinh nham nh
của thể hệ

ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH

(Commentaries on Living)

tác giả : Krishnamurti

dịch giả : Trúc Thiên

An-Tiêm xuất bản và phát hành

sách dày 608 trang giá 290đ

Vấn-đề thời kỳ Tây-phương

Muốn ghi lại các biến cố, con người phải dùng thời gian làm cơ sở. Nhưng để có thể dùng thời gian làm cơ sở, điều cần thiết là phải linh-hội rõ về thời gian và phải có một hệ thống thời kỳ minh bạch. Dựa theo lý-luận này thiết tưởng không ai phải lưu ý đến yếu tố thời gian cho bằng sử-gia và sử-gia phải là kẻ đầu tiên khám phá ra lối ghi niên lịch cũng như các hệ thống thời kỳ. Nhưng trên thực tế, người ta đã chú trọng đến thời gian tiên nguyên không phải vì mục đích khoa-học mà chính vì mục đích tôn-giáo.

Thật vậy, dưới mắt người xưa, vũ trụ xuất hiện với tất cả vẻ kỳ-diệu khó hiểu. Con người nhìn vào vũ trụ với một cặp mắt kinh ngạc, các diễn biến trong vũ trụ đối với họ đều có những vẻ lạ lùng, như việc ngày đêm xoay vần, như tư thời bát tiết. Họ cho rằng tất cả đó đều là biểu-biểu của thần minh có năng lực dị thường, nhất là khi họ thấy đời sống họ tùy thuộc mật thiết vào những hiện tượng như nắng mưa gió bão. Họ nghĩ rằng trời điều khiển người và đẹp lòng trời ắt sẽ xuôi việc người. Do đó, vì muốn đẹp lòng trời tất phải biết sự trời, họ đã lưu ý đến thiên-văn, dò xét sự luân chuyển của mặt trời, mặt trăng, và sự thay đổi của thời tiết. Sau đây, chúng tôi xin trình bày đại cương về công việc này của nền văn-minh Tây-phương.

Ở Tây-phương (gồm cả Cận-đông vì đó là xuất xứ của nền văn-minh họ) lối ghi thời gian sớm nhất là lối lấy mặt trăng làm căn bản. Họ dựa vào nguyệt-kỳ làm đơn vị chủ chốt, đó là đơn vị tháng gồm 29 ngày rưỡi. Từ đó họ đi đến những đơn vị ngắn hơn, như ngày rằm, hay tuần mười ngày. Nhưng khi bắt đầu biết dùng tuần mười ngày, con người đã đạt một tiến bộ lớn: họ không còn chỉ ý lại vào giác quan mà đã biết sử dụng khối óc. Đáng khác, nếu có nguyệt-kỳ của mặt trăng thì cũng có vận kỳ của thời tiết, và một vận kỳ như vậy gồm bốn mùa tương đương với 12 tháng, tức là một năm. Năm mặt trăng hay âm-lịch, gồm 354 ngày. Có một điều là thời tiết không hoàn toàn ăn khớp với năm mặt trăng, vì nó tùy thuộc ở mặt trời. Như vậy, người xưa lại phải cố gắng nữa để dung hòa năm mặt trăng với sự luân chuyển của mặt trời. Để đạt mục đích này, họ đã bày ra biện pháp tháng nhuận, cứ ba năm thêm vào một tháng. Dầu là không được chính xác, biện pháp đó đã được áp dụng trong một thời gian lâu.

Về năm mặt trời, người Ai-Cập đã dẫn đầu trong việc thiết định. Họ lưu ý cách riêng đến mặt trời là vì họ thờ mặt trời. Trường-hợp riêng của nông nghiệp họ cũng giúp họ về phía đó. Sông Nil là sông huyết mạch của họ, mà sông này lụt theo một định kỳ của

mặt trời. Hình như họ đã biết tính năm theo hệ thống dương-lịch kể từ năm 4245 trước Kỷ-nguyên. Từ lâu, họ cũng đã biết tính mỗi năm 365 ngày chia thành 12 tháng 30 ngày tiếp theo năm ngày lễ ở cuối năm. Về sau, năm 238 trước Kỷ-nguyên, hệ thống dương-lịch được các bác-học gia của Alexandria tu chỉnh, cứ bốn năm thêm một ngày nhuận.

Dân Hy-Lạp dùng hệ thống âm lịch. Biết rằng nguyệt-kỳ là 29 ngày rưỡi, họ chia tháng thành 30 ngày và 29 ngày. Mỗi tháng họ chia làm ba tuần thượng, trung và hạ. Vào thế kỷ thứ 10 trước Kỷ-nguyên, họ đã nhận được bốn mùa, mỗi mùa là ba tháng. Cho đến thế kỷ thứ 5, họ có thói cứ 8 năm thêm vào 3 tháng để năm âm-lịch hợp với thời tiết. Năm 432, nhà thiên-văn Meton đề nghị dùng chu kỳ 19 năm, nay thường gọi là "Chu-kỳ Meton", tức là cứ 19 năm thì thêm 7 tháng nhuận. Dẫu đúng hơn, hệ thống này mãi năm 340 mới được đem dùng và không lâu sau lại bị bỏ để theo hệ thống cổ truyền.

Giống như dân Hy-Lạp, người La-Mã cũng dùng âm-lịch. Họ cũng cố gắng sửa chữa những khuyết điểm của nó, nhưng không thành công mấy. Các vị thượng-phẩm có bổn phận định về tháng nhuận, thì phần nhiều không lưu ý hoặc có làm thì làm với hậu ý chính trị. Năm 46 trước Kỷ-nguyên, Julius Caesar đã cải tổ niên lịch. Ông áp dụng hệ thống dương-lịch của Ai-Cập, chia tháng làm 30 và 31 ngày, và cứ 4 năm thêm một ngày nhuận vào tháng hai. Về lâu về dài, hệ thống này vẫn chưa đúng hẳn với thời tiết nên năm 1582, Giáo-Hoàng Gregorius XIII đã bớt đi 10 ngày, từ ngày 4 tháng 10 năm đó

lịch đã vọt lên ngày 15. Thói dùng tuần lễ 7 ngày là củ người Hy-Bá (Do-Thái), thời cổ hộ Do-Thái người Hy-Lạp đã dùng và đến thế kỷ thứ 2 sau Kỷ-nguyên mới được thông dụng.

Tuy nhiên, lập được năm mặt trăng, năm mặt trời, chưa phải là đã có thể xử dụng thời gian làm cơ sở cho việc chép sử. Còn phải dò dẫm lâu nữa mới tìm ra một hệ thống thời kỳ tiện lợi. Thật vậy, khi con người bắt đầu muốn ghi lại những biến cố quan trọng, họ đã lúng túng. Cổ nhiên, muốn dùng thời gian làm cơ sở để trình bày sự việc, trước hết phải trình bày thời gian thành hệ thống, mà việc này không phải dễ làm. Hỏi phải sắp xếp các năm theo thứ tự nào, và làm sao để mọi người có thể chấp nhận?

Thoạt kỳ thủy, thói quen thông thường là đem biến cố này đối chiếu với một biến cố khác đã được nhiều người biết. Người Ai-Cập đã sớm dùng lối đối chiếu đó và đã có một lịch-sử xưa nhất. Khoảng năm 275 trước Kỷ-nguyên, một giáo-sĩ bác-học Ai-Cập là Manetho đã được vua Ptolemeus Philadelphus ủy cho công việc thiết lập một bản liệt kê các triều. Công trình này nay nhiều chỗ đã bị hư hỏng, nhưng đó là cái sườn quý để cho các nhà nghiên-cứu dùng.

Về dân Assyria, lịch đại đã xuất hiện từ thế kỷ 14 trước Kỷ-nguyên, và vào thời Tiglathpileser 1 (thế kỷ 11), việc sắp xếp niên biểu đã được đầy đủ. Tại đây, việc đối chiếu thời gian được dễ dàng, vì hàng năm, nhà vua đặt một đại-thần gọi là limmu, và danh sách các limmu đã được ghi lại. Khi thuật biến cố, sử gia thường nhắc đến tên của limmu để đối chiếu. Về danh sách các

vua, dân Babylonia đã nói đến một cách dài dòng. Cùng một thời với Manetho ở Ai-Cập, vua Babylonia, Antiochus I đã truyền cho giáo-sĩ Berossos thiết lập lịch đại của nước ông. Vào cuối thời Assyria và Babylonia, học giả vùng Lưỡng-Hà đã nói đến thời đại, và thời đại đầu tiên họ nói đến là của vua Nabonasser (lối 747 trước Kỷ-nguyên).

Người Hy-Bá có thói kê khai các thế hệ người, và mỗi thế hệ được kê trung bình là 40 năm, nhưng họ không hề đi xa hơn. Đáng khác, các thế hệ được liệt kê không chắc gì đã nối tiếp nhau trong thực tế. Về mặt thời đại, họ có nói một cách lơ mờ như từ Abraham đến David, từ David đến cuộc lưu-đồ sang Babylonia...,

Trở về dân Hy-lạp. Mặc dầu họ sản xuất được những sử gia nổi tiếng như Herodotus, Thucydides, họ vẫn có ít sáng kiến về mặt thời ký. Trước hết nên đề ý đến tình trạng hỗn độn về tên năm: Sparta tính theo tên của vị giám sát (epheros) Nhã-diễn theo tên của thủ tướng (arkhon), và Argos theo tên của bà vãi ở đền Hera. Vì phức tạp như thế nên sử gia thường dùng phương pháp đối chiếu, ví dụ khi chép về chiến tranh ở Peloponneses, Thucydides đã lấy năm khai chiến làm năm thứ nhất, rồi cứ thế mà tiếp. Khoảng năm 300 trước Kỷ-nguyên, Timaios bắt đầu dùng vận hội ở Olympias làm cơ sở thời ký. Vận hội cứ 4 năm khai diễn một lần và lần đầu tiên là năm 776 trước Kỷ-nguyên. Chẳng hạn về trận Marathon, người ta nói là xảy ra vào năm 3 của vận hội thứ 72.

Ở La-Mã, việc thời ký lộn xộn hơn ở Hy-Lạp. Thường họ gọi năm bằng

tên của vị tổng tài đương nhiệm, đồng thời họ cũng dùng lối đối chiếu biến cố. Nhưng tiêu chuẩn hay dùng nhất, và vì đó gây nhiều khó khăn hơn, đó là lấy năm thành lập La-Mã làm căn cứ. Atticus đầu tiên đã áp dụng hệ thống này trong bộ Liber Annalis và rồi Varro khai triển thêm. Theo họ, La-mã được thành lập năm 754 trước Kỷ-nguyên. Nhưng cách tính này không hợp với danh sách các tổng-tài được khắc thời Augustus, vì theo danh sách này năm đó lại vào năm 753 trước Kỷ-nguyên, rồi nếu theo Fabius Pictor thì lại vào năm 748, và theo Cincius Alimentus thì năm 729. Những lối tính đó đều được sử dụng, nên công việc nghiên cứu thật là phức tạp. Ngoài ra, còn có sử gia dùng hệ thống vận hội Olympias, mà năm Hy-Lạp khởi sự vào tháng 7, còn năm La-Mã thì từ trước cho đến năm 153 trước Kỷ-nguyên bắt đầu từ tháng 3, và sau đó mới bắt đầu từ tháng giêng.

Sau Kỷ-nguyên, vẫn còn lâu nữa việc thời ký mới được thống nhất. Thế kỷ thứ 3, Sextus Africanus (180-250) dùng việc sáng thế làm khởi điểm thời ký, và khởi điểm đó là năm 5499 trước Kỷ-nguyên. Ông đã dùng công trình của Manetho, Berossos làm tài liệu. Sử gia Eusebius Pamphilius (260-340) năm 303 đã chép một bản đối chiếu thời ký lấy việc của Sextus làm bản bản. Năm 379, Hieronymus dịch bản Chronographia của Eusebius từ tiếng Hy-Lạp ra La-Tinh để phổ biến. Sau đó, Prosperus Aquitanianus tiếp tục đối chiếu cho đến năm 455, rồi Idatius, người Tây-Ban-Nha, cho đến năm 468 và Victor Tonennensis cho đến năm 566. Nhưng lối 550 Dionysius Exiguus đã bắt đầu dùng năm Thiên-Chúa Giáng Sinh làm năm căn bản, rồi tính ngược

về trước và tính xuôi về sau. Vào thế kỷ thứ 8, Beda, người Ái-Nhi-Lan, đã phổ biến sáng kiến đó trong tập *De Temporum Ratione*, và từ đó Tây-Phương sử dụng hệ thống này.

Về vấn đề thời đại, sự hình thành cũng lũy tiến. Lúc đầu ý kiến còn mập mờ như ở Do-Thái, Babylonia. Ở Hy-Lạp, thế kỷ thứ 8, Hesiodos chia lịch sử làm năm thời đại là vàng, bạc, đồng, anh hùng và sắt. Người Hy- Lạp còn có quan niệm chu kỳ, nghĩa là mỗi thời đại có giai đoạn phát triển, đến giai đoạn suy vi. Thời Trung-Cổ, Tây-Phương thường cho lịch sử chỉ có hai thời đại là trước khi con người phạm tội và sau, nhưng ít lưu ý đến chu kỳ. Đầu thế kỷ thứ 15, Flavius Blondus (1388-1463) bắt đầu tách thời Đế-quốc La-Mã ra khỏi thời dân Tây-Âu tự lập. Con người

đã chia các thời đại một cách rành mạch, chính là Christophus Cellarius (hay Keller), người Hòa-Lan. Trong một sử-phẩm, vào cuối thế-kỷ thứ 17, ông đặt tên cho phần lịch sử từ đầu đến Hoàng-Đế Constantinnus (306-337) là *historia antiqua* (cổ sử), từ đó đến thành Constantinopolis thất thủ, năm 1453, là *historia medii oevi* (trung cổ sử) và phần cuối cùng là *historia nova* (tân sử). Ngày nay, vì phần tân sử quá dài, người ta đã chia ra làm cận sử và hiện sử, lấy Cách-Mạng Pháp 1789 làm ranh giới.

Vạch lại câu chuyện của công việc thời ký như trên, lần nữa chúng ta thấy rằng ngay như việc niên lịch và thời ký cũng đã phải trải qua một tiến trình mệt nhọc và lâu dài.

NGUYỄN-ĐỨC-CUNG
(Hội Sử-Học)

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

THUỐC BỔ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,
CÓ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

Chị Bẹ o

Truyện ngắn HOANG-NGOC-CHÂU

Buổi trưa trời nắng chang chang, với cái bụng đói xẹp lép vì đã một ngày thiếu cơm, tôi đang lang thang chưa biết phải đến một nhà quen nào để kiếm một bữa ăn thì bỗng nghe có tiếng gọi:

— Cậu Châu ! Cậu Châu !

Tôi đứng lại nhìn quanh quẩn, thấy chẳng có ai quen cả nên bỏ đi. Nhưng vừa đi được năm ba bước thì tiếng kêu lại gần như sau lưng:

— Cậu Châu ! Cậu Châu !

Tôi nhìn lui, thấy một người con gái ăn bận không mấy đứng đắn, đang hăm hở đi tới nhìn tôi cười ra chiều thân thiết và thích thú lắm. Đợi cô gái đến gần, tôi hỏi :

— Chắc là cô lầm tôi với ai rồi ?

— Lầm rằng được mà lầm ! Cậu không nhìn ra tui rằng cậu Châu ?

Không biết tôi đã gặp giai nhân này ở đâu? Một xó xỉnh nào đó của tình yêu ? Tôi cố đem hết trí sáng suốt của mình ra để họa may ra nhớ nổi. Nhưng chịu. Tôi không tài nào nhớ được. Tôi nhìn chăm chăm vào mặt cô gái để thấy có một chút quen thân nào không — nhưng cái mặt trát đầy phấn son làm đáng vụng về chỉ cho tôi thêm nổi bức mình. Bực phước lúc này mà Thủy tình cờ đi ngang nhìn thấy tôi đứng nói chuyện với một cô gái mà vào bất cứ ngõ hẻm nào cũng nhan nhản thì tôi biết nói sao với nàng đây! Chắc hẳn thế nào tôi cũng lảng đi

những cái giận hờn, sai hẹn mà chưa chắc tôi ra công cả tuần đã năn nỉ được, nghĩ đến lỡ bị Thủy tình cờ bắt gặp, tôi sợng trăn mặt ra.

— Xin lỗi ! cô là ai mà tôi không được nhớ ?

Cô gái ngập ngừng như để nhớ ra một điều gì.

— Tui...là... là...Bẹ o đây !

— Trời ơi ! Chị Bẹ o. Răng hồi ni chị khác quắc khác quơ dữ rứa ?

— Khác chi mà khác. Có cậu mới khác kè. Cậu hồi ni vừa ốm lại vừa đen trông xấu xí ra răng.

Đang buồn xo vì cái bụng đã một ngày không cơm không cháo, bây giờ lại phải nghe thêm những lời chào hỏi vàng ngọc này nữa làm nổi hơn hờ của tôi tự nhiên khựng lại. Tôi nghĩ giá như lúc này có một chiếc gương soi, chắc tôi sẽ nhìn thấy rõ ràng cái bản mặt xấu trai đói cơm của tôi nó què mùa cục mịch lắm. Đã đành rằng tôi đen điu, tôi ốm o, tôi xấu xí, nhưng chẳng thà chười cha tôi có hơn không. Tôi bực mình định nói : Cái chị này vô duyên thật ! Bộ chỉ tưởng chị đẹp, chị thơm lắm chắc ! Hết chuyện nói hay sao mà mới gặp chị đã tạt nước lạnh vào mặt tôi ! « nhưng không hiểu sao tôi không nói được như vậy, mà lại nói khác đi.

— Xin lỗi chị ! Tôi có chuyện dẫu cần phải đi.

Nhưng khổ quá trời ạ ! Chị Beo vẫn không hiểu được tâm địa của tôi. Chị vẫn vồn vã gần như muốn cầm nắm tay tôi. Thật tội nghiệp cho chị và cũng thật tội nghiệp cho cả tôi !

— Chuyện chi mà gấp gang dữ rứa. Cậu đề cho tui hỏi thăm chuyện nhà chút đã. À, cậu đã ăn cơm chưa hay là đi ăn với tui tui cho luôn rồi kể chuyện nhà chuyện cửa cho tui biết với.

Rồi chị đưa tay chỉ về phía cây vông đồng, nơi có ông Mỹ đen đang đứng moi ngậm chuối xỉ gà to tồ bồ :

— Chồng tui đó.

Nhìn cách ăn bận và mặt mày phấn son của chị Beo tôi cũng đoán biết như vậy rồi. Nhưng tôi vẫn làm bộ ngạc nhiên và khen móc họng :

— À ! Chị có phước quá hí.

Được tôi khen ý chừng chị Beo sung sướng lắm. Chị cười híp mắt lơ lửng :

— Phước chi mà phước. Nì ! mà rắng cậu có đi ăn cơm với tui tui không ?

Đang đói bụng nghe đến ăn cơm là mắt tôi sáng rực lên. Lẽ tất nhiên không có cách chi mà tôi từ chối được cả. Nhưng không hiểu sao tôi lại làm bộ rất trái với lương tâm.

— Thôi chị đề cho khi khác đi.

Nói xong, tôi thấy hối hận và hồi hộp. Tôi nghĩ mình dại dột thật. Tôi tự trách mình tại sao lại ngu ngốc nói dối chi vậy, lỡ chị Beo nói : « Ừ thì thôi đề khi khác cũng được » thì sao. Tôi tự chửi thầm mình : « Thì đáng đời mày lắm. Cho chưa dốt đi. »

Nhưng may quá.

— Khi khác chi mà khi khác. Biết có gặp cậu nữa không. Chồng em tuy trông dữ tợn rứa chớ nó hiền khô. Cậu đừng ngại chi cả.

Lẽ tất nhiên là tôi sướng rơn. Vậy mà tôi cũng vẫn làm bộ làm tịch thật đáng ghét.

— Ừ ! thì tôi chịu ý chị Beo vậy.

— Cậu đừng có kêu tui là Beo nữa. Tui đã bỏ cái tên Beo quê mùa đó đi rồi. Bây giờ tui là Ly Ly. Cái tên Beo đã xa lắc xa lơ cậu kêu lại tui ớt dột lắm.

Tôi bỗng cười thầm. Những kẻ xấu xí vô duyên bao giờ cũng chọn lựa cho mình một cái tên đẹp để hết. Có người mở miệng ra cười méo xẹo lại là Duyên, có người đứng bên thì mùi hôi nách tỏa ra muốn ối muốn mửa lại là Hương, Thơm. Cũng như chị Beo đây : mập cỡ như tạ gạo một trăm kí vậy mà lại là Ly Ly. Tôi muốn hỏi chị Beo : « Tại sao chị không lấy tên là Tạ Tạ hay Thúng Thúng chi đó có hợp và đúng hơn không ? » nhưng sự hèn hạ thường tình của con người làm tôi không có đủ can đảm đề hỏi như nên tôi đành chỉ biết cười thầm.

Chị Beo đưa tay ngoắt người Mỹ đen và gọi :

— Bờ Rao.

Dưới nắng vàng, một thân hình to lớn cõ bằng năm người tôi, đen thui như cột nhà cháy và bóng láng như tượng đồng được bôi lên một lớp dầu phụng, đang di động. Đó là Brown, chồng của chị Beo.

Khi Brown đến gần, bằng một thứ tiếng mới — thứ tiếng nửa Việt nửa Mỹ pha lẫn vào nhau đang thịnh hành khắp các thành phố đầy dẫy người ngoại-quốc — chị Beo giới thiệu tôi với Brown

Brown đưa bàn tay đen đúa, bóng láng, kịch côm ra bắt tay tôi. Và cực chẳng đã vì phép xã giao lịch sự tôi mới đưa tay bắt lại tay Brown. Không phải tại tay Brown trơn tru nhớt nhúa mà tôi ghê. Tôi sợ thiên hạ hai bên đường hiểu lầm tôi là một tên ma cô chuyên đưa đường dẫn lối. (Dù có chắc gì tôi làm nổi được cái nghề ma cô. Khi mà bất cứ nghề nào trong đời sống này muốn làm cho được thật nhiều tiền thì phải : bắt lương, lừa manh, thủ đoạn, mưu mô, xảo quyệt, hèn hạ, bần tiện, và hàng trăm thứ nhớt nhúa khác nữa làm sao tôi có được).

Cũng may quá, chỉ đi ba bước là tới nhà hàng, không thì cái mặt của tôi cũng như cái mặt mo.

Trong đời tôi đây là lần đầu tiên được bước chân vào nhà hàng sang trọng. Chị Bọ thì như đã quen thuộc lắm. Mới ngồi xuống ghế chị đã kêu lia lịa.

- Cào hai lon bia.
- Rồi chị quay sang tôi ?
- Cậu Châu uống gì ?
- Cô-ca cũng được chị.

Tuy tôi làm ra vẻ " gì cũng được " nhưng thật ra thì tôi uống bia rất tệ, chỉ một lon cũng đủ chệnh choáng và mặt mày thì đỏ như cắc kè.

Chị Bọ như đi guốc trong bụng tôi :

- Cậu con trai chi mà cù lần dữ rứa. Con trai mà uống Cô-ca là quê cùng mình đi. Phải tập uống bia cho khoẻ mạnh ra chớ cậu.

Lời của chị Bọ thật tình, tự nhiên không có ý gì cả, nhưng giọng chị oang oang ba làng cũng nghe làm tôi có cảm

tưởng mọi người đang có mặt đều nhìn tôi cười thương hại. Tôi sượng trân người nhưng cũng bấm bụng cắn răng mà chịu đựng. Tôi đói quá đành phải lì mặt. Sá gì những tiếng cười chê.

Khi người bồi bàn mang bản thực đơn đến, chị Bọ hỏi tôi.

- Cậu Châu muốn ăn gì ?
- Ăn gì cũng được chị. Miễn no bụng. Cần chi.

Chị Bọ nói với người bồi bàn:

- Cho 3 bồ câu hầm, 3 cua rang muối, 3 chén xúp gân nai, 3 đĩa côm chiên dương châu, và một tô canh bông cải nấu lòng heo.

Thấy được ăn nhiều món ngon tôi mừng khúm, nhưng vẫn làm bộ.

- Chi mà nhiều món dữ rứa chị.
- Thời buổi chiến tranh ni làm có tiền mà không ăn cũng uổng. Biết chết sống khi mô.

Tôi hỏi chị Bọ bằng giọng thân tình.

- Một tháng Brown đưa chị bao nhiêu ?
- Hẳn keo kiệt lắm. Lương hẳn gần năm trăm đôn xanh mà hẳn chỉ đưa tôi có hai trăm. Tôi phải kiếm thêm những thằng khác nữa mới đủ tiêu.
- Chị tiêu chi mà tiêu dữ rứa ?
- Tui rứa là hạng bét đó Tụi con Hương con Phấn lần đánh bạc thua cả ngàn đôn xanh.

— Chị cũng biết đánh bài nữa ?

- Cũng phải biết như tụi nó không tụi nó cho mình quê mùa, cù lần thì làm sao sống nổi. Cậu biết không; tiền côm tháng mười ngàn, tiền nhà mười hai ngàn, hẳn trả hết. Ngoài số tiền hẳn cho ra, tháng tháng tôi còn kiếm được vài ba

trăm đôn nữa là tệ, rửa mà cũng chỉ vừa đủ tiêu vật và cho mấy thằng em út.

— Em út nào ?

— Thì mấy thằng cảnh sát đã chiến đó. Phải cho nó ăn như vậy nó mới che chở và bao bọc cho mình. Không thì bố ráp xét gia đình hoài còn làm ăn gì được.

Chao ôi ! Thật là khủng khiếp. Năm trăm đôn một tháng mà chỉ tiêu vật. Tôi không hiểu tiêu cái kiểu cách chi mà dữ vậy. Năm trăm đôn xanh tính theo giá chợ đen rẻ mạt cũng được bảy mươi lăm ngàn. Ôi ! số tiền mà chắc chắn suốt đời tôi cũng không có cách chi cầm nắm được trong tay. Nếu tôi nhịn ăn nhịn mặc và cố đem hết sức mình ra mà làm thì ít lắm cũng là năm năm tôi mới (hy vọng) dành dụm được một số tiền lớn lao như thế này. Vậy mà chị Beo chỉ tiêu vật trong một tháng.

— Cậu Châu thấy tui hồi ni có khác chi không ?

Nghe chị Beo hỏi, tôi không biết rằng trả lời cả. Tôi nhớ đến cái con Beo lem luốc chưa sạch mũi và một dạo nào mới đến giúp việc cho gia đình tôi ở trong Thành Nội. Cái con Beo đen thui, mũi chảy lòng thòng là đây sao ? Cái con Beo mà chuyên mờ chười lộn với trẻ con hàng xóm là đây sao ? Cái con Beo mà mẹ tôi thường chười : « Mấy sau này chỉ có nước chó lấy chó ai mà thềm » là đây sao ?

— Rửa mà cậu trơ mặt ra rửa ?

— À ! À ! Chị hồi ni thay đổi nhiều quá nên tôi không còn nhớ hồi trước chị ra răng nữa cả. Chị bây giờ và hồi trước như là hai người. Hồi trước chị xấu xí bao nhiêu bây giờ chị lại đẹp để bấy nhiêu.

Không hiểu sao tôi lại khen nịnh chị

Beo một câu tréo cẳng ngỗng như vậy được. Tuy bây giờ chị không còn mũi chảy lòng thòng như hồi nhỏ và nước da cũng không còn đen như mọi cà lơ, nhưng chị đánh phấn thoa son quá vụng về nên trông gương mặt của chị tội nghiệp và thảm thương không có cách chi diễn tả được. Tôi cố hình dung ra cô đào bát già của một gánh hát nghèo đói về trình diễn tại một vùng khỉ ho cò gáy để so sánh chị Beo có hơn được tí ti nào không, nhưng không những chị Beo đã không hơn mà chị lại còn xấu đui xấu điếc gấp mười lần. Ngoài cái trán vồ, đôi mắt lơnh hí hí, cặp lông mày tia sắc lẹm và nhọn hoắt, lỗ mũi gãy và xẹp, miệng chù vao như miệng chó đói cơm, chị còn có cái sẹo to tướng và lằng xằng nằm ám chướng từ đuôi con mắt bên phải đến cuối lỗ tai. Dù chị đã có ý uốn một kiểu tóc lòa xòa để cố che lấp nó đi nhưng cũng không tài nào che kín được.

Vậy mà tôi lại khen chị đẹp. Thật tôi là một thằng có côm nói côm có rượu nói rượu giỏi nhất trên đời. Và thật tôi nghiệp cho chị Beo ! Được tôi khen, chị cười cười ra chiều thích thú, hai tay chị xoa vào nhau, và dù chị cố làm cho ra vẻ tự nhiên, nhưng tôi biết trúng tim đen là chị muốn khoe chiếc nhẫn hột kim cương sáng chói.

Chị Beo bỗng hỏi tôi :

— À ! Khi hồi chừ tui quên — Ông bà hồi ni ra răng ?

Khi không phải nhớ lại chuyện nhà, làm tôi buồn buồn :

— Hình như chị xa vài năm thì ba tôi mất. Mẹ tôi thì bị đạn chết hôm tết Mậu Thân.

Chị Beo sửng sốt :

— Rửa mà tui có biết chi mô. Tội

nghiệp bà ! Bà chửi tui rứa chơ mấy năm ni tui nhớ bà quay quắc.

Rồi chị khóc ngon lành. Những giọt nước mắt thật tình ứa ra từ nỗi nhơ thương thăm thẳm nào đó làm ướt hai gò má phấn son vụng về của chị thật tội nghiệp. Nhìn chị Bẹo, tôi thấy có một cái gì làm cho tôi cảm động hết sức, nhưng tôi cố gắng để khỏi phải khóc theo chị.

Chị Bẹo hỏi tiếp với giọng vẫn chưa ráo nước mắt.

— Chị Trâm và O Quỳnh hồi ni răng cậu ?

— Chị Trâm đã có chồng và đã có hai đứa con. Anh Trọng chồng của chị Trâm hôm tết Mậu Thân bị cụt một chân nên đã được giải ngũ, còn Quỳnh thì đi theo một thằng nào đó ở Tam-Kỳ.

Tội nghiệp chưa ! O Quỳnh hồi ni chắc đẹp dữ lắm. Hồi trước O trắng như bông. Răng cậu không vẽ vôi cho O với. Cái thằng cha mô đó cũng độc địa thiệt. Dụ dỗ con gái người ta rứa khi chết nó không bị đọa địa ngục là họa.

Tôi bỗng nhớ đến bầu trời thành nội; khu vườn rộng vang tiếng chim kêu; bốn hàng cây nhãn trái sây và ngọt thanh như mía mật; cây thanh trà tếp lớn và ngon không chịu được; hai hàng cau thẳng giêng trổ bông trắng như tơ trời, thơm như gạo mới; bốn hàng rào trồng chè tàu tía đều, lứa thừa năm ba buổi cần bốn màu trổ bông đỏ ối, ngôi nhà ngói ba gian hai chái mà cột, kèo, xuyên, trến đều làm bằng một thứ gỗ mít lạng xầy và bóng lộn. Đó là nơi có ba tôi với tuổi về hưu, có mẹ tôi ngày hai buổi vun cây nhò cỏ quanh vườn và có chị em tôi như bầy chim sáo. Ngày tôi đi cà lất thất trở về, khu vườn xưa đầy dấu bom đạn, mấy hàng cây gãy ngang quằn quại, ngôi nhà thân yêu đổ nát, tiếng chim kêu lạc lõng cuối vườn, cái tôi ngồi buồn bã giận hờn.

« Em rằng vô tình dữ rứa ? Chi đi nữa em cũng là con trai. Răng em không đi uôn đi, về chi nữa cho linh hồn mà thêm tủi hồ ! » và em tôi khóc meo máo. « Anh ơi, bữa nớ mà đang còn cầu nguyện, chị Trâm và em hồi mà đi núp thì mà nói núp chi cho bằng cầu nguyện Phật che chở. Tình linh một quả cannon rớt ngay nhà mình và mà chết tươi không kịp trối anh ơi ! » Trong tiếng thở dài đứt ruột của chị và trong tiếng khóc náo lòng của em, tôi chỉ biết ngồi cúi đầu yên lặng giữa đồ nát mà nghe lòng mình như có ai cào xé, mà nghe hồn mình như có lất phất mưa bay.

Nghĩ đến cảnh nhà khi không rách xơ xác như tàu lá chuối trong ngày bão lớn, tôi buồn muốn khóc như ngày hay tin Quỳnh—đứa em gái mà tôi thương như thương con chim sáo thướt lên mười—đã hư hỏng và đại dột bỏ nhà theo trai.

Tôi nói với chị Bẹo, mà như cũng để an ủi mình :

— Chắc có lẽ do số trời cả chị !

— Còn cậu hồi ni răng. Đã có vợ con chi chưa?

— Ai mà thêm lấy tôi chị. Một mình tôi đây mà còn đói lên đói xuống, huống hồ đeo bỗng thêm vợ con.

Chị Bẹo đưa khăn tay lên lau nước mắt và khịt khịt mũi. Đoạn chị quay sang phía Brown và nói chi chi đó với Brown tôi nghe không được rõ. Vì chị không những nói bằng miệng, bằng lời, mà còn bằng tay, bằng mắt và bằng cả bộ tịch nữa nên người nghe muốn hiểu thì phải vừa nghe vừa đoán vừa mò. Thằng Brown cũng vậy. Tôi thấy mắt hắn mở tròn theo cái múa tay của chị Bẹo, mặt hắn nhíu nhíu theo cái bặm môi của chị Bẹo.

Khi chị Bẹo quay sang phía tôi,

không hiểu sao tôi lại khen chị Beo một câu rất hợp với cái bao tử.

— Chị nói tiếng Mỹ giỏi quá. Chắc chị học lâu lắm mới được.

— Học chi mà học, Tiếng Mỹ dễ ẹt. Nghe tui bạn nói thì bắt chước chớ cần chi mà phải học cho mất công.

— Tài ba như chị Beo vậy thật là bậc nhất. Tôi đã học chăm chỉ mấy năm mà mỗi lần có dịp nói chuyện với người Mỹ tôi vẫn thấy lúng túng một cách khó khăn lắm mới nói được một câu thông thường. Vậy mà chị Beo lại thấy dễ ẹt. Chị chỉ cần hoa tay, nháy mắt, mấp má cái miệng là xong.

Đến đây thì thức ăn đã bùng lên. Trong lúc bụng đói mà được hít những mùi thơm phức đặc sệt, tôi có cảm tưởng như đang ngồi ở một cõi thiên đàng cực lạc nào đó.

Nhưng vừa ăn được mấy miếng tôi bỗng khựng lại vì cái giọng của cô gá ngồi bên kia nói với sang với chị Beo.

— Chồng mày ở quê mới lên thăm đó hả Ly Ly?

Chị Beo đưa mắt lờm lờm nhìn sang. Và khi đã nuốt xong miếng thịt, chị vọt miệng cười.

— Mẹ mày cái con đi ngựa, Mày không biết cút gì thì im cái mồm thôi của con lại đi. Nói bá láp có ngày bà và rớt răng ra.

Chị Beo dữ thật. Bao nhiêu danh từ hoa mĩ trong giới me Mỹ chị đem ra sử dụng một cách ngon lành không biết ngượng miệng. Tôi bỗng cười thầm. Con người của chị Beo tuy đã thay đổi, nhưng lời ăn tiếng nói chị cũng hàm hồ và quá quắt như trước không kém chị. Có điều lạ là nói chuyện với tôi chị nói

đặc sệt cái giọng Huế quê mùa, nhưng chưởi lộn với người ta thì giọng chị lại lơ lơ giọng Nam pha Bắc.

— A! cái bà này. Người ta hỏi chuyện đảng hoàng mà lại đi làm le. Ý thế có nhiều chồng chắc. Coi chừng. Chọc bà nổi giận là bà bắt cóc bớt một ông cho mà biết tay. Xem mày dám động đây gì được sợi lông bà không.

Chị Beo bỗng lộn một cách khủng khiếp.

— Cả họ nhà mày cái con cướp chồng người. Bà đ. có sợ đứa nào cả. Bà thách mày đó. Mày dám động đến sợi lông chồng tao coi. Bà đâu có ngu dại như tui con Lan con Diệp mà để chồng cho mày giựt một cách ngang xương như vậy được. Hừ! Đừng có hòng.

Tôi có cảm tưởng như bao nhiêu cặp mắt đang đổ dồn về phía tôi. Tự nhiên tôi khựng lại. Cái mặt tôi sượng trân ra. Kỳ lạ chưa? Tôi có là chồng của chị Beo đâu? Tại sao tôi lại phải mắc cỡ một cách vô lý như vậy?

Chị Beo như đi guốc trong bụng tôi.

— Mặc kệ chúng nó. Cứ ăn tự nhiên đi cậu. Bọn dơ dáy chúng muốn nghĩ rằng thì nghĩ

— Răng chị nổi giận dữ rứa? Người ta hỏi chuyện đảng hoàng mà.

— Đoàn hoàng chi cái mặt con đó mà đảng hoàng cậu. Cậu không biết đó chớ nó đã làm le muốn giựt thằng Brown của tui rồi đó. Đã có hai ba đứa bị nó giựt chồng một cách ngang xương rồi chớ ít ỏi hiển lảnh chi con đó. Tui tui gọi nó là ngựa cái đó.

— Răng chưởi họ chị không chưởi giọng Huế mà chị lại chưởi giọng chi mô rứa?

— Giọng Huế mình hiển lảnh quá ai mà sợ cậu.

Bồ câu hầm ngon quá, cua rang muối ngon quá, xúp gân nai ngon quá, cơm ngon quá. Tôi ăn bụng đã no kênh nhưng vẫn cố rán mà ăn thêm. Ăn cho bỏ những ngày khổ cực thiếu thốn đói sau. Ăn để lâu lâu nhớ lại cho đỡ thèm.

Bàn bên cạnh một đứa bé gái khoảng năm tuổi bỗng khóc òa lên, mẹ nó dỗ ngon dỗ ngọt mấy nó cũng không chịu nín, sau cùng bà liền đưa tay chỉ về phía Brown và dọa ;

Này, này, Ni-Na khóc đây ông kẹ. Đó, đó, nín đi không mạ cho ông kẹ ăn thật bây giờ.

Tức thì đứa bé nín im ru và mở tròn mắt nhìn chăm vào Brown sợ hãi.

Brown thấy vậy cũng cười cười ra chiều thân thiết. Nhưng khổ nỗi hắn có cười kiểu cách chi đi nữa gương mặt hắn cũng không có được một chút xí xi hiền từ. Bởi ngoài hai con mắt lồi như mắt cá sấu và xếch lên như mắt ngựa, cái mũi như mũi kỳ lân, cái miệng rộng thùng thình, cặp môi dày cui trề ra kịch cộm, hai hàm răng trắng hếu, hắn còn có hai cái má chục úc như heo thịt đầy đủ rau cám, thêm màu da đen thui bóng láng, và đầu tóc cụt ngắn lượn quăn như lông chi đó bị cháy, nên trong hắn không còn giống một người nào trên trái đất này cả. Mà ngược lại, với những nét dữ tợn hợp chung lại một trông Brown giống như là một loại quỷ sứ ở một cõi địa ngục nào đó.

Chị Bọ tuy cũng xấu đui xấu điếc nhưng chị còn có nét hiền từ của con người nên trông chị còn khá hơn Brown nhiều. Brown dữ tợn như rứa mà có chị Bọ để đêm hôm đầu gối tay ôm thì cũng nhất thiên hạ rồi.

Tôi cười thầm với ý nghĩ khôi hài đó và hỏi chị Bọ :

— Khi nào Brown về nước chị có về theo không ?

Suy nghĩ một lúc, rồi với giọng buồn buồn chị Bọ trả lời :

— Hắn cũng có ý muốn đem tui về theo đó chơi, nhưng đại chi mà theo hắn cho một cậu. Cực khổ chi cũng là nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Qua bên xứ hắn rủi ro đau ốm biết nhờ cậy vào ai. Ở đây chi đi nữa người mình với nhau cũng dễ thông cảm. Cậu biết, nhiều lúc nói chuyện với hắn, hắn chẳng hiểu ắt giáp là gì cả, hắn như là cà lơ mô thiệt khổ. Rứa mà theo về bên nước hắn hai ngày chắc tui chết tươi. Thôi, cực khổ chi cũng là quê hương xứ sở mình cho rồi.

Tôi không ngờ một người như chị Bọ lại còn nghĩ được như vậy. Tôi cảm động và thành thật khuyên chị :

— Chị cũng nên dành dụm chút ít tiền nong chi phòng khi đau ốm.

— Tôi cũng đã nghĩ đến chuyện đó rồi cậu. Chi chi cũng phải phòng lúc

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

Neurotonic

HN. 783/BTT/OCBP/15.4.4b

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

tra yếu cho tiêu phí hết mô được.

— À, tôi nghe ngoài Kế Môn dạo này rộn dữ lắm mà gia đình chị ra rả ?

— Chú mạ tui thiệt khổ. Hồi đi được thì ông bà luyến tiếc cỏ cây vườn tược không đành bỏ mà đi, đến khi cực khổ chịu không nổi muốn đi thì bị họ kiểm soát gắt gao không được. Nghe mô hồi ni bên tề họ bắt đi dân công vận tải và đóng thuế cao lắm. Ở trong ni tui thì tiêu tiền như nước mà ở ngoài nó thì chú mạ tui mần được một đồng cũng phải đổ mồ hôi sôi nước mắt ra mới kiếm được. Nhiều khi nghĩ đến chuyện nhà tui khóc mấy cũng không hết nước mắt.

Rồi chị thở dài thật buồn. Và trong giọng nói ướt nước mắt của chị Bạo lòng tui cũng ứa ngùi lây.

Tôi an ủi chị Bạo :

— Thời buổi chiến tranh mà chị. Chạy trời mô cho khỏi nắng được.

Chị Bạo im lặng và buồn xo. Tôi biết chị đang nhớ đến Kế Môn yêu dấu.

Nơi chị đã ra đời và lớn lên. Nơi có

cha mẹ già và em đại đang sống mỗi mòn quần quạ.

Tưởng Brown vẫn ngồi tĩnh bơ. Nó vẫn vô tình không biết hiện vợ nó đang nhớ nhà đứt ruột.

Tối đã xế chiều, với lại cũng đã quá no và không còn chuyện chi để nói nữa, tôi đứng lên vừa đưa tay bắt tay Brown vừa nói với chị Bạo :

— Tối chiều rồi. Xin phép chị khi khác gặp lại.

— Thỉnh thoảng cậu ghé nhà tui chơi. Tôi vừa khẻ gặt đầu vừa đi ra.

Trong sự no nê thỏa thích của một bữa ăn ngon nhất và có lẽ cũng sang nhất trong đời, tôi nghĩ ở dưới âm phủ (nếu có) mẹ tôi biết được cái con Bạo mà ngày xưa bà thường chửi : « Mày lớn lên chỉ có nước lấy chó chó ai mà tên » bây giờ lại lấy chồng Mỹ giàu sang ăn cơm nhà hàng lớn, ở nhà lầu cao, tiêu vật mỗi tháng bảy mươi lăm ngàn đồng, thì tề nào bà cũng tìm cách đội mồ mà lên lắm.

HOÀNG NGỌC CHÂU

REGAST. T.

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công thức của Hòa Lan

Đã phát hành :

CHUYỆN CAM ĐÀN BÀ

của ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

Tập trung những truyện không tiền khoáng hậu, táo bạo nhất, lẳng lơ nhất, độc đáo nhất. Những chuyện đã từng làm cho 4 tờ báo phải bút chiến, làm cho nhà luân lý phải chau mày, làm cho nhà đạo đức phải nổi giận, Sở Phối Hợp Nghệ Thuật phải dẫn đo, phân vân. .

Đầy trên 200 trang. Bìa offset 4 màu. 30 tranh của Hiếu Đệ SANG TẠO xuất bản. Giá 140 đ

LUÂN HỒI

Thơ TƯỜNG-LINH

Anh lại trở về
Bên giòng sông đỏ
Còn nỗi thương quê
Mắt tròn tuổi nhỏ

●
Có phải mưa nguồn
Xóa phăng bờ cát ?
Cơn lũ nào tuôn
Triền dâu xơ xác ?

●
Về đâu em ơi
Tiếng hát xa vời
Chìm trong âm sóng
Chôn trong hồn người

●
Bốn trời mây dựng
Giông bão đang chờ
Mùa tang chưa dứt
Tủi ý sông thơ

Em nghe gì không
Em hiểu gì không
Lượng sâu của nước
Từ máu khai giòng

●
Tuôn về biển mẹ
Sâu rộng muôn trùng
Sông thì nhỏ bé
Máu góp sao cùng

●
Anh ngồi mãi đó :
Một chấm nhân sinh
Có hay không có
Trong Cõi-Vô-Tình ?

●
Xin làm hạt cát
Quần bến sông này
Xin làm kiếp khác

Thay kiếp bèo mây

Về ru tình Quảng

Thơ LÊ - ĐÌNH PHẠM - PHÚ

Anh đứng lại nhìn buổi chiều Thương - Đức
Đồng trâu ăn mà lăm sự hồ nghi
Lửa đã dậy một nơi đêm Hà-Dục
Thì đổi Hà - Tân yên ổn được gì ?

Dắt dìu nhau qua bên cầu Ái Nghĩa
Vào trại tập trung trăm mối ngồn-ngang
Bom sẽ cày đổi kia ra bình địa
Cây cối nào còn sau đợt khai quang !

Thấp niềm thương qua muôn nghìn cách trở
Quế sơn ơi, khổ cực đến bao ngày ?
Những buổi sáng đã không còn phiên chợ
Duy-Xuyên buồn, em gái lẳng khung quay.

Rồi nhìn lại Điện-Bàn quê cha đó
Đồng tan hoang trước tuổi lúa dậy thì
Sợ nhiều nỗi tai bay và vạ gió
Nên xóm thôn nào giữ được người đi ?

Khi nỗi buồn đã có thành tượng đá
Lòng hoang vu, Hiếu - Đức vọng phi trường
Ôi một đạo triền-sơn này rộn rã
Thị trấn còn di tích Túy-Loan thôn

Anh bỗng nhớ mỗi lần lên Trung Phước
Mấy ai không mơ hò hẹn đá vàng
Dân xứ mở tháng năm chừ xuôi ngược
Khói sa trường thay bụi khói hầm than.

Lối Ngũ-Hành Sơn không chờ du khách !
Đường xuyên Hải-Vân mìn bấy khôn lường !
Đà-Nẵng — Quảng-Nam không xa mà cách
Anh biết làm sao sớm gặp người thương...

Một chiều Hội-An nhớ về mấy ngả
Anh bàng khuâng nhìn suốt dải sông Thu
Chảy trong lòng quê hương nghèo tươi-tả
Nên rất buồn trên những bước phiêu-du

Vì làm người lưu vong

Thơ HOÀNG-LỘC

anh với phố vẫn muôn đời xa lạ
có trên môi chút nắng cũng mơ hồ
hàng cây cũ che ngang tầm trí nhớ
quê hương mình ai nổi gió đầu thu ?

rất khiêm nhượng giữa Sài-gòn thứ bảy
building cao như ước vọng xa vời
từng ước vọng trên quê nhà bóng xế
đôi tay cầm thước đó cũng buông xuôi

xin làm chim bay qua tầng phố rộng
trước đôi đời xin vỗ cánh ưu tư
ôi thơ ấu vẫn hàng hàng cỏ mọn
con hôm qua — con của mẹ bây giờ

lòng vẫn y nguyên với ngày lặng gió
vì chiều em — đuổi bướm chạy quanh làng
anh hạnh phúc giữa tình em vụng dại
một đời làm đôi bướm nhỏ lang thang

nhưng vũng mắt rêu sâu xưa phủ kín
nhìn chưa qua chưa hết một con đường
đêm dẫu có ánh đèn tranh nhau sáng
vẫn không với bóng tối của linh hồn

muốn hỏi em thuở trời xanh gió mát
e quê mình cũng bắt đầu mùa mưa
khi tóc võ trong phố người lạ mặt
nghe sau lưng nhân nghĩa chết bao giờ.

(thơ anh bây giờ)



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHA IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Thư từ D. M. Z.

Tôi mở tấm bản-đồ, xem lại lộ-trình phải di-chuyển đêm nay và phạm-vi vùng xâm-nhập. Khu F. Đại-bàng bảo khu này chắc dễ đi hơn. Lê-Lai gắng cần-thận tí thôi. Đừng để lộ như toán Dự hôm kia là được.

Hôm kia, Dự vừa dẫn toán xuống khỏi đồi chừng mười lăm phút thì bị súng cối địch pháo ngay, Dự phải gọi máy về xin Pháo-binh phản-kích tối-đa và dấu quân chờ đến tối mịt mới dám tiếp-tục di-chuyển theo một lộ-trình mới đến mục-tiêu. Đêm đó, phiên Đông trực máy, Đông đã phải hướng-dẫn Dự bằng phương-giác và hỏa-châu từng chặn đường. Tuy vậy, Dự cũng vẫn bị lạc trong một vùng lầy gần ba giờ đồng hồ không tìm được ngõ thoát. Dự bảo địa thế khác với bản đồ nhiều quá. không thấy một dấu-vết gì, nhất là toán phải di-chuyển đêm. Mỗi lần có hỏa-châu soi-sáng thì toán lại phải nằm rạp xuống cỏ hay lẩn trong các bụi rậm để tránh sự quan-sát của địch. Một điểm chuẩn quan-trọng là con đường sắt dọc theo Quốc-lộ thì Dự mò mãi mãi vẫn không kiếm được thanh sắt nào ngoài những viên sỏi tròn còn sót lại, và bởi thế, quãng đường đáng lẽ chỉ cần vài giờ đã tới nơi, Dự đã phải di-chuyển suốt mười hai giờ. Lúc Dự báo vào vùng là lúc Đông đã mỏi như vì trợn đêm không ngủ. May mắn toán vô-sự nên Đại-bàng cũng yên-tâm.

Dù vậy, hai hôm sau, thằng Bản về cũng k ông quên chuồn xuống chợ Gio-Linh uống rượu ngà-nhà rồi tìm tôi than thở :

— Khổ quá Thiếu-úy ơi. Người ta xài mình dữ quá. Mai một Thiếu-úy dẫn toán đi rồi mới thấy giận. Bọn Delta Viên. tham nó có tiền bảo-hiêm, tiền bằng. Đàng này tui tui chẳng có xu nào ngoài lương tháng hai ngàn một bạc đã khấu-trừ tiền cơm mà cũng phải hoạt-động không thua gì bọn nó. Mười phần chết một phần sống ông à !

Tôi đã quen với tính bốc-đồng của hần ngay những ngày còn ở Phú-Thước nên chẳng biết nói gì hơn, chỉ bảo hần đừng gặp ai cũng nói bậy, có phen nó đon vơi Đại-bàng. Từ lâu, Đại-bàng đã để ý mày rồi đó. Quân-đội làm sao đòi hỏi sự công-bằng tuyền-đối, đòi hỏi người ta chịu theo ý mày được.

Hần vẫn không chịu im.

Thiếu-úy nói vậy chứ tui nghĩ nhiều lúc mạng sống tui này chẳng ra gì cả. Ước chi hòa-bình được giải-ngũ, về làm thuê, làm mướn cũng sướng thân hơn.

— Chắc cũng sắp hòa-bình rồi. Mày không thấy người ta thúc-giục mình phải dành thắng-lợi cuối cùng để có hòa bình trong danh-dự đó sao ?

— Ô, tui sợ chờ không nổi đa Thiếu-úy.

— Tin tưởng đi chứ. May bi-quan quá vậy.

— Không đâu Thiếu-úy, tui nói thật mà, tui đánh giấc hai mươi mấy năm nay rồi, Đào ngũ đã mấy phen, vào tù ra khám hoài mà giấc vẫn không hết. Cầm dao lâu ngày đứt tay.

— Bậy mầy, nói nhảm mãi.

Sáng hôm qua, tôi đã cắt đứt câu chuyện với thằng Bản ngang đó, bởi tôi không muốn nghe thêm những điều tôi đã nghĩ, nhất là tôi luôn-luôn cần phải giữ lời để nói cứng trước mặt Binh-sĩ của mình cũng như tôi đã nói cứng bao nhiêu lần trước đây. Mặc dù một đôi khi nhận lệnh Đại-Bàng, dăm-trách một công-tác mới, tôi vẫn thấy không yên-tâm cho tôi và cho thuộc cấp chút nào.

Tứ hôm đơn-vị rời Phú-Thứ, tăng-phái cho Thiết-đoàn 11, công-tác tại vùng Phi-quân-sự này, tôi cứ lo vào lo ra mãi. Tính tôi, từ trước, vẫn thường tin-tưởng ở số-phận và sự may-mắn nhưng sao mỗi chiều đứng trên căn-cứ A 2 này, nhìn xuống chân đồi 46, tôi vẫn thấy bồn-chồn, ngại ngại. Những ám-ảnh về một cái gì sâu thẳm cứ theo hút tôi ngay cả trong giấc ngủ dưới hầm phòng-thủ hàng đêm. Những ám-ảnh lúc đen ngòm, lúc đỏ rực.

Hôm đầu tiên Đại-đội vừa đến đây, trước khi bàn-giao nhiệm-vụ, vị Đại-bàng của một đơn-vị Trinh-sát bạn cũng đã thuyết-trình cho chúng tôi tất cả những gì đơn-vị ông đã gặp sau thời-gian hoạt-động liên-tục hai tháng dài. Chiều đó, tôi cũng đã gặp bọn Tín, Hoàng, những thằng bạn học cùng lớp lúc nhỏ, nghe một vài mẩu chuyện bên lề, một vài kinh-nghiệm thiết thân giúp-ích phần nào cho các cuộc xâm-nhập

mà tôi cũng như bọn Dự, Đông, Phú-Bích... sẽ phải thi-hành nay mai. Hoàng kể hôm đi toán chung với mấy tên marine Mỹ, hắn đã suýt chết vì tui nó bỏ chạy ngay khi có tiếng súng nổ. Nhất là tui nó chuyên đi sau toán mình, đóng vai những người kiểm-soát.

Tôi nhìn đồng hồ, đã sáu giờ chiều nhưng trời còn sáng. Nắng mùa Xuân vương vất đang chéo lên những dãy hàng rào kẽm-gai chạy quanh chân đồi. Những xóm làng trù-mật chi-chít ghi trên bản-đồ bây giờ tôi chỉ thấy còn toàn những đồng rác những hố bom. Một vài thân cây khô gầy, cháy đen cao lêu nghêu giữa khoảng đồi đất đỏ. Đâu đây như còn âm-hưởng những tiếng gọi xa vời, những tiếng gọi thất-thanh của những lần mưa B52, những lần nhà tan cửa nát, những lần chạy loạn đã trở thành quá-khứ gần-gũi-không-nguôi trong đầu óc những người đàn-bà xóm chợ Ngang, những bà mẹ Gio-Linh của Phạm-Duy ngày nào...

Những Tân-Bích, Gia-Môn... đã thật sự không còn gì. Buồn buồn, tôi ngó mông theo hướng bờ sông, ngọn cờ đỏ sao vàng bên kia Vi-tuyến đập vào mắt như một mũi dao đâm. Một vài thằng lính đồn trú ở đây lâu ngày, đã bàn tán xôn xao về những câu chuyện xảy ra quanh cây cờ đỏ, tôi nghe và mỉm cười nghĩ như nghe một vài huyền-táo lâu đời, cổ-tích. Có phải đất nước này sẽ mãi-mãi đắm chìm trong một cuộc phân tranh dai-dẳng, tương-tàn mà lý-tưởng chỉ là que diêm thắp lên ở một bệ cao cho hai thằng mù đứng dưới ngược mắt cổ nhìn nhưng rồi chỉ sờ-soạng bằng quơ?

oOo

Tôi hút thuốc và đợi đúng sáu giờ ba

mười chiều mới ra lệnh tập-hợp toán kiểm-soát một lần cuối cùng lương-thực, vũ-khí cần dùng cho bốn mươi tám giờ sắp đến, trình diện Đại-bàng và bắt đầu di-chuyển Thằng Giáo sẽ đi đầu, tiền thám viên, tiếp đến là thằng Bay, Trung-sĩ Nam, tôi, thằng Ngô hiệu-thỉnh-viên, thằng Ái, thằng Múc và Trung-sĩ Tuấn toán phó đi sau cùng. Thứ-tự này tôi đã bắt chước thứ-tự của một toán Viễn-thám-Mỹ, thay vì tôi phải đi thứ hai theo nguyên-tắc Viễn-thám Việt-Nam.

Ra khỏi công căn-cứ, tôi bảo thằng Ngô gọi thử C25 với Đại-bàng và dặn tất cả toán phải tuyệt-đối im-lặng cho đến lúc vào được vùng. Ở đây không phải như những lần đi trong Phú-Thứ. Không ai trả lời. Tôi nhìn từng đứa một, nét mặt thằng nào cũng đượm vẻ lo âu. Những câu nói của thằng Bản đã làm mất đi phần nào không-khí vui nhộn, có vẻ «chắc ăn» mọi khi của toán. Tôi trấn an tinh thần :

— Không có gì đáng lo cả. Tụi bây cứ gắng theo đúng lời tao dặn. Tao đã nghiên-cứu kỹ mọi trường hợp đối phó rồi. Hãy tin tao.

Trung sĩ Nam đề-nghị :

— Thiếu-úy à, tôi thấy trời còn sớm quá. Di chuyển khỏi khúc quanh này, chúng ta bố trí lại xem. Xuống đồi vội e dễ lộ,

Tôi gật đầu, ra thủ lệnh cho toán dừng lại. Trung-sĩ Nam dẫn thằng Bay, thằng Giáo lên lục-soát phía trước mặt, Trung-sĩ Tuấn kiểm-soát lộ trình vừa đi qua. Không có gì khả nghi, tôi cho lệnh di chuyển tiếp-tục. Còn khoảng trăm thước nữa sẽ đến chân đồi. Chiều qua, lúc nhận lệnh Đại-bàng chuẩn bị đi khu F,

tôi đã cẩn thận mang ống nhòm leo lên đài quan sát, so-sánh địa-thể và bản đồ. Tôi chỉ cần xuống khỏi chân đồi, đi hướng sáu ngàn bốn trăm ly-giác, gặp được bãi tha ma bên bờ sông là đúng F. Khoảng cách từ chân đồi đến F sẽ phải gặp nhiều đầm nước bởi vòng cao độ chuẩn toàn khu trên bản đồ đều ghi zéro.

Trời đang tối dần, tôi chia vị-trí cho toán bố-trí tạm thời trước khi chờ đêm xuống để vào vùng. Trước mắt tôi chỉ toàn ruộng hoang, xa xa một vài chấm đen của những đồng gạch vụn, những lùm cây, dấu tích những ngày quân Trung-Lương còn bình yên, những ngày lính gác bên này và bên kia cầu bến Hải còn nhìn thấy mặt nhau, mời nhau hút thuốc.

Tôi quan sát địa-thể, định gọi Phú-báo điềm đứng sơ khởi, chợt có giọng Bích trong máy. Tôi hỏi :

— Gì đó Bích, mới về hả ?

— Ủ, «moi» mới về, «toi» «Zoulou» chưa ? Hãy nhớ coi chừng phía bên phải, ráng ép trái lúc di chuyển. Bên phải «toi», vùng A, «typsi» vừa cho tin ở đấy có khoảng một tiểu đoàn địch xuất hiện. Đề phòng kéo gấp các tổ kích của chúng.

Tôi nói tao cũng có ý định ép trái cho an toàn đó. Đúng 7 giờ tao sẽ di-chuyển. Có gì sẽ báo. Chấm dứt.

Cùng lúc, Phú và Dự cũng gọi tôi dặn cẩn thận, tình hình có vẻ nghiêm trọng hơn mọi bữa. Tôi cũng chỉ cảm ơn không nói gì. Đêm vào «typsi» ở căn cứ cũng báo tin địch xuất hiện ở điềm này, điềm kia. Nhất định vào vùng là phải gặp. Tôi chỉ còn mong ở một sự may mắn run rủi nào đó thôi. Tôi như cây lao đã phóng đi, không thể chần chờ gì

ngoài việc dò hỏi mình phải có những quyết-định mau chóng, hợp thời...

Xa xa, những chấm đen cuối cùng đã mất. Trời tối mù, tôi bám vào vai Trung sĩ Nam bảo nhỏ cho anh em đi đi. Một trăm thước qua, toán bắt đầu xuống chân đồi, đám ruộng lúc này quan sát đũa nào cũng nghi là khô, bây giờ chỉ toàn có nước, nước phèn đục ngầu và lên đến gối. Nguy hiểm thật, cứ điệu này thì lộ mất. Không thể hạn chế tiếng động mỗi lần rút chân lên từ đồng bùn dưới gót giày để đi bước khác được. Những tiếng «phòm phốp» nghe thật lạnh người. Tôi bảo nhỏ Trung-sĩ Nam ráng kiểm bờ đề đi, có chệch phương-giác tí cũng được. Tiếp tục kiểu này, «phiêu lưu» quá. Lúc chiều tôi đã đề ý đến con đường mòn trên bản đồ rồi, gắng kiểm đi. Lại vẫn không có tiếng động nào ngoài những tiếng «phòm phốp» Trung-sĩ Nam bảo tôi :

— Thiếu-úy cho lệch phải tí đi, tôi nghi có con đường mòn rồi. Bay, Giáo, rẽ phải tí đi. Tôi nói coi chừng đừng ép phải quá. Bỗng chân tôi có cảm-tưởng vướng phải một thớ đất cứng, đồng thời bóng trắng mờ mờ của con đường mòn cũng hiện ra trước mặt. Tôi bấm thẳng Ngộ bảo truyền thủ-lệnh cho bọn Ai, Mực đi theo và giữ chừng khoảng cách. Một trăm thước qua, hai trăm thước qua, vẫn im-lặng hoàn-toàn .. Tôi tính thầm, vậy là đã di-chuyển khỏi đồi được non năm trăm thước. Còn khoảng ngàn rưỡi thước nữa thôi, sẽ đến vùng. Tôi kiểm-soát lại địa-bản, con đường mòn có phần lệch trái quá nhiều. Tôi định bảo Trung sĩ Nam cho dừng lại thì bằng Giáo báo đang gặp một cây cưa. Không biết do một phản-ứng mầu-nhiệm nào, tự dưng tôi rời vị-trí bước

nhanh lên phía trước và nắm luôn vai áo
thằng Giáo, thằng Bay kéo giật về phía
sau. Trung-sĩ Nam đã lẹ-làng bò qua
khỏi cầu. Tôi chưa kịp nói gì thì một
băng đạn đã ÷ ò dòn trước mặt, rực lửa.
AK ? M16 ? một ý nghĩ chạy qua :
« Xong thằng Trung-sĩ Nam rồi » ! Tôi
tức tốc nhảy xuống bờ con đường mòn
và ra lệnh toán tác-xạ tối đa ngay hướng
phát ra tiếng nổ. Những họng súng lại rực
lửa, đỏ lòm. Toán đã có vị-trí tốt. Trung
sĩ Nam hốt-hải bò lui tìm tôi báo cáo :

— Chết hai thằng rồi ông. Chết tại chỗ. Thằng thứ ba chạy mất. Chắc đông lắm.

Tôi cố lấy giọng bình-lĩnh bảo ông lo
điều-động tạm anh em đi, cả Tuấn nữa.
Tôi xin pháo-binh ngay và giết mạnh ống
liên-hợp nơi tay thẳng Ngộ :

— Oanh-Liệt đây Lê-Lai. Oanh-Liệt
đây Lê-Lai.

— Nghe Lê-Lai.

— Cho tôi gấp Đại-bàng gấp. Tao
ngộ chiến rồi.

— Chờ.

Ba phút sau tôi mới nghe được giọng
Đại-bàng :

— Đụng nặng không? Bình-tĩnh.
Cho tôi điềm đứng. Con cái ta thế nào?

— Dạ, con cái ta vô sự địch chết hai tên tại chỗ. Xin Đại bàng bắn hướng sáu ngàn bốn trăm và khoảng cách điểm đứng lúc chiều sáu trăm thước cho tôi đi.

Giọng Đại bàng vẫn từ tốn, xem thường :

— Được rồi, đã có tôi. Lê-Lai cứ bám sát địch. Tôi sẽ cho pháo-binh Mỹ bắn trước, ta bắn sau.

Tôi cầm chặt ống liên hợp như cầm tay một vị cứu-tinh trong khi Trung-sĩ

Nam điều-động nửa toàn trước yểm-trợ và Trung-sĩ Tuấn điều-động nửa sau rút dần theo bờ con đường đất.

Tôi bảo :

— Hãy bò từ từ theo tao, chú ý kỹ hai bên đường.

Sau cây M16 và một cây M79 vẫn rần nổ đều-đều cho đến khi có tiếng :

— Đạn đi.

Tôi nói thôi tụi mầy ngừng bắn và vừa cho toán rút chậm vừa quan-sát. Nếu quả thật như lời Dự nói lúc chiều, chỉ cần một quân số xấp-xỉ tám mạng này, địch có thể tiêu-diệt trọn ổ chúng tôi trong một đợt tấn công. Làm sao Đại-bàng có thể kéo đơn-vị lên kịp đây để cứu tụi này. Tôi không hề bám sát địch lúc không rõ quân-số chúng. Và lại theo nguyên-tắc, tôi không có quyền nổ súng khi mục-đích chính của chúng tôi là dò tìm và lẩn trốn. Tuy vậy tôi cũng chỉ rút cách cây cầu khoảng hai trăm thước bố-trí và điều chỉnh pháo-binh cho đến khi ước đoán đạn đã rơi đúng mục tiêu tôi mới xin chấm dứt tác-xạ.

Trung-sĩ Nam giọng vẫn còn run, lập cập :

— Tôi nghĩ chúng còn nhiều tổ từ đây đến F. Xin rút luôn đi Thiếu-úy. Sức mầy mà lên nữa.

Tôi chưa kịp nói gì thì đã có lệnh Đại-bàng :

— Lê-Lai hãy lục soát kỹ mục-tiêu và tiếp tục đến F. Bất cứ giá nào cũng phải đến đó cho tôi đêm nay.

— Trình Đại-bàng quân-số ta ít quá, lại lộ rồi.

— Không được, anh thi-hành ngay.

Tôi thả ống liên-hợp xuống tay thẳng

Ngộ và buồn muốn khóc. Tôi không còn muốn liên-lạc với Đại-bàng nữa và quyết-định liều.

Bỗng tôi nghe có tiếng Dự trong C25:

— Lê-Lai nói.

— Nghe.

— Tụi tao đã năn-ni Đại-bàng xin cho mầy rút tạm thời ở một vị-trí gần đó do mầy chọn, nhớ là phải tránh xa các điểm kích của tiểu-đoàn bạn. Chờ sáng hẵng hay. Báo điểm đứng cho tao đề đêm nay khỏi ăn đạn pháo-binh bắn khuấy-rối.

— Cảm ơn tụi mầy. Trình Đại-bàng tao nhận tốt.

Dự nói thêm

— Mày cho mầy thật. Tao tưởng xong cả bọn rồi. Thôi rần bình-tĩnh, thức một đêm đi. Tao sẽ trực máy suốt đêm. Cần gì cứ gọi.

— Mày yên-chí, giờ tao đã lấy lại được hồn vía phần nào rồi. Hẹn gặp sau.

Tôi chấm dứt với Dự và nhìn địa-bàn định lại hướng rút lui. Chúng tôi vừa yểm-trợ phòng hờ, vừa bò tìm lại mô đất cao sát chân đồi. Khoảng mười phút sau tôi đã gặp được. Tôi chia ngay hướng quan-sát cho từng đứa và bảo hãy rần thức trọn đêm nay, tụi nó có thể vây chúng ta chưa biết lúc nào.

Không một thằng nào cãi lệnh tôi. Kể cả thằng Giáo mọi lần vẫn thường bướng-bỉnh.

Tôi thầm cảm ơn Dự, trong số bạn bè chung Đại-Đội, Dự lăm-lý nóng tính nhất nhưng rất sốt-sắng với anh em, Mặc-dù đã có đôi lần tôi với hắn đã suýt bắn nhau vì bất đồng ý-kiến nhưng rồi sau cơn giận, hai đứa lại xuề xòa, kéo nhau ra quán rượu bên phà ngòi

lai-rai nhìn khoảng lưng ong của cô gái bán hàng, tâm-sự vụn chuyện đời.

Gần một năm sống ở đơn-vị này, chúng tôi chẳng có thú vui nào ngoài uống rượu và đánh bài những giờ ngồi chờ phép. Những cuộc đụng độ ngày những cuộc đột-kích đêm với cấp số toán, đã khiến tinh-thần chúng tôi thường xuyên căng-thẳng. Và tôi, tôi nhớ rõ đây là lần thứ tư tôi đối mặt với nỗi kinh-hoàng ngay trên trận-địa.

Trung-sĩ Nam ngồi bên tôi, lâu lâu lại bò quanh kiểm soát, sợ lính ngủ gật. Bọn chúng vẫn thường có thói quen ngủ đầu như vậy nên trong túi áo tôi lúc nào cũng có sẵn chai dầu cay, tôi dùng để tự thoa vào mắt mình và buộc lính phải thoa vào mắt chúng những đêm cần thức như đêm nay.

Quanh tôi đêm nay vẫn đầy bóng tối và muỗi-mòng. Tôi cố-gắng lắng tai nghe chừng từng tiếng-động, phân-biệt đâu là tiếng chân người, đâu là tiếng dế kêu, tiếng những con ếch-ương nháy « tòm » trong các đầm nước đọng ; ánh lửa, ánh đèn và ánh sáng đom-đóm bay.

Trung-sĩ Tuấn vuốt ngực chặn cơn ho, thều-thào :

— Tôi không hiểu sao Đại-bàng lại có ý-định ép chúng ta như vậy. Tôi chưa gặp trường-hợp này bao giờ cả.

— Mỗi người có một phương cách chỉ huy. Thi-hành lệnh cũng còn tùy lúc và tùy mình. Tôi trả lời và quay sang thẳng Ngô. Hắn đã có mời muốn ngủ, tôi bấm vào hông nó : bực mình :

— Mày không muốn sống nữa à ? Quan-sát đi chứ.

— Đâu có Thiếu-úy, áo quần ướt cả, lạnh quá, em đã bôi dầu vào mắt rồi mà.

Từ chập tối đến giờ, chúng tôi đã lội, ngồi, nằm, bò trong ruộng nước, thế mà tôi quên mất toàn thân mình cũng đang ước mèm, lạnh cóng. Trong một thoáng, tôi bỗng thấy xót xa buồn. Giờ này có lẽ những người thân của tôi đã ngủ yên với những giấc mơ đẹp. Ôi những giấc mơ thần tiên cho đến bao giờ tôi mới gặp lại. Liệu tôi có thể sống sót được đêm này, sống sót cho đến ngày có lệnh trở về từ một đơn-vị hành-quân. Tôi miên-man nghĩ đến bọn Hùng, Khanh những thằng còn sống đề lặn suối trèo đèo; những Uy, Trần đã âm-thầm ngã-gục. Chiến-tranh đã cho tôi chứng-kiến những cái chết vô-tâm bất-ngờ; những cuộc ra đi vội-vã.

Và rồi không biết chúng tôi có đem lại được gì, có biến cải được phần nào xã-hội chúng tôi đang sống, bầu không khí chúng tôi đã và đang hít thở: rữa nát, thối-tha.

oOo

Trọn một đêm ngồi thong mắt và làm mồi cho muỗi, nhưng rồi nỗi lo-sợ và lòng ước ao được sống đã giúp chúng tôi chống đỡ sự mỏi-mệt cho đến lúc có ánh sáng của ngày. Tôi gọi máy tin cho Đại-bàng biết đêm qua vô-sự và báo sẽ lên F theo lệnh hồi hôm nhưng Đại-bàng đã đòi ý:

— Khởi cần, lục soát lại chỗ đã chạm, rút về nhận lệnh mới.

Tôi mừng thầm. Thằng Bay cũng vươn cổ ngáp một hơi dài, vui vẻ :

— Ban ngày rồi, coi như thoát nạn. Góm, cả đêm đèn pha từ các đài quan-sát ở A1, A2 cứ quất vào gần chỗ tôi ngồi, ghê cả gáy. Muỗi lại tha hồ châm chích. Thiếu-úy nhìn coi mặt thằng nào cũng đầy máu muỗi.

Thằng Ai chen vào :

— Còn pháo-binh khuấy-rối nữa, đạn cứ rớt ầm ầm, tôi ngán quá, mấy lần mót tiểu muốn đi mà kéo mãi không ra cái "bougie" kẹt quá. Đi lính kiểu này có ngày xin đào ngũ mất.

Trung-sĩ Nam cười cười chìa tay xin tôi thuốc, bảo cả đêm lạnh thêm thuốc quá trời mà không dám xin ông.

Tôi nói thôi chuẩn-bị lên chỗ cũ chút rồi về. Ban ngày nhưng tụi bây cũng đừng khinh địch

Con đường mòn hồi hôm đã phải khó khăn lắm chúng tôi mới gặp, bây giờ nằm đó, thằng tấp rồ-ràng như một sự mỉa-mai. Thằng Giáo chỉ những dấu cỏ rạp chạy men con đường nói đêm hôm vậy mà mình rút lui cũng giỏi.

Tôi không nói gì, lặng yên chú mục vào cây cầu trắng đang hiện dần dưới nắng bàng-hoàng. Sao không thấy xác một tên nào? Bỗng Trung-sĩ Nam ra hiệu dừng lại. Tôi vượt lên nhìn: chỉ còn

lại hai vũng máu đen, một quả lựu-đạn chày chưa kịp rút chốt và một cái nón rùng đã bị bắn toét, Trung-sĩ Nam bảo:

— Chắc tụi nó kéo xác đi rồi Thiếu úy. Tôi thấy hai thằng ngã rồ-ràng đúng chỗ ni mà.

Đàng sau, toán đã bố-trí chu-vi, tôi cúi nhặt cái nón rùng; ba chữ G. P. Q. nét chữ thêu đã lâu ngày trước viên nón đập vào mắt, tôi từ từ quay chiếc nón. Vành sau một chữ thêu khác đã bị đạn xé rách tôi chỉ còn thấy hai chữ TR, tôi đoán là tên của thằng đã chết. Bên trong nón, tóc máu và một chất nhão trắng, nhờn lẫn lộn bầy nhầy. Ít nhất tên này cũng lãnh nguyên băng M 16 của Trung sĩ Nam vào sọ. Tôi nghĩ thầm, hèn gì suốt buổi không nghe chúng bắn trả xối xả như những cuộc chạm súng khác. Quy ước chiến tranh trong vùng phi-quân-sự này đã buộc chúng phải cầm đề giữ bí mật quân số và kéo cho kỳ được xác đồng đội về.

LÊ-BA-LĂNG

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.



Nhức đầu
• Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA **CHỈ** ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

Biển : Nguyệt san thơ, in ronéo tại Qui Nhơn mỗi số dày 32 trang, gồm những bài thơ của 10 tác giả.

Độc thoại : Tập thơ của Việt-Chung-tử Chgva, in ronéo 2 mặt dày 30 trang gồm 24 bài thơ ấn hành đề thân tặng các văn thi hữu.

— **Vượt đêm dài truyện thiếu nhi** của bà Minh Quân do Tuổi Hoa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 152 trang, bìa in offset, gồm 6 chương của một cây bút vẫn được tuổi thơ ưa thích. Bản đặc biệt. Giá 40đ.

— **Tơ trời :** của Ti Ti, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 172 trang, bìa in offset đẹp, trong có nhiều hình vẽ, rất hợp với thiếu nhi. Bản đặc biệt. Giá 50đ

— **Biển đen :** Số 1, tuyển tập thơ văn tháng 8-69 "Tiếng nói những người trẻ trước sự đồ nát của Quê hương và nỗi xót xa vỡ vụn trong hồn người". Mỗi số dày 78 trang, in ronéo 2 mặt, gồm thơ và truyện của những cây bút trẻ ở Phan Rí. Nguyễn Lê Tuấn, Thy Vũ Hà Như, Trương Tâm Nghị, Tô Duy Băng Thạch, Thanh Huỳnh v.v.

Nhịp buồn sáu tám : Tập thơ lục bát của Lê Vinh Thọ và Luân Hoán, do nhà xuất bản Thơ ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 102 trang, in ronéo gồm trên 30 bài thơ của Lê Vinh Thọ và 6 bài thơ dài của Luân Hoán

Lục bát ca : 12 bài thơ tình yêu của Lê Vinh Thọ và Luân Hoán do nhạc sĩ Vinh Điện viết thành ca khúc, nhà xuất bản Thơ (Đà Nẵng) ấn hành.

Nhìn mặt : số 1 tháng 8 - 69 do Đặng

Hòa chủ nhiệm và Trần Hoài Thư chủ biên, Tòa soạn đặt tại 42 Trần Quý Cáp Qui Nhơn. Mỗi số khổ 32x64 dày 8 trang gồm truyện, đoản văn và thơ của Thế Vũ, Chu Trầm Nguyên Minh, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Lệ Uyên. Trần Hoài Thư, Phương Hoa Sử, Lê văn Ngăn v.v. Giá 20đ

Tảng đá trên triền núi ; thi tuyển của Yến Nguyên Thanh, Ngọc Trai, Hoàng Dục Vũ, Hoàng Gổ Quý do Yến Nguyên Thanh gửi tặng. Sách dày 62 trang, mỗi tác giả có từ 8 đến 10 bài thơ chọn lọc.

— **Quê hương như một thành tích :** Tập thơ của Hoàng Bảo Việt do Văn Uyển xuất bản và gửi tặng. Sách dày 142 trang là tập thơ thứ 3 của tác giả, gồm ngót 40 bài thơ từ 1963 đến 1968. Giá nhất định 40đ.

— **Phía mặt trời mọc :** tập truyện của Chu Vương Miện, do Thái Độ xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 6 truyện, lấy chất liệu ở lịch sử và huyền sử. Bản đặc biệt. Giá 110đ

— **Thơ Nguyên Sa** tập thơ của Nguyên Sa do Tờ hợp Gió xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 134 trang, gồm 40 bài thơ, chia làm 3 phần và 4 phụ bản của Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Quỳnh Nguyễn Đồng, Nguyễn Quốc Thái, trình bày rất mỹ thuật. Bản đặc biệt. Giá 100đ.

— **Dòng sữa thiêng** tập thơ của Hoài Mai, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Tập thơ dày 80 trang, gồm trên 40 bài thơ chia làm 5 phần: Trẻ em, Gia đình, Quê hương, Chiến tranh, Đẹp và thơ. Bản đặc biệt. Giá 100đ

— **Thác Lửa** tập thơ của Cẩn Đăng Phi do Vũ Trụ xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 2 của tác giả, dày 62 trang gồm 27 bài thơ, bìa do nữ sĩ Hoàng-Hương-Trang minh họa. Bản đặc biệt.

Một buổi lang thang trong xóm vắng

Thơ ĐẶNG-TẤN-TỚI

Một ngày mộng vút theo mây
Ta cùng người ấy đến đây dựng nhà
Bên lối xóm trời tháng ba
Ngõ hồng, vòng cải mời ta dạo vườn
Trưa này nắng ngủ rất thương
Rung rung đôi cánh chuồn chuồn sân ai
Năm sáu cây mít đóng đài
Hai cây lựu đỏ đứng ngoài rào thưa
Dạo vườn lúc người ngủ trưa
Một ta một bóng lòng đưa xuống chiều

TÌNH HỒNG

Thơ ĐỊNH-NGUYỄN

cùng các bạn cũ trong ngày cưới Hiền

Xuân hồng mai em tìm đến
Tin vui trên ngọn Đỉnh trời
Thiên-hà kết thành Vương miện
Tóc dài gió thả lên khơi

oOo

Đôi bàn tay em trái ngọc
Môi hôn ngọt lịm đầu đời
Trầm nào sủi thơm gốc tóc
Hài tình nở dấu trắng soi

oOo

Tình yêu vừa tròn tuổi lụa
Đường vào diễm sử thênh thang
Chân son cỏ ngàn nhịp múa
Tin hồng vọng mấy quan-san

Trăm năm một lần hội ngộ
Trăng sao thấp sáng hồn người
Đưa em lên ngàn cánh gió
Môi mềm rượu chẳng làm say

oOo

Nhạc đêm cao lời chúc tụng
Rèm hồng chênh choáng cơn mê
Liều hồ tiền em về mộng
Cổ tơ cấp sau hè

cám ơn em

Thơ TRẦN-DZA-LỮ

Rồi em đến từ đồng sâu của mẹ
Áo lụa mềm hơi thở ngát hương cau
Em thấp cho anh nắng vàng trên mắt
Của tim cha rạo rức buổi ban đầu

oOo

Em đến như vồng mây trời êm ái
Ru anh lên cao quên đời gian nan
Em gọi bầy chim xanh về làm tổ
Những cơn tin yêu làm nệm anh nằm

oOo

Em đến như từ thần tiên cõi khác
Tay búp măng ve vuốt ngón anh buồn
Em kể tên anh lên trang đời sống
Cho lúa tình thương đầy ắp vựa hồn

oOo

Em đến như muôn phần vàng đồng nội
Bay êm ru trong cõi nín thính này
Em khâu lại trái tim rầu rĩ rách
Cho anh yêu biển xóa dấu chân ngày.

Những giọt máu hồng

Truyện của HẰNG-VŨ

Tiếng súng đã thưa dần từ nửa buổi chiều. Trời vẫn mưa như thác đổ. Trận mưa đã kéo dài bốn năm ngày và trận đã đánh diễn ra trong suốt đêm qua và ngày nay. Đồn T.T. nằm cách nhà tôi độ hai cây số về phía đông do một tiểu-đoàn biệt động quân đóng giữ. Lợi dụng cơn mưa mù mịt phi cơ không thể yểm trợ, biết chắc sự tiếp viện bằng đường bộ rất khó khăn, bên kia đã đem có lẽ hàng tiểu đoàn ồ ạt tấn công vào đồn. Với quân số và hỏa lực tương đương, trận đánh đã giằng co hơn hai mươi bốn giờ vẫn chưa bên nào áp đảo được khí thế của đối phương. Sau cùng, có lẽ nhận biết sự chiến thắng dù có cũng không mấy ích lợi, bên kia đã từ từ rút lui. Bên này, vì ngại mưa gió và đạn dược đã vơi, cũng không heo truy kích. Tiếng ca-nông từ biên bắn vào vẫn nổ ầm ầm đó đây. Những ngọn hỏa châu nhỏ nhoẹt trong màn mưa mù đục. Nghe tiếng súng nhỏ không còn giòn giã đe dọa sự sống bên mình, tôi lom khom bò ra khỏi miệng hầm. Ngồi chôn hờn suốt ngày đêm trên mặt đất ẩm ướt, đôi chân tôi tê cứng bước đi từng bước trong cảm giác bứt bỏ xí xí xiềng. Mẹ tôi cũng dò dẫm chui ra, miệng không ngớt vái van một vài câu mà tôi đã nghe hàng trăm lần khi bà ngồi bó gối trong hầm. Lạy Trời lạy Phật, đừng bên nào chết nhiều, tội nghiệp. Van vái Phật trời phù hộ cho bà con làng xóm bình an, khỏi ai bị thương bị chết. Tôi cảm thấy mệt nhoài, nằm sải sòng trên giường cho

gần cốt thỏa mái hoàn toàn. Tôi định nằm như thế, ngủ một giấc dài cho đến sáng, mặc cho súng đạn có nổ rầm trời cũng không thèm chun vào hầm. Nhưng cơn đói cồn cào trong bụng. Suốt ngày qua hai mẹ con chỉ nhai cầm chừng mấy cái bánh trắng ướt, vì không lúc nào tiếng súng ngớt đi đủ để nấu chín một nồi cơm. Tôi hỏi ý kiên mẹ tôi để đi nấu cơm đun nước. Mẹ lặng lẽ không buồn trả lời. Đoán ý mẹ cũng đói bụng nhưng không thiết ăn, tôi thắp đèn bưng xuống bếp. Ngồi bên ánh lửa không dám để ngọn cháy sáng bập bùng, nghe tiếng mưa rào rào trên mái ra chen vào tiếng súng bắn giết mình, tôi cảm thấy chán ngán lạ lùng. Làng tôi, chẳng đêm nào không nghe tiếng súng từ bên này hay bên kia bắn đi. Đang sống bằng cái tuổi con gái mười bảy, tôi thêm giấc ngủ hơn bất cứ điều gì. Nhưng đang mơ màng hay đã vên giấc, tôi bị mẹ tôi đánh thức vì tiếng súng bất chợt nổi lên lúc gần lúc xa. Dù tôi cố gắng vội vàng bò vào hầm thế nào, mẹ cũng đã vào ngồi tự bao giờ. Mười lần như mười, bà căn nhắc: mấy ngủ gì mê quá vậy súng nổ rầm rầm bên tai, không nghe. Tôi chẳng biết trả lời sao, cũng không buồn phân trần gì vì chính anh Hai tôi, trước ngày đi quân dịch cũng bị mẹ quở trách như thế; có khi còn hơn là khác. Từ khi anh đi nghĩa quân về đóng ở quận, tuy mẹ tôi không còn trực tiếp lo lắng cho anh từng đêm, nhưng người vẫn ngại

ngái không yên giấc ngủ. Mẹ tôi chỉ có hai người con sau khi cha tôi mất và anh Hai là con trai độc nhất. Bình thường mẹ vẫn hối thúc anh cưới vợ để sớm có cháu nối ấm bồng nhưng anh cứ từ chối và bảo rằng thời buổi chiến tranh một mình lo chưa xong, thêm vợ con càng khổ. Cứ thế, ngày anh vào lính đã đến trước ngày mẹ tôi định dạm hỏi vợ cho anh. Thỉnh thoảng anh về thăm gia đình, mẹ tôi nhắc chừng chuyện vợ con, nhưng anh chỉ mỉm cười ít khi trả lời. Thấy vậy, mẹ tôi cũng buông lời sự thúc hối, nhưng người không giấu được nỗi băn khoăn trong đôi mắt sâu buồn.

Tôi với tay lấy chiếc đĩa bếp, xoay mạnh vào lòng nồi cơm, xới trộn cho những hạt gạo chín đều. Mùi gạo lúa mới xông lên ngào ngạt. Chưa kịp gạt những hạt cơm còn dính trên đĩa vào miệng nồi, tôi chợt lạnh người đứng bật dậy. Con chó nằm bên chân tôi chỗ mồm qua ngạch cửa gầm gừ, sịt sịt. Tôi cố lấy bình tĩnh đắm đắm nhìn nó, hy vọng sự đánh hơi người của nó do ngộ nhận. Nhưng không, tiếng gầm gừ, sịt sịt càng nhanh dần và toàn thân nó giựt mạnh hơn. Tôi vội băng mình lên nhà trên. Khi qua nhà giữa, tối om, tôi càng lạnh mình, gọi to :

— Mẹ ơi, mẹ !

— Cái gì vậy ? Cái gì vậy ?

Nghe tiếng kêu và tiếng hỏi quá lớn, tôi lại sợ âm thanh đó lọt ra bên ngoài; ai đó nghe và biết mình còn thức, sẽ gọi cửa. Tôi thì thào :

— Có ai ngoài hè mình ; con chó sịt sịt miết.

Tôi chưa nói dứt câu, con chó sủa vang lên, cuống quýt. Mẹ tôi ngơ ngác,

són sắc nhìn xuống bếp. Thấy vẻ lo sợ của mẹ, tôi càng run người hơn, thúc giục :

— Con vô hẳn đi mẹ. Nghe tiếng chó sủa, họ bắt đấy.

Mẹ tôi không nghe, bước tới vài bước, dịu ngọt đe dọa con chó :

— Ao... mực. Im đi. Chết nghe.

Rồi mẹ dang hắng một tiếng lớn, nép mình bên khe cửa, nhìn xéo ra sân. Con chó sủa rần rai tiếng rồi chạy lên nơm nớp quẩn lấy chân mẹ tôi. Tôi thấy yên lòng hơn, rón rén lại gần ai mẹ, hỏi nhỏ :

— Làm sao, mẹ ?

— Để mẹ coi.

Mẹ tôi, tay trái nắm sợi dây xích cồng chó, nhẹ nhàng đi xuống bếp. Tôi nắm cồng tay mẹ, đi theo. Xuống tới nhà bếp, mẹ tôi đứng lại, áp tai vào khe cửa, nghe ngóng. Có tiếng rên ư ử ngoài hè loãng trong hơi gió hắt hiu, Ma, tôi nghĩ thế và nói nhỏ. Mẹ tôi yên lặng, một lát nói nghe có tiếng khéc và bảo tôi lắng tai.

— Mẹ .. ơi... con... chết... rồi .. mẹ .. ơi !...

Tiếng kêu than bi thảm và cảm động không cùng. Tôi nghĩ có lẽ một người lính nào đó bị thương lạc loài, thấy ánh lửa cố lết vào đây. Cũng có thể là yêu ma hiển hiện nhất dọa mẹ con tôi giữa đêm khuya mưa gió ngập trời. Tôi phân vân ; mẹ tôi đòi mở cửa. Tôi can ngăn bảo coi chừng ma quỷ, hoặc người ta cố tình muốn thử xem mình theo bên nào để bên kia bắt bớ. Mẹ tôi không tin cả hai giả thuyết, bảo nhất định đó là một người lính bị thương, đang trông chờ bàn tay cứu tử của người.

— .. mẹ ơi ! .. con bị thương nặng quá... chắc con chết rồi... mẹ ơi !...

Tôi chưa kịp phản ứng gì mẹ tôi kéo ngang cái chốt cửa nghe rẹt một cái, mở cửa và nói lớn :

— Tôi không biết các ông là lính nào. Thấy các ông bị nạn, tôi xót thương cứu giúp. Vậy thôi.

Tôi vội chạy lại bùng đèn, một tay che đầu cái bóng cho ngọn đèn bớt lao xao. Mưa gió tạt vào nhà xối xả, tôi lạnh run người. Tôi nép mình bên trong cửa dáo dác nhìn ra. Mẹ tôi bước trái ra một bên, quay người lại ngắm nhìn và từ từ ngồi xuống.

Một người đàn ông cuộn tròn trong tấm ny lông màu nước mắt, co rúm như một con sâu nằm dọc theo mép hè. Nghe tiếng người và thấy ánh đèn, anh ngẩng đầu lên ngơ ngác nhìn. Tôi biết chắc hẳn đó là người lính bên kia vì cách ăn mặc quá quen thuộc với chúng tôi.

— Cậu ở đâu bị thương đến đây ? Mẹ tôi hỏi.

Anh nhìn kỹ từ đầu đến chân mẹ, nhìn tôi và quanh tôi chắc cố tìm xem còn có ai ngoài hai người đàn bà không. Khi đã vững bụng, anh lễ phép :

— Thưa bác, cháu bị thương hồi chiều, dưới kia, rán lết lên đến đây.

— Cậu vào nha đi. Ở ngoài này lạnh chết. Người lính ngạc nhiên pha tí ngờ vực, trầm ngâm. Tôi đưa mắt nhìn mẹ, kinh ngạc trước thái độ tự nhiên và dạn dĩ của người. Tôi chờ đợi bà ngẩng mặt lên để lấy mắt hỏi dò sao mẹ không sợ bên này bắt bớ đánh đập vì đã dung dưỡng bên kia. Nhưng mẹ tôi vẫn tiếp tục thản nhiên :

— Cậu vô đút mưa cho khế, chấp tay đi. Cậu vào được không, tôi đỡ ?

Mẹ vừa nói tay vừa rờ vào tấm ny lông. Người kia vội vàng ngồi dậy, hai tay chống xuống đất run lẩy bẩy. Tấm ny lông sờ một góc, gió thổi bay phần phật; những giọt mưa bám bên ngoài bắn tung tóe vào mặt mũi mẹ tôi. Bà đưa tay vuốt mặt rồi nắm tay người kia nương đỡ dậy. Anh khờ sở bám vào vách tường; khẩu súng nĩa văng xuống sân vang một tiếng cạch. Mẹ tôi định khò xuống đỡ khẩu súng lên nhưng e ngại lại thôi. Tôi đưa đèn ra cho ánh sáng đủ thấy khẩu súng và chờ anh lồm lên ; nhưng anh lắc đầu chán rần. Mẹ tôi đỡ tay mặt, tôi nâng tay trái, dìu anh từng bước vào nhà bếp. Tôi trực nhớ đến nồi cơm chín dở, sau khi để anh ngồi trên chiếc giường tre, chạy lại bắc xuống. Lửa đã tắt ngúm từ hồi nào. Mẹ tôi báo nhúm lửa lên cho anh bớt lạnh.

— Cậu ăn cơm nghe. Em nó vừa nấu chín.

Người lính lắc đầu chỉ vào vết thương ở bụng cảm ơn. Mẹ tôi bùng đèn đến thăm coi. Viên đạn xuyên qua một bên hông để lại lỗ trống to bằng đồng bạc mười, máu còn rỉ giọt. Thừa lúc mẹ và người lính bận rộn với vết thương. Tôi chăm chú nhìn anh. Gương mặt anh xương xương, nước da trắng nhợt; chắc tuổi anh không quá hăm hai. Anh mặc bộ đồ bà ba đen, áo tay dài, quần xoắn quá gối. Giả sử không nghe giọng nói, chỉ trông lối phục sức, tôi cũng biết chắc anh là người Bắc, vì ở người anh phẳng phất một dáng dấp nào đó tôi chỉ có thể trực nhận mà không thể diễn tả. Mẹ tôi ngược lên nhìn khiến tôi luống cuống.

— Con coi có thể băng bó cho anh được không ?

Tôi lưỡng lự, phần thì thiếu vật dụng phần e ngại vì hậu quả của việc làm. Nhưng tôi không thể nói dối mẹ rằng không có thuốc men và không thể băng được, bởi bà từng chấm soi hộp dụng cụ và việc tập làm y tá của tôi. Tôi lặng lẽ làm việc, lòng băng khuâng, không có cảm tưởng gì. Dường như có mẹ tôi yểm trợ tinh thần, tôi không thấy hồi hộp hay sợ hãi. Người kia cũng yên lặng. Chỉ có mẹ tôi làm bầm:

— Tội nghiệp. Trời lạnh như vậy mà bị thương, đau đứt ruột.

Khi vết thương được băng xong, người lính bảo muốn nằm và mẹ tôi đỡ xuống. Không hiểu anh nghĩ sao, chíp miệng:

— Thấy bác, cháu nhớ mẹ cháu quá!

Mẹ tôi hỏi:

— Cậu uống sữa được không?

Anh khẽ gật đầu. Tôi lên nhà trên cầm hộp sữa xuống khui. Tôi chạnh nhớ đến lời nói vô tình nhưng hữu lý của người cảnh-sát khi đòi tịch thu hai lon sữa của mẹ tôi, bởi lẽ chúng tôi ở vùng bán an ninh bị nghi ngờ mua về tiếp tế. Song từ hôm đem về, kể đã cả tháng, mẹ tôi vẫn còn để dành, xếp nó vào loại của quý. Bây giờ, quyết định đem cho một người xa lạ, mà người ấy có thể làm nguy hại đến sinh mệnh của mình, mẹ tôi đã tỏ ra phi thường kỳ lạ.

Người kia uống xong ly sữa, nằm lặng thinh, không hiểu đã ngủ quên hay mê thiếp đi. Mẹ tôi lên nhà trên, đốt ngọn đèn trên bàn thờ Phật rồi châm lửa một nén hương. Bà lâm râm khấn vái. Tôi không nghe rõ lời vái van nhưng thấy bà có vẻ bồn khoăn nghiêm trọng lắm. Xong, bà xếp bần:

ngồi trên phản, ngược nhón chân dùng đũa Phật, hai môi mấp má. Tôi tựa lưng vào vách mỗi một nhìn bà. Con buồn ngủ đã đến với tôi lúc nào không hay.

— Hoà ơi! đem cây gậy xuống đây cho mẹ.

Tôi giật mình ngạ: nhiên nhưng cũng làm theo lời mẹ. Người lính đang đứng tựa mõng vào vách, hai tay vịn chắc vai mẹ tôi. Gương mặt anh trông bớt thiếu náo hơn lúc mới vào. Tôi trao gậy cho mẹ và đã hiểu ý bà. Tôi hết sức xúc động trước việc nhường lại cây gậy mà mấy năm nay ít khi bà rời bỏ. Bà đỡ thật chắc người lính cho anh vững. Tay cầm gậy. Chắc anh cảm xúc mạnh lắm nên giọng nói run run:

— Nếu con còn sống, một mai thanh bình trở về đây, con sẽ kính thờ bác như mẹ ruột.

Mẹ tôi thay đổi cách xưng hô, an ủi:

— Thôi, con đi. Lạy Phật phù hộ con mạnh khỏe.

Câu nói sau cùng của mẹ ướt sũng nước mắt. Riêng tôi, nếu không lo ngại việc này bị phát lộ chắc cũng không cầm được dòng lệ. Người lính bước xuống thêm dừng lại cúi xuống, có lẽ anh xách khẩu súng lên bởi tôi nghe một tiếng động nhỏ. Mẹ tôi để cửa trống thật lâu mới chịu đóng lại, lặng lẽ lên nhà trên. Tôi định nói hết nỗi lo sợ cho mẹ biết, nhưng thấy vẻ mặt bà lầm lì, nên thôi. Một vài tiếng gà đã bắt đầu gáy sáng ở các nhà xóm trên. Niềm lo lắng trong tôi cứ theo tiếng gà loang ra khiến tôi cố nổi tiếp giấc ngủ không thành. Mẹ tôi lại bắt đầu tụng kinh sáng. Giọng bà trầm buồn và ai oán lạ thường. Dường như sáng nay mẹ đốt hương nhiều hơn mọi bữa. Chiếc áo dài nâu

bà vừa khước vào tăng thêm vẻ thâm nghiêm cho khuôn mặt trầm ngâm. Có lẽ chưa lần nào tôi chú ý nghe rõ từng tiếng cùng ý nghĩa của lời kinh như thế

« Đệ tử chúng con từ vô thủy
Gây bao tội ác bởi lầm mê
Đắm trong sinh tử đã bao lần
Nay đứng trước đài vô thượng giác.
Biển trần khổ lâu đời luân lạc... »

Tiếng mõ đêm nhịp theo câu kinh đều đều, sâu thẳm, ru tôi vào trạng thái chập chờn.

— Thím Tư ơi ! Thím Tư !

Tiếng ai gọi mẹ tôi bỗng tả xen lẫn tiếng đập cửa đập dồn. Tôi choàng dậy đảo dác dò tìm phản ứng của mẹ. Tiếng tụng kinh của bà vẫn tiếp tục nhưng hơi nhỏ lại. Bà đưa mắt ý bảo tôi ra xem ai kêu cửa. Tôi lên giọng hỏi. Chị Ngô bán bánh bèo, phải rồi, trả lời tôi :

— Anh Hai mày chết rồi !

— Há ? ! Tôi hỏi giật lại.

— Anh Hai mày chết rồi ! Nó ở quán vẽ tiếp viện, bị phục kích chết chiều xẩm hôm qua.

Tôi hét to trời ơi rồi điếng người. Tôi quay phắt lại để xem mẹ đã nghe rõ chưa. Bà từ từ xịu người ngã xuống chỉ gọi được hai tiếng con ơi. Tay trái bà còn nắm chặt xâu chuỗi hạt, tay mặt cầm cái dui mõ nhẹ nhàng thả lần tròn trên phản. Mẹ, mẹ, mẹ ơi, tôi réo gọi bên tai người. Giấy lát, mẹ hơi tỉnh lại, chơi với cánh tay run rẩy trong không gian, meo máo gọi : con ơi !...

— Hoà ơi ! Em ra nhận xác anh Hai em, cho dân canh họ về. Chị Ngô hối thúc ngoài hè.

Tôi vội vàng chạy ra mở cửa, để được tận mắt nhìn rõ một sự thật mà tôi chưa hoàn toàn tin tưởng. Anh Hai ! phải rồi ! Anh Hai !... Tôi nghẹn ngào khi giờ miêng giấy báo che mặt anh ra. Gương

anh vẫn hằn từ như những lần về phép. Anh Hai ! Sao lần này anh lại về thăm mẹ với máu me đầy mặt ! Mẹ tôi run rẩy chuyển hai bàn tay xorong xầu trên bờ hè ẩm ướt, tiếng nói như ắt nghẹn trong cổ : anh con đâu ? Bà ôm chầm lên người anh lặng lẽ trập lất, chợt bật lên tiếng khóc nức lòng. Máu trong người anh ở vết thương bên mang tai hình như đã khô bây giờ lại nhỏ giọt xuống hè. Nhất định — tôi tin như thế — những giọt máu kia phải do một sự xúc cảm mãnh liệt và thiêng liêng của tình mẫu tử diệu mầu. Tôi nhìn theo những giọt máu rơi đều xuống mặt thềm. Ua, sao máu nhiều thế này ; trên hè dưới sân : chỗ này năm ba mươi giọt, chỗ kia hàng trăm giọt nhỏ chồng lên nhau ; nhiều giọt đã tan loãng trôi theo giòng nước. Tôi liên tưởng đến máu của người lính bị thương đêm qua. Tôi không biết giọt máu nào của anh tôi và giọt máu nào của người lính nọ, vì không có dấu hiệu nào chứng tỏ sự khác biệt giữa dòng máu của người bên này với người bên kia, của người Nam với người Bắc. Tôi cũng không tìm thấy ở đó một chứng tích nào về ý thức nệ, chính trị, về chủ nghĩa, về sự căm thù. Tôi chỉ biết những giọt máu đó đổ ra bởi những viên đạn được chế tạo ở một phương trời xa lạ nào, nhưng không biết đích xác tên tuổi của những người bắn đi ; chỉ biết chắc chắn họ là người Việt Nam như anh tôi, như người kia. Tình yêu thương không phân chia ranh giới bất chấp hiểm nguy của người mẹ không đủ sức cứu sống tính mệnh của một trong hai người con. Những giọt nước mắt trắng trong của một bà già không thể nào tẩy xóa những vết máu hồng của những người trai trẻ ; vì anh lính kia cũng đã tắt thở ở một góc vườn.

Trời còn mưa, mẹ tôi vẫn ngồi khóc, những giọt máu tươi càng đầm thắm mặt hè.

HÀNG VŨ

* Những lo âu trong cuộc sống đô thị rã rời, những giau nguy giữa bốn bề lang sói, những cái chết không nhắm mắt, nỗi phiền muộn của bọn vong thân vong quốc, sự trôi dạt của một thể hệ loạn võ, những khổ đau và anh dũng của một giai đoạn cách mạng tập sự, cuộc phiêu lưu rạo rờ khôn cùng của những kẻ ngược mặt.

* Tất cả đều được tìm thấy lại trong văn chương Nam Bộ giai đoạn 1945-50.

VĂN CHƯƠNG TRANH ĐẤU MIỀN NAM

* Một công trình nghiên cứu nghiêm túc của NGUYỄN VĂN SÂM

* Nhận định về một thời bi hùng nhất của lịch sử văn chương miền Nam qua 24 người còn sống hay đã chết : Thăm Thệ Hà Vũ Anh Khanh, Lý Văn Sâm, Sơn Khanh, Hồ Hữu Tường Tom Ích, Thê Húc, Phi Vân, Nguyễn Bảo Hóa v.v....

* Một cuốn sách không thể thiếu trong tủ sách các bạn, trung tâm hồn những người còn nghi đến tiền đồ dân tộc.

* Đọc : dễ tìm thấy... dễ rơi vào ách thống trị của ngoại bang một lần nữa.

CÁC BẠN ĐANG YÊU

CÁC BẠN SẴP SỬA ĐI VÀO TÌNH YÊU

hãy tìm đọc :

LỊCH SỬ ĐỜI SỐNG TÌNH ÁI

— nguyên tác RICHARD LEWINSOHN, Tiến Sĩ Y Khoa, Tiến Sĩ Chính Trị Học, Hội Viên Hội Nghiên Cứu Sinh Lý Vienne, bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân

— tác phẩm phác họa lại tiến trình luyện ái của con người kể từ sự xuất hiện đầu tiên của người đàn bà

— tác phẩm mở cho người đọc những chân trời chưa từng được khám phá về tình yêu.

— tác phẩm đề cập một cách thiết thực những vấn đề quan trọng liên hệ đến đời sống lứa đôi: những quan niệm mới về hôn nhân, sự nọai tình và không con, việc hạn chế sinh sản, cách thụ thai nhân tạo, những lý thuyết của Freud và Adler, hôn nhân tại Nga Xô, máy ly dị tại Nevada, nghệ thuật đào mả, những khám phá của Kinsey..v.v..

Nơi phát hành : Nhà xuất bản KỶ NGUYỄN

45 NGUYỄN-THÔNG SAIGON

IRANG-THIE

Vụ Kouznetsov



Trên gối thốn thức

Cả tháng nay, câu chuyện A. Kouznetsov chọn tự do ở Anh làm sôi nổi dĩa luận các nước.

Buổi chiều hôm ấy, lúc nhà văn Nga từ khách sạn ra đi, cùng với người thông dịch kiêm mật vụ là Georgy Andjapazidze, dạo phố Luân Đôn, thì tiết trời ấm áp. Nhà văn không có lý do để khoác thêm chiếc áo ngoài. Lúc Kouznetsev trốn thoát, ông lập tức nhờ người cấp tốc trở lại phòng mình lấy một số tài liệu và chiếc áo khoác.

Chiếc áo này mang một bí mật: một cuộn phim 35 ly, chụp những trang nhật ký, những ghi chép riêng, định bụng để dùng làm tài liệu viết truyện về sau. Cuốn phim được giấu trong một gấu áo

Bảo «định bụng» dùng viết truyện, ấy là lúc chụp bình tài liệu đem qua Anh để trốn. Chứ còn khi ở Nga, khi đặt bút ghi chép, thì tác giả không hề có mảy may hy vọng có ngày cho ra mắt được những dòng chữ ấy. Viết không

mong in được nhưng vẫn cứ viết. Đó là nỗi khổn khổ của những người cầm bút trong hoàn cảnh của Kouznetsev. Nhiều lần viết xong ông nhét tác phẩm của mình vào một chiếc thau thường dùng đựng mứt kẹo rồi cưỡi xe đạp mang thẳng đến khu rừng Yasnoia Polania để chôn sâu xuống đất. Viết như thế Kouznetsov cho rằng *‘như thể là tôi thốn thức trên gối cách nào mà không một ai có thể trông thấy và nghe thấy được’*.

Giọt lệ âm thầm trên gối của góa phụ, của chinh phụ trông chồng, đã là đầu đề của bao nhiêu sáng tác văn chương, đã làm náo lòng bao nhiêu lớp người. Huống hồ tiếng thốn thức âm thầm trên gối của tầng lớp trí thức một quốc gia lớn lao và bí mật như thế, hiện tượng vừa đau thương, vừa trái thường, kích thích trí tò mò,..

Nhờ cuộn phim giấu trong áo, Kouznetsov tiết lộ (trên tạp chí *Le Figaro littéraire* số 1214) một đoạn «truyện phụ ngâm», mà chúng tôi xin trích dịch mấy khúc:

Mùa xuân 1961. — Đối với những

người chưa từng sống dưới ách độc tài hay sự khủng bố của một chế độ phát xít thì khó lòng mà hiểu nổi coi im lặng bao la đang bao trùm trên Liên bang Xô-Viết. Những người duy nhất có quyền ăn nói hiện nay ở nước Nga, đó là những tên nói láo, những kẻ tự đề cho tâu nào, hay những đứa ngu si.

Ngày nay thực sự không còn có vấn đề chương chữ nghĩa gì có giá trị ở Nga nữa. Nghĩa là hiện chỉ có một ngành văn chương : tuyên truyền. Mọi lời phán đoán trái với chế độ chính trị và xã hội, sự biểu hiện một chút hoài nghi nào đều không thể được. Do đó, không có phê bình văn nghệ.

Như thế không có gì mới lạ hết. Trong lịch sử nhân loại, có nhiều thời kỳ độc tài tàn bạo. Nhưng chưa bao giờ có nền độc tài nào mà siết giữa gọng kìm của nó một cách chặt chẽ đến thế, một khối người lớn lao đến thế, như ở Liên-xô hiện nay.

Cái ước muốn căn bản nhất trong các ước muốn tự nhiên, là nói lên sự thực, hay ít ra, nói lên những điều mình nghĩ, cái ấy đã bị quên lãng, đã thành một giấc mơ không sao thực hiện nổi.

Mùa hè 1967. Liên xô là một quốc gia phát xít. Trí thức ở Nga thuộc vào số những kẻ trí thức bất hạnh nhất hoàn cầu nếu không phải là những kẻ bất hạnh nhất. Tôi không nói đến cái hạng những kẻ vô sĩ và những tên ngốc ham tiền do chế độ xô-viết đẻ ra. Tôi dùng chữ « trí thức » theo cái nghĩa chính gốc của nó.

Là một thành phần của giới trí thức, nhà văn ở trong một hoàn cảnh đặc biệt khốn khó. Bởi vì một người trí thức vừa có thể trông thấy và hiểu biết nhiều điều vừa có thể im lặng, còn nhà văn, vì tính

cá h của nghề nghiệp mình bị buộc phải nói lên : « Tôi không thể im lặng ». Không thể nào có được một nhà văn theo ý nghĩa đích thực tại nước Nga, cũng như không thể nào có được một con sư tử hoang trong rạp xiếc. Nước Nga thực ra là một rạp xiếc đồ sộ, trong đó thú vật đều nhốt lồng, và sinh hoạt xã hội chẳng qua là một cuộc biểu diễn trên đài (...)

Họ làm gì những cuốn tiểu thuyết của tôi. — Trước hết trong Kouznetsov nói về số phần cuốn Sư tiếp nối một câu truyện hoang đường (Trường hợp này, chúng tôi lại muốn dành riêng cho phần sau).

Tôi cũng đưa cả tập tiểu thuyết thứ nhì, cuốn ở tại nhà mình cho tạp chí Youngost ấy. Họ phán xét : « Rất có tài, nhưng diễn tả cuộc sống xô viết bằng những danh từ tiêu cực quá. Cần vui tươi hơn một chút. »

Tôi lấy lại bản thảo và đưa đến tạp chí Novi Mir. Chủ nhiệm là Tvardovsky bảo tôi rằng ông ta đọc một hơi hết cuốn sách trong đêm, rằng đây là một văn phẩm xuất sắc cũng như cuốn Một ngày của Ivan Denissovitch của Soljenitsyne, nhưng người ta không thể xuất bản được. Phải chờ đợi.

Tôi lấy lại bản thảo và mang đến tạp chí Molodaja Guardia là tờ đối lập với tờ Youngost. Tôi chỉ có một hy vọng : hai tờ báo này như chó với mèo, nếu tờ này từ chối một bản thảo của anh, anh cứ đưa tới tờ kia, và đừng quên bảo cho biết là đối thủ của họ vừa từ chối. Tôi làm như thế. Họ trả lại bản thảo cho tôi kèm theo cái bắt tay nồng nhiệt và những lời cảm ơn về sự thích thú mà tác phẩm đã mang đến cho họ « Tài tình tuyệt bậc, nhưng hiển nhiên là chúng tôi không thể nào xuất bản cuốn ấy được, hẳn ông biết vì sao. »

(Sau tòa soạn Molodaja Guardia,

Kouznetsov lại đến tòa soạn Obtiabr: cũng bị từ chối nữa).

Một năm sau, có người ở tờ Novi Mir gọi điện thoại cho tôi «Nếu ông bằng lòng cắt dăm ba đoạn, chúng tôi đăng truyện của ông — Được, thà in được chút gì còn hơn là không có gì cả.»

Nhưng khi biết được những cái họ muốn cắt bỏ tôi hoảng hồn. Tôi vẫn kính trọng tòa soạn Novi Mir cho nên tôi quyết định để họ muốn làm gì tùy ý. Từ đó, bắt đầu những cú điện thoại gọi về nhà tôi ở Tula. Gần như cứ hai ngày một lần, họ báo cho tôi biết tin: Chúng tôi phải cắt đoạn này và chương này». Ban đầu tôi phản đối, rồi sau tôi cầu nhàu: «Mấy ông làm gì mặc kệ, chỉ cần xin bỏ luôn cái tên tôi đi». Từ ấy, tôi đứng đưng và như thề hóa trị độn ra. Tôi đã phí nhiều cố gắng cho cuốn truyện ấy, và tôi thích nó đặc biệt. Nhưng, từ lâu trước khi nó được xuất bản tôi đã phủ nhận nó. Họ thuyết phục tôi đừng rút tên tôi đi. Tôi chỉ còn đòi được một điều duy nhất — xin các bạn đừng cười là ngoài bìa đừng in tên Anatoli Kouznetsov mà chỉ in A. Kouznetsov.

Người ta viết gì nói gì về tác phẩm ấy, tôi đều đứng đưng. Chuyện quan trọng hơn là đối với tác phẩm đầu tay của tôi, nhiều. Một phần ba cuốn truyện bị cắt bỏ và tư tưởng của cuốn truyện bị đổi ngược hoàn toàn. Hễ có ai nói với tôi về cuốn ấy, tôi liền trả lời «Tôi không muốn bàn cãi, nó không phải tác phẩm của tôi.»

(..) Tôi viết cuốn tiểu thuyết thứ ba, cuốn Babi Yar. Trước hết tôi không đưa nguyên bản cho một ai xem cả, bởi vì truyện ấy làm cho người ta hiểu một cách quá hiển nhiên rằng giữa chế độ phát xít của Hitler với chế độ phát-xít nô-viết không có gì khác nhau cả, (tôi không

cố ý chứng minh như thế, nhưng tôi ngạc nhiên thấy điều ấy tự nó lộ ra).

Tôi đưa ra một bản thảo vô hại, mà theo ý tôi thì kiểm duyệt không trách vào đâu được.

Rắc rối làm sao! ở tòa soạn Youonst, ai nấy đồng ý là một tác phẩm lớn. Họ chỉ yêu cầu tôi cho phép cắt mấy chỗ. Tức thì tôi lại nài lên câu kính như trước, tôi trả lời là không để họ biến dạng tác phẩm, và tôi yêu cầu họ trả lại bản thảo.

Ông chủ nhiệm Boris Polevoi đáp: «Không, tôi không trả bản thảo cho ông. Tôi sẽ in nó sau khi cắt xén».

Rốt cuộc, chúng tôi xung đột nhau, tôi quát lên «Trả bản thảo lại cho tôi, nó là bản thảo của tôi!» Họ không chịu trả, tôi chụp lấy và chạy ra ngoài đường Vorovsky. Tôi nguyên rửa cái ngày mà tôi bắt đầu cầm bút viết. Điên tiết, tôi xé bản thảo ra từng mảnh nhỏ và quăng vào tất cả các giỏ rác ngoài đường, từ chỗ ấy đến công trường Arbat, các giỏ rác đều bị nhét đầy. Mãi về sau tôi mới biết rằng tôi chỉ xé bản phụ, còn bản chính vẫn ở trong tay họ.

Sau này, tôi nhận được những ấn cáo mang tất cả những chỗ người ta sửa đổi văn tôi, tôi không biết rằng đó vẫn chưa phải là hết chuyện, rằng sau đó lại còn những chỗ cắt xén dữ dội hơn nhiều. Nhưng không làm cách gì được nữa. Máy đã mở rồi, hết cách chặn lại. Chỉ còn có nước tôi bồi hoàn phí tổn ấn loát, nhưng vào đạo: đó tôi nợ nần ngập đầu (..)

Có điều kỳ quặc là về sau, theo tiết lộ của một số nhân vật có thẩm quyền, nếu Babi Yar bị hãm hại, chỉ một tháng thôi, thì dù dưới hình thức nào nó cũng không được xuất bản. Tình hình đã biến đổi Hóa ra tôi đã gặp vận may hiếm có, và.

lẽ ra phải cảm ơn nhóm Younost. Tất cả câu chuyện ấy đều thật. Năm 1967, cuốn truyện ấy không tái bản được. Giấy phép tái bản bị bác bỏ (...)

Như vậy là tất cả những cái tôi đã viết ra có đến ba bản. Bản thứ nhất là bản chính. Bản nhì là bản đã cắt xén và tu chỉnh để đưa cho Polevoi với hy vọng nó được thấy chấp nhận y như thế. Nhưng ông ta đã không chấp nhận, và rồi phải tạo ra một bản thứ ba: nhạt nhẽo, sáo, tầm thường và nhất là dễ tiện. Đến nỗi khi các bạn đọc tới, các bạn thấy lộn giọng.

Mù mịt... Hoàn toàn thiếu tin tức. Mù mịt về những gì xảy ra ở Tây Phương. Tôi có nghe những tên Françoise Sagan, Camus, Kafka v.v... Tôi có được nghe nhưng không bao giờ được đọc họ. Ở đâu đó, có những người đang khám phá ra cái này cái nọ đang đi tìm những hình thức mới những cách viết mới. Họ tiến tới, họ bàn cãi, trong khi tôi, tôi đập cửa, đập mái mà không sao mở ra được một lối thoát.

Tìm dấu Lénine và tìm gái

Những đoạn nhật ký trên đây cho chúng ta biết ít nhiều về tâm trạng thầm kín và hoàn cảnh sáng tác của một nhà văn vào hạng tên tuổi nhất của Nga xô, một đảng viên Cộng sản 14 tuổi đảng, một hội viên của Hiệp hội Nhà văn Xô viết thuộc hạng có uy tín, vừa được chỉ định thay thế cho Evtuchenko bị thanh trừng khỏi tòa soạn tạp chí *Younost*.

Hoàn cảnh ấy và tâm trạng ấy cả nghĩa đầy đủ sự bỏ xứ của Kouznetsov. Lý do gần gũi nhất là cuộc xâm lăng Tiệp khắc của quân đội Nga xô.

Kouznetsov từ lâu đã nghiền ngẫm nhiều kế hoạch trốn thoát nước Nga. Rồi cuộc, ông đã thành công nhờ kế

hoạch đi tìm dấu chân Lénine.

Kouznetsov viện cơ chuẩn bị tài liệu viết một tác phẩm về Lénine. Lénine, hồi 1902, ở một thời kỳ sống ở Luân đôn. Kouznetsov muốn biết về đoạn đời ấy, muốn tìm niều tại chỗ. Ông được chấp thuận, được cấp cho một viên thông ngôn đi kèm, vì ông không biết tiếng Anh. Georgy Andjapazidze vừa thông dịch cho Kouznetsov vừa bám riết theo ông để giữ chân. Một đảng viên như Kouznetsov thừa rõ vai trò của Andjapazidze; nhưng ông đã có cách đối phó.

Bốn ngày sau khi đến Luân đôn, một buổi chiều Kouznetsov đề nghị với ông bạn đồng hành đi dạo một vòng. Nửa chừng, nhà văn 39 tuổi đời nọ bèn thổ lộ với bạn rằng ông muốn thí nghiệm về gái Luân đôn. A! cái này không có liên hệ mấy đến đồng chí Lénine. Viên thông ngôn hóa ra thừa. Anh ta phải tạm thời buông Kouznetsov ra trong chốc lát.

Kouznetsov liền đến trình diện ngay tại cơ quan chính quyền Anh gần nhất. Một nhân viên cơ quan này điện thoại đến tòa soạn tạp chí *Daily Telegraph*, nhờ một ký giả biết nói tiếng Nga. Chuyên viên về vấn đề Nga xô của báo này là David Floyd đến ngay.

Lập tức sau đó, nhiều việc liên tiếp diễn ra: Floyd giúp Kouznetsov lấy lại cái áo bí mật, các bản thảo, chiếc máy chữ, mấy điếu xì-gà Cuba...; bộ Nội vụ Anh được thông báo, trình lên thủ tướng Harold Wilson, thủ tướng Wilson quyết định cho phép Kouznetsov cư trú vô hạn định; tòa đại sứ Nga hay tin, đại sứ Mikhail Smirnovsky can thiệp, yêu cầu chính phủ Anh giao hoàn Kouznetsov; chính phủ Anh từ chối; lại can thiệp yêu

cầu được tiếp xúc với Kouznetsov, Kouznetsov từ chối v.v...

Vụ Kouznetsov xảy ra, khi biết rằng mọi sự hết đường cứu vãn, nhà nước Nga xô mở máy phát động một chiến dịch kẻ xấu, bôi lọ nhà văn này.

Kouznetsov cho đăng tải trên báo Mỹ một bản giải thích trình bày minh bạch trường hợp của mình. Đồng thời, ông gửi một bức thư cho chính phủ Nga xô, một bức cho Ủy ban trong ương đảng Cộng sản xin từ bỏ đảng tịch, một bức thư cho Hiệp hội nhà văn Liên xô.

Sau đó Kouznetsov còn gửi đến bộ Tư pháp của nước Pháp trình bày về một sự việc liên quan đến tác phẩm đầu tay của ông.

Chuyện mười năm trước

Một tác phẩm, một đứa con

Tác phẩm đầu tay của Kouznetsov là cuốn *Sự tiếp nối một câu truyện hoang đường*.

Đó là chuyện viết về cuộc sống ở Tây bá lợi á, cuộc sống ai cũng biết là cực kỳ đen tối. Chính tác giả đã sống cuộc sống ấy trong một công xưởng. Tác giả đã mô tả sự thực, nhưng ông cũng biểu lộ lòng tin tưởng của tuổi trẻ, tin tưởng rằng rốt cuộc mọi việc sẽ tốt lành, tương lai sẽ rạng rỡ v.v...

Dù thế, cũng như các tác phẩm sau này của Kouznetsov, cuốn này gặp nhiều gian nan. Ban tuyển trạch của tạp chí *Younost* khen hay, nhưng lúc đầu Họ đòi một cảnh Tây bá lợi á tươi sáng hơn. Họ đòi cắt, họ đòi thêm v.v: .

Kouznetsov buồn rầu, cúi gập tuyệt vọng. Ông bỏ Mạc tư Khoa, về với mẹ ở Kiev. Bỗng một hôm, ông mua báo xem thấy truyện của mình được đăng. Nhưng

ông rụng rời, ông đếm thử tất cả được hai mươi đoạn bị cắt. Cả ý nghĩa tác phẩm bị biến đổi.

Chủ bút *Younost* là Valentin Katayev cho là truyện hay lắm, quyết định nên xuất bản, dù tờ báo có bị đóng cửa cũng đành. Quả là một hy sinh lớn lao của V. Katayev.

Đề bắt đầu cuộc hy sinh, Katayev cắt vứt đi ngót năm chục đoạn và sửa đổi lung tung mà không hỏi ý kiến tác giả. Cuối cùng, sách ra đời. *Younost* hồi hộp chờ đợi kết quả.

May mắn, tác phẩm lọt vào mắt xanh của Adjoubai, con rể của Khrorouchchev. Adjoubai khen. dĩ nhiên các nhà phê bình khác bắt chước khen theo. Thế là chẳng những *Younost* thoát nạn mà Kouznetsov lại lên như gió. Tác phẩm đầu tay của ông được phổ biến các nơi, được dịch ra hơn ba mươi thứ tiếng, thiếu niên ở Nga được khuyên nên đọc nó, giới cầm bút được khuyên nên học hỏi cách viết của nó v.v.,.

Nhưng kết quả lớn lao nhất mà Kouznetsov mong ước là... một đứa con.

Thật vậy, trước cuốn *Sự tiếp nối...*, Kouznetsov chỉ là một sinh viên, lưu trú tại đại học xá, không được phép mang vợ theo. Hai vợ chồng lấy nhau đã tám năm mà không có được một căn nhà riêng, cứ Sâm Thương cách trở mãi, nên không sao có được một đứa con.

Sau cuốn *Sự tiếp nối...* Kouznetsov là một văn sĩ tên tuổi, ông vào *Hiệp hội các nhà văn Xô-Viết*, ông có hi vọng nhờ đó kiếm được một tổ ấm, sáng tác ra một hai nhi đề nổi đời.

Một tác phẩm một vụ án

Nhưng kết quả của *sự tiếp nối...* không phải chỉ có chừng ấy.

Một hôm, Kouznetsov được lệnh gọi ra ủy ban ngoại vụ của Hiệp hội các nhà văn. Người ta lạnh lùng vút ra trước mặt ông một cuốn sách Pháp văn, nhan đề là *Ngôi sao trong sương mù*. Đó là bản dịch *Sự tiếp nối...*; dịch giả tên Chaleil, nhà xuất bản là Vitte. Cuốn sách do văn hào Louis Aragon từ Pháp gửi qua đề mách cấp trên một tài liệu "có tính cách chống Liên-xô".

Tại sao *Sự tiếp nối...* được phiên dịch trên ba mươi thứ tiếng, mà riêng bản Pháp dịch lại hóa ra nguy hiểm cho tác giả? Nguyên Chaleil là một tu sĩ từng truyền giáo ở Trung quốc, từng bị giam cầm ở một trại tập trung Tây bá lợi á, trong vùng mà chính Kouznetsov đã đến và đã mô tả trong tiểu thuyết. Dịch giả do đó hiểu rõ cái thực tại mà tác giả muốn nói, cho nên những đoạn tô hồng mà người ta thêm vào nguyên bản thì Chaleil biết ngay, ông không thêm dịch những đoạn ấy, chỉ tóm tắt sơ lược. Nghĩa là dịch giả đã vô tình khôi phục lại bản chính cuốn *Sự tiếp nối...*, đã thông cảm ý định của tác giả.

Thế là tác giả bị làm tình làm tội. Rồi người ta đưa cho tác giả một cây bút, một tờ giấy, đọc cho tác giả viết một tờ phản kháng nộp ngay tức khắc cho ủy ban ngoại vụ của Hiệp hội gửi đi Pháp. Tác giả lại được lệnh viết tiếp một bản phản kháng khác, đề Aragon đăng vào tờ *Le Lettres Françaises*. Và Aragon đã đăng.

Nhưng sự chu tất của đồng chí Aragon không phải chỉ có chừng ấy mà thôi. Văn hào Pháp đi mách với Nga về việc một người Pháp dám có hành động chống Nga, thế chưa đủ. Văn hào còn xúi người Nga kiện đồng bào mình, rồi tự mình chạy chọt xếp đặt tất cả vụ kiện.

Kouznetsov chẳng hay biết gì, bỗng một hôm được gọi đến một tiệm ăn, dự một bữa ăn, gặp một người Pháp. Bạn bè bảo cho biết người Pháp nọ là một luật sư tên Ambre từ Paris sang, lo vụ kiện cho Kouznetsov. Thế rồi sáu tháng sau, lại một hôm bạn bè kêu điện thoại, bảo Kouznetsov đọc báo mà xem: vụ của ông đang được xử ở Pháp.

Kouznetsov tò mò xem báo, biết mình thắng kiện, được bồi thường một ngàn phật lạng... Nhưng Kouznetsov cũng chỉ được biết thế thôi chứ không được hưởng gì: không có đồng Phật lạng nào đến tay ông. Cả bản án cũng không đến. Nếu không có bạn bè sốt sắng bảo xem báo, có lẽ Kouznetsov không hề hay biết mình có kiện, có thắng.

Sau đó, có lần Kouznetsov được đề cử sang Paris, được đưa tới thăm Aragon, "Sau khi từ biệt ông ta, tôi hỏi thăm khách qua đường lối đến tòa án. Tôi tới đó và đứng bất động trong nhiều phút trước pháp đình, cõi lòng tê tái, tôi tự hỏi 'ta có vào chăng? Ta sẽ nói cho họ biết sự thật chăng?' Rồi tôi nhớ tới nước Nga, tới mẹ, tới vợ, tới con trai tôi là những kẻ mà tôi rất mực yêu mến. Tôi quay lưng và bỏ đi." (1)

Nước Nga, mẹ, vợ, con trai, và Tự Do

Kouznetsov nhiều lần nói tới mẹ, tới vợ, tới đứa con trai.

Đưa bản thảo bị người ta từ chối, ông buồn rầu chạy về với mẹ. Bản thảo được in, nổi danh, ông nghĩ ngay tới một ngôi nhà để sống với vợ, để có con. Sang Pháp ông lo cho mẹ, cho vợ, cho con mà không tổ cáo một hành vi gian trá.

(1) Bản dịch của Hoàng Tuyết Sơn, VÂN số 137.

Nhưng rồi tất cả những hình ảnh thân yêu ấy rốt cuộc cũng không đủ cầm chân Kouznetsov ở Nga. Lỡ một cơ hội ở Pháp, sau này ông phải truân chuyên mới tìm thấy tự do ở Anh. Và lần này, trước khi ra đi ông đã để cả món tiền trợ cấp lại cho vợ, cho đứa con đã lên chín tuổi.

Rồi từ Luân đôn, trong bức thư gửi nhà cầm quyền Liên xô ông không quên yêu cầu đừng trả thù mẹ, vợ, con mình.

Chúng ta thấy cuộc ra đi bỏ xứ của Kouznetsov đau đớn biết bao nhiêu, về mặt tình cảm. Đồng thời cũng thấy tự

do là cần yếu biết chừng nào cho một nhà văn.

oOo

A Kouznetsov và Svetlana Staline là hai nhân vật quan trọng nhất trong số những kẻ bỏ chế độ xô viết của Nga đi sang Tây phương trong những năm gần đây.

Gần đây, tức là sau Staline, sau Krushchev, sau những cái mà người ta đồn đãi là chuyển hướng, là cái cách, là mở rộng, là dân chủ hóa hóa v.v. . trong chế độ cộng sản.

TRẦN THIÊN

9-69

LỜI TRẦN TÌNH CỦA NHÀ VĂN ANATOLY KUZNETSOV

Bản dịch của HOÀNG-NGHỊ

Bạn sẽ cho rằng trường hợp của tôi thật là khó hiểu. Tại sao một nhà văn đã có sách xuất bản hàng triệu cuốn, được rất nhiều người biết tới và sống thật đư giả tại xứ sở của mình lại đột nhiên quyết định không trở về đất nước thân yêu nữa ?

Chỉ vì tuyệt vọng nên tôi không thể sống được ở đó nữa. Tôi đã phải chịu thua cái cảm tưởng này. Tôi không thể tiếp tục cư ngụ tại đó. Nếu ngày nay phải trở lại sống ở Nga-sô chắc là tôi sẽ phát điên lên mất. Nếu không phải là nhà văn thì tôi có thể chịu đựng được điều đó. Nhưng vì là một nhà văn, tôi đành không thể. Trên đời, chỉ có nghề viết văn mới thích hợp với tôi. Khi viết, tôi mang ảo tưởng rằng đời tôi có một chút ý nghĩa. Không viết, đối với tôi, cũng khổ cực như bắt cá đưng bơi. Tôi nhớ được là mình đã viết văn từ lâu lắm. Tác phẩm đầu tay của tôi đã xuất bản cách đây 25 năm.

Trong 25 năm đó, không có tác phẩm nào của tôi xuất bản tại Nga-sô mà được toàn vẹn như bản thảo tôi đã viết ra. Vì những lý do chính trị, giới kiểm duyệt Xô-viết và các chủ bút đã rút ngắn, xuyên tạc và «uống bức» các tác phẩm của tôi đến nỗi làm cho chúng hoàn toàn không thể chấp nhận được. Hoặc là họ không cho phép xuất bản. Suốt thời trai trẻ, tôi vẫn còn hy vọng ở một điều gì đó. Nhưng mỗi lần một tác phẩm mới của tôi xuất hiện, tôi lại chẳng vui mà càng thêm buồn. Vì bản văn của tôi đã biến thành một hình thể dị hợm, giả dối và biến dạng hẳn đi, tôi thật xấu hổ chẳng dám nhìn thẳng vào mặt ai. Viết được một cuốn sách hay ở Nga-sô chưa phải là chuyện khó. Kho khăn chỉ thực sự bắt đầu khi bạn cố gắng xuất bản nó. Trong mười năm qua, tôi đã sống trong một tình trạng mâu thuẫn

thường xuyên, tránh không được mà giải quyết cũng không được. Cuối cùng, tôi đành phải bỏ đi.

Tôi viết cuốn tiểu thuyết cuối cùng, cuốn LỬA, trong tim đã hết cảm xúc, không tin tưởng và hết hy vọng. Tôi biết trước một cách chắc chắn rằng, nếu họ xuất bản nó, họ sẽ tàn nhẫn cắt bỏ tất cả những đoạn có tính chất « người » trong tác phẩm ấy, và dù thế nào nó cũng sẽ xuất hiện như một tác phẩm được coi là hợp với « ý-thức-hệ » hơn. (Chẳng may, chuyện đó xảy ra y hệt như vậy).

Tôi đã tới lúc không thể viết được nữa, không thể ngủ được nữa, không thể thở được nữa.

Một nhà văn, trên hết cả, là một nghệ sĩ cố gắng đi vào những vùng đất lạ. Hẳn phải lương thiện và khách quan, và được sáng tạo trong tự do. Đó là những sự thực hiển nhiên. Đó lại chính là những điều mà các nhà văn tại Nga-sô bị cấm đoán.

Tự do nghệ thuật tại Sô-viết đã bị giảm xuống chỉ còn là « tự do » trên ngai chế độ Sô viết và đảng Cộng-sản, cùng thúc đẩy toàn dân đấu tranh cho chủ nghĩa Cộng-sản. Căn bản lý thuyết của điều này là một bài mà 60 năm trước Lenin đã viết: « Tổ chức Đảng và Văn chương Đảng », bắt mỗi nhà văn phải đi xuống chỗ làm nhà tuyên truyền cho Đảng. Công việc của hắn là nhận khẩu hiệu và mệnh lệnh của Đảng rồi tuyên truyền ra ngoài.

Vậy thì các nhà văn Nga phải đứng trước những chọn lựa sau đây:

- a) Chỉ việc tuân theo chuyện dẫn dắt đó để đầu óc và lương tâm đừng có ảnh hưởng gì trên các hoạt động của mình. Nếu Staline đang cầm quyền thì ca ngợi Staline. Nếu họ bảo dân chúng trừng bắn, thì viết về bắn. Nếu họ quyết định vạch trần tội lỗi của Staline thì vạch mặt Staline. Và khi họ ngưng công kích y thì cũng ngưng lại. Có rất nhiều « nhà văn » Nga đã làm y hệt như vậy.

Nhưng cuộc đời thực tế sẽ không tha thứ cho ai phạm đến lương tâm mình. Những nhà văn đó tất cả rồi đã trở nên những kẻ vô sỉ và tàn tật về tinh thần, tâm hồn họ bị gặm nhấm vì nỗi niềm ân hận đã đề tài năng mình lãng phí, đến nỗi cuộc sống đáng thương của họ không thể còn được gọi là cuộc đời mà lên gọi là bức vẽ hoạt-kê của cuộc đời. Có lẽ khó mà nghĩ ra được hình phạt nào nặng nề hơn cho chính mình bằng phải kéo lê quãng đời trong run rẩy, khép nép và cố gắng một cách sợ hãi để biết ý nghĩa của mệnh lệnh mới được ban ra và lo phạm vào một lỗi nhỏ nhất nhất. Trời ơi!

- b) Viết đúng như khả năng và lương tâm mình sai khiến. Nhưng chắc là tác phẩm sẽ bị chìm đi, và cũng có thể là nguyên nhân làm hủy hoại sinh mệnh tác giả. Thật là buồn khi nghĩ rằng nước Nga đã có những « truyền thống » lâu đời và sâu xa về chuyện này. Những nhà văn hay nhất của Nga luôn luôn bị bắt bớ, bị đưa ra Tòa bị ám sát hoặc bắt phải tự tử.

-c/ Cố gắng và viết càng xa sự thực càng tốt. Chọn đề tài vô thưởng vô phạt, viết theo lối ngụ ý. Tìm ra những chỗ hở của Sở kiểm duyệt mà len vào. Lưu hành các tác phẩm của bạn bằng cách đưa bản thảo chuyển tay. Hay ít nhất dùng giải pháp thỏa hiệp chẳng hạn. Tôi là một trong những người chọn lối thứ ba này. Nhưng tôi đã không thành công. Những người kiểm duyệt luôn luôn tìm cách bắt tôi khuất phục. Tôi càng lo lắng để cứu vãn được một cái gì từ những điều tôi đã viết ra để nó có thể đến tay người đọc, thì cuối cùng, tất cả các tác phẩm của tôi đã ấn hành đều chẳng phải là văn chương đích thực mà cũng chẳng bị hoàn toàn khinh miệt, nhưng lại là một cái gì lơ lửng giữa hai khoảng đó.

Tuy nhiên tôi càng biện bạch hay cố gắng chứng minh một điểm nào thì cũng vô ích như đập đầu mình vào tường mà thôi. Văn chương ở Xô-viết bị kiểm duyệt bởi bọn người dốt nát, vô sĩ và chẳng biết gì về văn chương. Nhưng họ lại là bọn người biết rất rõ về những chỉ thị mới nhất của những người cao cấp nhất nắm giữ các gáo điều của Đảng. Tôi không thể lén đường mà qua mặt bọn họ. Evgeny Evtushenko đã sắp đặt để viết được chút ít theo đường lối này. Alexander Solzhenitsyn đã làm được hơn thế, nhưng rồi bây giờ tất cả đều không được nữa. Bọn họ đã tìm ra khe hở và đã trám lại rồi. Các nhà văn Nga tiếp tục viết và hy vọng một điều gì đó. Thật là một cơn ác mộng.

oOo

Về chứng loạn trí của tôi : Suốt một phần tư thế-kỷ, tôi vẫn hằng mơ mộng được hưởng hạnh phúc trong công việc mình làm — đó là một điều mà nhà văn Xô-viết không thể tưởng tượng ra được — để có thể viết và phát hành tác phẩm của mình, không bị hạn chế và khỏi lo sợ. Không phải ngậm miệng làm câm tiếng hát. Không phải lo lắng về các giáo huấn của đảng, về các vị chủ bút của nhà nước và các kiểm duyệt viên chầnh trệ. Không bắt đầu run sợ mỗi khi chợt nghe tiếng gõ cửa, không phải giấu bản thảo của mình trong những lỗ đạo dưới đất trước khi bản thảo chưa khô mực.

Có biết bao nhiêu lỗ tôi đã đào dưới đất để cất giấu các lọ chứa đầy những bản thảo « nguy hiểm » và « khả nghi ». Tôi không thể để chúng ở trên bàn viết, vì khi tôi đi vắng, căn nhà tôi ở sẽ có thể bị xâm nhập, lục soát và các bản thảo của tôi bị tịch thu, như trường hợp đã xảy ra cho Solzhenitsyn và nhiều người khác. Bàn viết của tôi, thực ra chẳng có ngăn kéo chi hết. Đất Nga-sô chính là chỗ tôi dùng làm bàn viết và tủ đựng. Nỗi đam mê đích thực của tôi là được thấy các tác phẩm in ra theo đúng nguyên tác. Tôi chỉ mong được một lần như vậy, rồi chúng muốn làm gì tôi thì làm...Phải rồi, theo nghĩa đó, thì tôi là một người bệnh hoạn, một người điên.

Khi còn nhỏ, tôi đã thấy sách vở bị thiêu hủy ở Nga năm 1937 dưới thời Staline. Tôi đã thấy sách bị đốt năm 1942 tại thành phố Kiev lúc đó bị chiếm đóng dưới thời Hitler. Và bây giờ trời đã để cho tôi thấy chính sách vở của tôi bị đốt, vì lúc này tôi đã bỏ Liên-bang Xô-viết, sách của tôi dĩ nhiên sẽ bị thiêu hủy tại đó. Thực ra, tôi cầu cho họ đốt hết sách các tác phẩm của tôi đã xuất bản. Vì

chúng không thể hiện được những điều tôi đã thực sự viết ra và muốn gửi tới người đọc, nghĩa là, nói tóm lại, chúng không phải là những cuốn sách của tôi. Tôi tự từ bỏ chúng. Và vì thế, nơi đây tôi công khai và dứt khoát tự từ bỏ tất cả những gì đã xuất bản dưới tên "Kouznetsov" tại Nga xô, hoặc đã xuất hiện trên các bản dịch từ những ấn-bản Xô-viết tại các quốc gia khác trên thế giới. Tôi long trọng tuyên bố rằng Kouznetsov là một tác giả không ngay thẳng, thủ cựu, khiếm khuyết. Tôi từ bỏ danh hiệu này. Sau cùng, tôi muốn làm một người lương thiện và một nhà văn lương thiện. Tất cả các tác phẩm từ nay trở đi sẽ mang bút hiệu "A. Anatol". Tôi yêu cầu quý vị chỉ coi những tác phẩm ký tên đó mới là của tôi mà thôi.

oOo

Tôi kỳ vọng điều gì? Trong những năm gần đây, thỉnh thoảng tôi khóa cửa lại, ngồi trong phòng kín và tự thỏa thích viết theo ý mình. Đó là một kinh nghiệm đau đớn và hiểm có. Đó cũng dường như là, trong một thế giới mà mọi người đều bò bằng bốn chân, có người lại đóng cửa ở trong hầm kín, rồi đứng dậy thẳng lưng mà đi.

Rồi cứ vài tháng tôi lại đào các bản thảo từ những chỗ dấu dưới đất lên, chụp hình chúng, rồi lại chôn chúng xuống. Tôi đã thành công trong việc đem các phim chụp vượt biên giới với tôi, kể có hàng ngàn trang bản thảo. Những bản thảo này gồm các tác phẩm đã được nổi tiếng như là BABI YAR, nhưng bằng nguyên-bản đích thực của nó. Cũng gồm cả những tập truyện không thể xuất bản ở Nga. Và những truyện mà tôi nghi ngờ không biết sẽ có thể xuất bản được ở Tây-phương hay không.

Nhưng nay thì ít nhất tôi cũng đã có hy vọng. Dù sao đây không phải là những lời nói của Kouznetsov nhưng là lời của một tác giả đã thực sự đổi khác. Không phải là một tác giả Xô-viết, cũng không phải là một tác giả da trắng, nhưng chỉ là một tác giả sống trong thế-kỷ 20 này, trên trái đất này. Và hơn nữa hay một nhà văn đã từng cố gắng một cách tuyệt vọng để được sống ở thế kỷ này, một nhà văn lương thiện muốn hòa mình với những người đang cố gắng cho nhân loại trong cuộc sống cuồng loạn, cuồng loạn, cuồng loạn hiện nay của một thế giới điên cuồng, điên cuồng.

Thân ái
A. ANATOL

THƯ GỬI CHÁNH-PHỦ SÔ-VIỆT

Tôi ở lại Anh-quốc để có thể tự do thực hiện được sự nghiệp thiết yếu của đời tôi, đó là văn chương. Tôi đã quyết định như thế từ lâu, sau khi đã suy xét cẩn thận và đã sửa soạn suốt cả một năm trường. Không ai khác, ngoại tôi ra, biết được quyết định đó. Những điều kiện sinh sống tại Liên-bang Xô-viết, nơi mọi người đều bị bó buộc phải dò xét lẫn nhau và sự giả nhân nghĩa giả đạo đức vẫn chiếm ưu thế, không cho phép ai dám tin cậy, dù chỉ một người, để thổ lộ niềm bí mật đó. Hơn nữa, tôi đã hai lần bị khước từ khi xin phép

xuất ngoại du lịch. Tôi nhận thấy nếu bị từ chối lần thứ ba này, chắc là vĩnh viễn không bao giờ tôi xin được phép rời khỏi nước Nga.

Vì lý do đó, tôi đã cùng lúc đề sửa soạn bơi qua sông để vượt biên giới. Tôi phải đề cập tất cả chuyện đó để nói rõ rằng vấn đề ra đi thật quan trọng, và không ai khác đã, hoặc có thể, liên can đến các kế hoạch của tôi. Tôi xin chánh phủ Xô viết đừng bắt bớ mẹ tôi, con trai tôi, vợ tôi và người thợ ký riêng của tôi. Họ đã cực khổ đủ rồi, và họ sẽ còn phải cực khổ hơn nữa vì tu trước tới nay họ chỉ dựa vào lợi tức của tôi mà sống. Tôi xin quý ông đừng tịch thu tài sản của họ và đừng tước đoạt những tiện nghi họ đang có. Tôi thề rằng họ không biết gì hết.

Tôi đã thông báo cho tòa đại sứ Xô-viết tại Luân-đôn rằng hiện nay tôi không hề muốn gặp mặt một giới chức Xô-viết nào hết. Tôi yêu cầu quý ông ra chỉ thị cho tòa đại sứ hãy để cho tôi được yên thân. Riêng cá nhân tôi, tôi đã quyết định chỉ khi nào Liên-bang Xô-viết tự do hoàn toàn cho Tiệp Khắc và vĩnh viễn rút quân đội ra khỏi nước đó, tôi mới có thể gặp gỡ các giới chức Xô-viết hoặc đưa tay bắt tay họ. Tôi muốn ngỏ lời tạ lỗi vì sự trá ngụy mà tôi đã phải dùng tới để xin được phép rời khỏi Nga-sô. Đó là một chuyện lừa đảo bắt buộc. Vì chính quý ông đã tạo nên những điều kiện mà nếu không dùng đến những ngón gian trá thì không thể nào xuất ngoại được.

THƯ GỬI ỦY-BAN TRUNG-ƯƠNG ĐẢNG CỘNG-SẢN SÔ-VIỆT

Sau nhiều suy tư nghiêm chỉnh trong bao nhiêu năm, tôi đã đi đến chỗ hoàn toàn bác bỏ Chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngày nay tôi đã cho rằng chủ nghĩa này hoàn toàn lỗi thời, vụng về và nghiêm khắc. Nó hoàn toàn không thể giải quyết được những mâu thuẫn trong xã hội hiện tại, và tệ hại hơn nữa, nó đã, đang và đe dọa sẽ còn tiếp tục đưa tới những thảm cảnh xã hội đáng sợ.

Tôi không thể tiếp tục làm đảng viên Cộng sản nữa. Tôi yêu cầu quý ông để cho tôi được rút tên khỏi đảng Cộng-sản Xô-viết. Từ nay tôi cũng thôi là Bí thư Đảng trong Hội Các Nhà Văn Vùng Tula. Tôi đã lưu lại thẻ đảng viên của tôi tại đó.

THƯ GỬI HỘI LIÊN-HIỆP CÁC NHÀ VĂN SÔ-VIỆT

Tôi là một hội viên của Liên-hiệp Các Nhà văn Xô-viết từ năm 1959 đã viết một số tác phẩm trong đó tôi đã cố gắng tuân theo các nguyên-tắc của «Chủ nghĩa Hiện thực Xã hội». Nhưng với mỗi tác phẩm được viết ra, các điều kiện lại trở nên càng khe khắt và khó khăn hơn. Sau một thời gian dài suy tư và nhiều kinh nghiệm thực tiễn, tôi đã đi đến chỗ nhận thấy sự hoàn toàn giả trá, đần độn, ngu si và tính chất phản động của «Chủ-nghĩa Hiện-thực Xã-hội».

Tin chắc rằng những thất bại đáng sợ nhất, và những thời kỳ kiệt quệ hoàn toàn của văn học Xô-viết là do ở sự cưỡng bách các nhà văn bằng những phương tiện độc đoán của «Chủ nghĩa Hiện thực Xã hội» và đặc biệt là cái giáo điều «văn chương phải chứa đựng tính».

Tôi không còn là hội viên của Liên hiệp Các Nhà văn Xô-viết nữa. Tôi yêu cầu được rút tên khỏi Liên hiệp và chấm dứt nhiệm vụ làm Phó Bí-thư của Tổ chức Các Nhà văn Vùng Tula.

ANATOLY KUZNETSOV

Thời sự thế giới

TỪ TRI

Tuy chiến cuộc Việt-Nam chưa có một dấu hiệu nào tỏ rằng người ta đang tiến tới hòa bình hay tăng cường chiến tranh nhưng dư-luận quốc-tế đã dồn mọi chú ý vào tình-hình Việt-Nam vì cái chết của Hồ-chí-Minh. Cái chết của lãnh tụ Bắc-Việt đã khiến cho mọi người thêm một lần nữa tính toán các hy vọng vẫn hồi hòa bình.

Một cuộc chiến tranh cũng đang âm ỉ cháy ở Trung-Đông sau vụ đền Hồi giáo Al Aksa ở Jerusalem bị phá hủy. Các lãnh tụ ở Ả-rập đang lớn tiếng kêu gọi một cuộc thánh chiến để tiêu diệt Do-thái.

Âu-châu cũng không thoát khỏi sự đe dọa của một cuộc chiến tranh tôn giáo. Tại Ái-nhì-lan hai cộng đồng Công-giáo và Tin-lành vẫn tiếp tục sống trong tình trạng căng thẳng và đang chỉ chờ một dịp là lại tấn công nhau.

Cái chết của Hồ-chí-Minh.

Từ nhiều ngày qua, chiến tranh ở Nam-Việt gần như ở vào một tình trạng bất động. Thật vậy, người ta không thấy một trận đánh quan trọng nào đáng kể. Trong khi đó hòa-hội Ba-lê vẫn kéo dài không đưa lại một kết quả nào rõ rệt. Người ta phân vân tự hỏi không biết viễn-tượng hòa-bình đang tiến tới hay ngược lại đang xa dần mảnh đất này. Và lần lần, với những cuộc khủng hoảng tại các vùng khác trên thế giới, người ta gần như quên lãng chiến cuộc ở Việt-Nam.

Đột nhiên chính quyền Hà-nội loạn tin lãnh-tụ Hồ-chí-Minh của họ từ trần. Tin này đã khiến cho dư luận quốc-tế bỗng chú ý trở lại tới vấn-đề Việt-Nam.

Thật vậy cả : quốc-gia Âu-châu cũng như các quốc gia Á-Phi không liên kết thường có khuynh hướng quên rằng ông Hồ-chí-Minh là một lãnh tụ cộng-sản mà chỉ cho ông là một người đã tranh đấu cho phong-rào giải-phóng dân-tộc. Vì vậy sự từ trần của một nhân vật lịch-sử làm họ xúc động. Nga-sô và Trung-cộng đều gửi những ảnh tự cao cấp sang đưa đám : Ngoài ra các quốc-gia cộng sản khác cũng như các quốc gia không liên-kết cũng cử những phái đoàn quan trọng sang dự tang lễ.

Chính quyền Bắc-Việt hình như cũng lợi dụng cái chết của ông Hồ để tuyên truyền ngổ hầu lấy được thiện cảm của các quốc-gia khác đối với âm mưu thôn tính miền Nam của họ. Vì vậy mà họ tổ chức đám táng rầm rộ và phe Cộng-sản ở Nam-Việt đã đơn phương quyết định ngưng chiến 3 ngày.

Ngoài ra cái chết của ông Hồ còn có thể có nhiều ảnh hưởng tới chiến tranh ở Việt-Nam. Người ta tin rằng trong khi « tang gia bối rối » cộng quân sẽ phải giảm bớt hoạt động rất nhiều.

Có người cho rằng cái chết của ông Hồ chí-Minh cũng chẳng có hậu quả gì đáng kể vì đối với chính quyền cộng sản Bắc-Việt đã từ lâu ông chỉ ngồi làm vị mà không có thực quyền.

Có người thì lại cho rằng cái chết của ông sẽ mở màn cho một cuộc tranh quyền giữa các đồng chí của ông và cho một cuộc đụng độ giữa phe thân Nga và phe thân Trung Cộng.

Sự thật thì cũng không thuyết nào đúng hẳn vì nếu trong những năm gần đây ông Hồ Chí Minh ít can thiệp vào đời sống chính-trị thì ảnh hưởng của ông đối với guồng máy chính quyền cũng không kém quan trọng. Ông luôn luôn là một người trung gian, một lãnh tụ đầy đủ uy tín để dung hòa hai phe thân Nga và thân Trung-Cộng. Có lẽ cũng nhờ ông mà Bắc Việt thực hiện được thế quân bình giữa Mạc-tư-Khoa và Bắc Kinh. Ở cả hai phe loại người ta đều không thể đảo-chính trừ phe đối thủ mà không loại chính cá nhân ông. Và như vậy sẽ làm dân chúng hoang mang.

Nhưng nhờ thế quân bình này mà không một phe nào đủ mạnh để loại trừ phe kia. Vì vậy trong ngắn hạn sẽ không có hay chưa có một cuộc tranh chấp quyền hành nào rõ rệt. Chính phủ Hà-hội sẽ áp dụng phương pháp "lãnh đạo tập thể". Theo đúng truyền thống cộng sản, "lãnh đạo tập thể" là một phương thức tạm thời và chuyển tiếp thường được người ta áp dụng khi chưa có một nhân vật nào đủ sức mạnh để một mình nắm trọn quyền tối cao.

Nhưng trong một thời hạn dài hơn chúng ta sẽ không lấy làm lạ là một nhân vật sẽ xuất hiện sau khi đã loại trừ được các đối thủ. Trong khi chờ đợi mỗi người còn mãi nghĩ tới việc củng cố địa vị của mình nên các hoạt động chiến tranh ở Nam-Việt có nhiều sự ngưng giãm sút.

Đây cũng là một dịp để Hoa-kỳ

thực hiện hòa bình ở Việt-Nam. Trước cái chết của ông Hồ-Chí-Minh, Hoa kỳ dường như đã bắt đầu mất kiên nhẫn về thái độ "giằng co" của Bắc Việt. Vì vậy mà phe đồng minh đã tỏ ra nhiều dấu hiệu cứng rắn. Tổng Thống Nixon đã ra lệnh hoãn thay quân đợt hai và chính phủ Nam Việt đã có một Thủ-tướng quân nhân.

Nhưng người ta cho rằng khi Xuân-Thủy trở lại Ba-lê thì phe đồng minh cũng sẽ đi tới một thái độ ôn hòa nào đó để phe bên kia có thể nhượng bộ được.

« Thánh chiến » ở Trung-Đông

Một công dân Úc-dại-lợi tên là Michael Denis William Rohen đã nhóm lửa đốt một đền Hồi-giáo và đồng thời cũng nhóm lửa cho một cuộc chiến-tranh ở Trung Đông. Thật vậy Rohen, một người theo Thiên Chúa giáo, đã đốt đền Al Aksa ở Jérusalem là một trong những ngôi đền được dân Ả-Rập sùng bái nhất. Một cánh cửa đền đã bị sụp đổ và các lãnh-tụ Ả-Rập, như Tổng thống Ai-Cập Nasser và Quốc Vương Arabi Séoudite Fayçal đã kêu gọi dân chúng mở cuộc « thánh chiến » để tiêu diệt dân Do-Thái. Dân Ả-Rập của mọi quốc gia đã có những phản ứng vô cùng mạnh mẽ và cuồng tín. Họ đình công, biểu tình, gào thét đòi phục thù.

Tuy ông Eban, Tổng-trưởng Ngoại-giao Do-thái, lớn tiếng cải chính tin Do-thái phá hủy đền Al Aksa và tuyên bố rằng Rohen đã bị bắt giữ và sẽ bị giải tòa, quân khủng bố Ả-Rập vẫn trả đũa bằng cách bắn hỏa tiễn vào các cơ sở Do-thái. Những người Ả-rập, gốc ở Palestine, còn uy hiếp phi-hành đoàn của chiếc máy bay thuộc hãng TWA Hoa-kỳ để bắt họ phải hạ cánh xuống Damas, thủ-đô

của Syrie. Khi làm như vậy những người Palestine hy vọng bắt được Tướng Rabin, Đại-sứ Do-thái ở Hoa-Kỳ và đồng thời phản đối Hoa-Kỳ đã bán máy bay Phantom cho Do-Thái. Vụ bắt cóc máy bay này làm cho chính phủ Syrie vô cùng bối rối vì Syrie đang muốn cải thiện giây liên lạc ngoại giao với Hoa-Kỳ và nguy hại hơn nữa là Damas ở gần kề

với Do-thái. Do-thái chỉ trong vài phút đồng hồ có thể đem phi cơ và trực thăng tới oanh tạc Damas như họ đã oanh tạc Liban vào đầu năm nay.

Nếu Ả-rập và Do-thái cứ tiếp tục trả đũa nhau, sự leo thang này sẽ đưa tới một cuộc chiến tranh tại Trung Đông.

TỪ-TRÌ

TIN BUỒN

Chị MỘNG TRUNG (Bà Hồ văn Hoài) đã từ trần tại Ba-lê ngày 3-9-1969. Chị Mộng Trung cộng tác với tạp chí Bách-khoa từ năm 1961, thoát đầu với loạt bài về « *Nếp sống nước ngoài* » sau là những lá thư tường thuật về các buổi trình diễn nhạc Việt của chị và anh Trần-văn-Khê của các nữ nghệ sĩ Phùng Há, Kim Cương ở Pháp và một vài nước Âu-châu từ 1961 đến 1968, mang tên chung là « *Nhạc Việt ở xứ người* ». Đặc biệt từ cuối năm 1965, độc giả Bách-Khoa được đọc một thiên điều tra, nghị luận công phu về « *Hôn nhân dị chủng* » của tác giả « *Nhạc Việt ở xứ người* ». Khởi sự viết « *Hôn nhân dị chủng* » thì chị lâm bệnh và sau đó phải giải phẫu hai lần nên loạt bài đăng trên Bách-Khoa bị ngắt đoạn nhiều kỳ hàng mấy tháng trường, kéo dài tới một năm rưỡi trời.

Lần giải phẫu thứ ba vào cuối tháng 4 năm nay làm chị mất sức thật nhiều, mãi mấy tháng sau vẫn chưa bình phục. Các bạn hữu ở nhà, khi nhận được cuốn « *Hôn nhân dị chủng* » của chị (do Cơ-sở xuất bản Phạm-Quang Khai ấn hành tại Saigon) gửi từ Bệnh viện Claude Bernard ở Ba-lê ngày 18-8, thấy nét chữ chị vẫn còn run. Nhưng không ai ngờ hai tuần sau chị đã trút hơi thở cuối cùng tại bệnh viện này, trả lại cho đời mọi âu lo, đau khổ, để về nơi thanh thản ngàn đời.

Vĩnh biệt chị MỘNG TRUNG, vĩnh biệt một nhà văn, nhà thơ, một nghệ sĩ tài hoa, đã dũng cảm đương đầu với cuộc sống chật vật với một nghị lực phi thường mà vẫn không bao giờ ngừng say mê văn chương nghệ thuật, vẫn không hề sút giảm lòng nhiệt thành mến yêu quê hương đất nước.

Tuệ-Mai, Minh-Quân, Nguyễn-Ngu-Í, Phạm-Duy, Lê-Ngộ-Châu và các văn hữu cộng tác với tạp chí Bách-Khoa cùng các bạn trong Nam-Chi Tùng-thư của Cơ sở xuất-bản Phạm-Quang-Khai.

Khí thiêng khi đã về thần ?

NGUYỄN - MẠNH - CÔN

Tiếp theo trang 10)

trong những nhân vật hoạ hoẩn trên thế giới có khả năng hiểu, và nhập tâm, hệ thống tư tưởng của Karl Marx như một căn bản triết học vừa cao siêu bao nhiêu thì vừa thực tế bấy nhiêu, và do đó, trở thành một thứ kim-chỉ-nam cho mọi công việc lý luận hay hành động, dù lớn dù nhỏ, trong đời sống.

Người ta biết biện chứng pháp duy vật, cơ sở giá trị của học thuyết mác-xít, có tác dụng thực tế như thế nào, khi nó được áp dụng vào công việc suy tư chiến thuật, chiến lược, trong một cuộc đấu tranh quân sự hay chính trị. Cách đây 20 năm, khi Chủ tịch Mao Trạch Đông chiếm lĩnh được đại lục Trung-Hoa, người ta có thể coi như phương pháp duy vật biện chứng đã đạt tới đỉnh huy hoàng cao nhất của nó. Nói riêng về những cuộc tranh đấu có vũ trang, người ta có thể coi con đẻ của nó, chiến tranh cách mạng, bao gồm hai hình thức nhân dân vũ trang khởi nghĩa và dùng du kích chiến từ đồng quê bao vây thành thị, như một thủ đoạn chiến đấu không-thể-nào-thua-được.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong khi toan tính công cuộc chiểu cố miền Nam, đã đặt quá nhiều tin tưởng vào phương pháp đó. Và người ta tin chắc ông đã thành công, nếu người Mỹ không lâm chiến kịp thời, năm 1965.

Ngay khi người Mỹ tham chiến, và sau đó nhiều tháng nữa, người ta vẫn chưa thấy người Mỹ có gì khác người Pháp, và người ta còn băn khoăn tự hỏi một quân đội không quen đi bộ (vì chỉ biết đi xe hơi), một quân đội ra trận tiền còn đòi có đá lạnh và gà quay, một quân đội mà cứ 100 người mới có 10 người chiến đấu, quân đội ấy làm thế nào chống lại được một quân đội có những đại đơn vị chiến đấu có thể tự túc, không cần tiếp tế, trong năm, bảy ngày liền ?

Điều thứ hai khiến cho người cộng sản phát sinh chủ quan là sự tin tưởng rằng dư luận của dân chúng Mỹ, bị dư luận của một phần lớn dân chúng thế giới chi phối, sẽ không cho phép chính quyền Mỹ kéo dài chiến cuộc.

Hai nhận định trên đây khiến cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp dự tính, bắt chấp sự thiệt hại của quân đội cộng sản có thể lên đến mức nào, đánh một trận lầy lừng kiêu Điện Biên Phủ, gây cho quân đội Mỹ một vết thương trầm trọng về nhân mạng, và thứ nhất về tự ái, đến độ dư luận Mỹ vùng lên bắt buộc Chính phủ Hoa-thịnh-Đốn phải rút quân, trong khi guồng máy tuyên truyền từ Hà Nội qua Bắc-Kinh sang Mạc-tư-Khoa, tìm hết cách vuốt ve cho giới quân nhân có thể rút quân mà không phải chịu nhục nhã quá đáng.

oOo

Như người ta đã thấy: Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người cộng sản đã thất bại. Nhiều người, cho đến nay, còn chưa dám tin họ đã thất bại. Nhiều người,

trước những bằng chứng cụ thể, phải tin, nhưng vẫn không hiểu tại sao với chiến lược chiến thuật được suy diễn một cách hoàn hảo như đã nói ở trên, mà người cộng sản có thể thất bại được. Câu trả lời, thông thường trong mọi giới, là Mỹ có quá nhiều phương tiện, và máy bay B.52 ném bom quá trúng đích. Trả lời như vậy tất nhiên là đúng.

Nhưng thật ít người có thể trả lời người Mỹ sử dụng phương tiện của họ như thế nào, và máy bay B.52 tại sao lại ném bom trúng đích. Lẽ tất nhiên tôi cũng không trả lời được hai câu hỏi đó. Nhưng tôi có thể nói rằng tôi biết cái động cơ hủ tri công việc suy tư chiến lược chiến thuật của người Mỹ, cũng như tôi biết, và ai nấy cũng biết biện chứng pháp duy vật là động cơ suy tư chiến thuật chiến lược của những người cộng sản. Cái động cơ của công việc suy tư ấy của người Mỹ được hiểu theo nghĩa đen: động cơ của các bộ máy tính điện tử.

Nói một cách giản dị thì dùng đầu óc con người mà suy tư theo phương pháp duy vật biện chứng so sánh với công việc suy tư bằng ký ức điện-tử, trong các bộ máy lớn hay nhỏ, của ngành cơ động chỉ huy không khác gì các em học sinh tiểu học dùng 4 phép tính căn bản mà làm một bài toán tương đối khó, so với các em học sinh trung học dùng phương pháp tân toán học mà làm bài toán ấy. Cả hai bên đều đi đến kết quả đúng, nhưng cố nhiên một bên làm nhanh hơn, bằng một cách vững vàng hơn. Đó là một điều lợi. Điều lợi thứ hai quan trọng hơn nhiều, là 4 phép tính căn bản, cũng như biện chứng pháp duy vật, chỉ cho phép người trong cuộc làm được việc khi có đầy đủ những dữ-kiện cụ - thể cần thiết. Trong khi đó tân toán học càng lên cao càng cho phép người ta dùng những ký-hiệu cụ-thể thay thế những dữ-kiện trừu tượng.

Lẽ tất nhiên bộ môn cơ-động chỉ huy, la *cybernétique*, không phải là tân toán học, mà tân toán học chỉ là bước đầu con đường dài đưa đến cơ động chỉ huy, bao gồm cả tin-tức-học cùng phương pháp chế tạo và sử dụng những bộ máy tính điện tử. Tôi rất tiếc phạm vi bài này không cho phép, và lại tôi cũng chưa bao giờ có bằng tiến sĩ toán học, để giải thích cho đầy đủ thế nào là cơ-động chỉ huy, thế nào là tin-tức-học. Điều cảm thưng mà tôi có thể nói ở đây là người Mỹ lên đến mặt Trăng, người Mỹ thắng du kích chiến — theo tôi còn khó hơn lên mặt Trăng — đều nhờ sự tiến bộ vượt bậc của họ về cơ-động chỉ huy.

Một nhà bác-học Pháp mới đây có nói: "Tin-tức-học, *l'informatique*, sẽ làm đảo lộn đời sống hơn cả năng lực nguyên tử, vì tin-tức-học sẽ thay đổi tâm tính con người". Biến đổi tâm tính con người là biến đổi cả đời sống, là ảnh hưởng đến tương lai của nhân loại. Mà không cần đến cách mạng, chính trị công an và quân đội, vì tất cả đều biến đổi. Cách đây 15 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh, và cả mấy nhà bác học Mỹ nữa, không thể chờ đợi có một động lực lạ lùng và ghê gớm như vậy sẽ can thiệp vào bàn cờ quốc tế.

Nhưng có lẽ càng về sau các nhân vật lãnh đạo chính quyền miền Bắc càng

thấy rõ rằng có một khả năng ở ngoài khả năng của loài người can thiệp vào trận chiến, khi được báo cáo có những đơn vị tinh tại trong rừng sâu cũng bị ném bom trúng đích, hay có những đơn vị đi công đồn không hề bị lộ giữa đêm khuya, mà cứ bị đối phương xạ kích đến bị tiêu diệt trước khi nổ súng.

Rồi càng ngày càng biết rõ hơn, lại càng thấy sự thất bại vô phương cứu chữa. Vì bên cạnh tín-tức-học, biện chứng pháp duy vật không là gì khác tiếng trẻ con tập nói. Lực lượng cộng sản bị đánh tan nát ngay trong 2 năm 67-68, các nhà lãnh đạo miền Bắc không thể làm gì khác hơn là tập trung toàn bộ số đơn vị còn lại để lợi dụng yếu tố bất ngờ, đánh trận « tiền công kích, hậu khởi nghĩa » như người ta đã thấy nhân dịp Tết Mậu-Thân, mặc dù sự chuẩn bị, về mọi phương diện, còn nhiều thiếu thốn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, như đã nói trên, là người đã thấm nhuần tư tưởng biện chứng vào tận xương tủy. Người phương Tây không ngưỡng mộ tài năng của ông bao nhiêu, vì chính họ đã quen với phương pháp làm việc thực tiễn, tuy không hẳn là biện chứng, cũng thường đưa đến những thành công tốt—như đã thấy tại miền Tây Âu-Châu. Nhưng người phương Tây lại rất tò mò, thích thú, và có nhiều phần ngưỡng mộ thật tình cái tác phong mà ông giữ được từ lúc xuất hiện ngày 2-9-1945 cho đến ngày ông mất đi, đúng 24 năm sau: đơn sơ, êm ái, với một chút gì như một nhà thi sĩ có đơn, mà đồng thời lại nhanh nhẹn, biến báo, linh hoạt. Điều làm rất lợi cho tuyên truyền cộng sản, từ 24 năm nay, chính là hình ảnh một-ông-già-không-có-lý-do-gì-để-tham-quyền-cổ-vị, hình ảnh của một nhà lãnh tụ cầm quyền theo kiểu gia đình: « cha con, bác cháu »... mà nhiều lãnh tụ khác, như Soekarno, Bourguiba, Nehru, và cả Mao Trạch Đông, điều có ý bắt chước mà không được thật giống bao giờ.

Đối với người Đông Phương thì khác. Những lời thăm thi, huyền truyền cùng nổi dậy với tên họ « Hồ Chí Minh » là những lời đồn về sự giỏi dang của ông. Và tất cả những ai—trừ những kẻ ngu độn quá quẩn—đều hiểu rằng ông có trí thông minh, biến hóa, và ứng phó hoàn cảnh rất tài tình. Những người có được học tập chút ít về triết học (ngoài nhà trường) và về chính trị lý thuyết, còn biết rõ hơn rằng trí thông minh ấy được Trời cho một phần, còn một phần được đào tạo, uốn nắn, hướng dẫn công phu, bởi phương pháp biện chứng duy vật. Không khác gì người Tây phương (như trên đã nói) thường dùng năm chữ W làm căn bản tập sự nghề nghiệp cho các phòng viên báo chí (1). người cộng sản có những danh từ mà họ nhập tâm, mà sự xuất hiện gần như tự động, mỗi khi họ có việc phải đặt thành vấn đề : khách, chủ; nội, ngoại; lợi, hại; bạn, thù ...

Người cộng sản tập suy luận có đầu đuôi, có phương pháp, và tập làm việc

(1) Năm chữ Anh bắt đầu bằng chữ W, có nghĩa là (luôn luôn tự hỏi) : Ai ? Ở đâu ? Bao giờ ? Như thế nào ? Tại sao ? Người phóng viên luôn luôn tự đặt 5 câu hỏi này tất nhiên phải tiến bộ nhanh chóng về nghề nghiệp.

in hết như họ suy luận. Có thể thôi. Và chính Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài phần Trời cho — mà xưa kia ông không chấp nhận (2) — cũng chỉ có thể thôi. Nhưng ông đã nhập tâm thật sự được duy vật biện chứng pháp. Và đó quả thật không phải là một cái « vốn lên đường » không nhỏ.

Nhưng không ngờ, chỉ mới trong vòng vài chục năm gần đây, sự tiến bộ của kỹ thuật điện-tử cho phép các nhà khoa học gửi gắm quá nhiều tin tức vào trong những bộ ký ức tự động. Máy móc đã tập suy tư, nói cho đúng là tập làm những bài toán, từ lâu rồi. Nhưng máy tính chạy điện, trong nhiều năm, không tiến được. Sự tiến bộ chỉ đến khi một số rất đông chuyên viên tiếp tay nhau nghiên cứu, sắp xếp, nhận định và bày hàng đủ mọi loại tin-tức khác biệt có cùng một đặc điểm là hội họp lại thì cái nọ liên hệ với cái kia, nhưng đề rời ra thì chẳng ai thấy được cái nào có dính liú đến cái nào. Và sự tiến bộ cũng chỉ đến khi một số rất đông chuyên viên khác đem những tin-tức mà, giữa người ta với nhau, ngôn ngữ phải dùng bao nhiêu danh từ, bao nhiêu động từ, bao nhiêu tính từ v.v... để giao truyền cho nhau, đem những tin tức ấy mà « vẽ » thành ký hiệu, thành ngôn ngữ đơn sơ mà máy tính điện-tử có thể ghi nhận được. Những người làm công việc phân tích (analystes), những người làm chương trình (programmeurs) đều đã vì nhu cầu của máy, vì sống quen với máy, mà biến thành « nửa người nửa máy ». Lớp người này không khác gì những người cộng sản, về phương diện biện chứng, nhưng họ suy tư với nhiều dữ-kiện hơn (có thể hàng triệu !) và với tốc độ nhanh gấp triệu lần. Những dự-phóng lớn, được nhắc lại nhiều lần, trở thành sắc xuất. Bộ môa cơ động chỉ huy — bốn chữ này có nghĩa đại cương là « máy chỉ huy máy » — vượt xa, xa không với theo được, không rời theo được.

Chủ-tịch Hồ-Chí-Minh đã trở thành người cũ, người lạc hậu. Chỉ huy một chính quyền mà dùng trí thông minh của một mình mình là một sự thua kém không thể tưởng tượng được, đối với đối phương của ông, cứ mỗi lần có đề tài cần suy tư lại huy động vài ba « khối » cơ động chỉ huy, mỗi khối có hàng nghìn, hay học nghìn — hay trăm nghìn ? — nhân viên phân tích và làm chương trình, sử dụng hàng chục bộ óc điện tử, trong mỗi bộ, về mỗi đề tài riêng biệt, lại có đầy đủ những tin tức mà loài người có thể có, kể từ khi lịch sử bắt đầu !

Tôi muốn nói chính cái tâm lý của ông bị tấn công trong thương. Cứ nhìn ông, hay nói cho đúng là cứ nghĩ đến ông, lại nghĩ ngay đến một con người với đầy đủ tinh hoa và đặc tính của nó. Tài giỏi đến bấy nhiêu mà thua . . . Thua ai ? Thua ông Johnson ? — Không ! Hay thua ông Nixon ? — Không ! Thua là thua SỐ ĐÔNG người vô danh phục vụ những bộ máy điện-tử khổng lồ kia !

Tôi đã nói Cộng-sản với Tư-bản vốn là con cùng một mẹ : mẹ kỹ thuật Tây phương. Một phần lớn thắng lợi, khôn ngoan của cộng sản, rút cuộc là những hình thái-tế-vi của kỹ thuật : kỹ thuật bò không động, kỹ thuật phá hàng rào mìn, kỹ thuật đào hầm, kỹ thuật đốt lửa không khói, kỹ thuật ăn ít no lâu... Một phần lớn thắng lợi, khôn ngoan của người Mỹ, rút cuộc cũng là những hình-thái tế-

vi của kỹ thuật : kỹ thuật thấy người ban đêm không cần nghe tiếng động, kỹ thuật tìm thấy người dưới vòm lá cây rừng không cần trông thấy khói...

Lẽ tất nhiên về phương diện chiến lược, công việc suy tư phải phức tạp hơn nhiều. Nhưng điều nọ giải thích điều kia, tôi mong đã nói lên được phần nào cái ý nghĩ của tôi là Chủ tịch Hồ Chí Minh không buồn vì chiến cố miền Nam thất bại, mà vì sự thất bại đó chứng tỏ cho ông thấy rằng tất cả cuộc đời ông là một sự tài giỏi vô cùng mà rỗng không. Một đứa con của bà mẹ chung kia đã tiêu diệt anh nó : sự thắng trận của người Mỹ đưa cả Cộng sản lẫn chính họ đến đối diện với sự bế tắc sau cùng. Trong khi đó, như tôi vẫn thường nghĩ, người miền Nam chúng ta, với tư cách đại diện có thẩm quyền của một nếp sống Đông Phương, bề ngoài hết sức hỗn độn, vì cuộc chiến tranh do họ gây ra, chúng ta ngập đến cổ trong cuộc chiến tranh ấy mà vẫn ở ngoài cuộc tranh đấu. Chúng ta chưa hề nói lên lời nói của người Đông phương thuần túy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong những năm cuối cuộc đời của ông, chắc hẳn đã nhận thấy rằng nếu ông có thể trở lại cái tuổi đôi mươi, ông sẽ không gia nhập đảng Cộng sản, và không trở thành một nhà tư tưởng duy vật (2). Đối với một tâm hồn sắt đá của con người đã từng tuyên bố nhân dịp tiễn một số cán bộ đi Cải cách Ruộng đất : « Các cô, các chú lên đường, máu càng chảy nhiều, thành công càng vĩ đại ! » đối với một con người mà danh tiếng thật sự đã bao trùm cả núi sông, mà một quyết định, dài bốn chữ : « Chiến cố miền Nam », trong 10 năm, đã đưa ít ra cũng 3 triệu đồng bào vào cõi chết, thì không có sự đau đớn do bất cứ sự thất bại nào, có thể có cái sức mạnh của cái buồn trước một sự tan tành tin tưởng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh bởi thế, và theo tôi nghĩ, đã buồn mà qua đời.

N.M.C.

(2) Khi đang viết đoạn cuối bài này, tôi được tin bản chúc thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn nói ông mong mỏi được gặp Karl Marx, Lénine v.v..., bên kia thế giới. Sự kiện này, nếu có thật, hoàn toàn minh xác quan điểm của tôi : trước khi chết Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bỏ rơi lập trường duy vật biện chứng, vì rõ rệt thấy nó đưa đến cơ động chỉ huy, mà cơ động chỉ huy thì đưa đến rỗng không. Vì thế, Cụ Hồ đã buồn rầu trở về với quan niệm Đông-phương (Phật, Lão, Trang) về sự sống chết. Tôi hy vọng Cụ đã về Trời được một cách nhẹ nhàng.

VỪA PHÁT HÀNH

Bộ Kinh Dịch có giá trị nhất hiện nay
do cụ SÀO NAM PHAN-BỘI-CHÂU dịch

CHU DỊCH

Lời giới thiệu của Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng

Toàn bộ 2 quyển giá 800 đ.

Bán tại : Nhà sách Khai-Trí

62 Lê-Lợi Saigon